

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm

Đà Nẵng, tháng 01 năm 2020

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	2
Phần 1. MỞ ĐẦU	3
1.1. Thông tin tóm tắt về Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.....	3
1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia Chương trình ETEP	6
1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
Tiêu chuẩn 1.....	10
TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	10
Tiêu chí 1. Tầm nhìn chiến lược.....	10
Tiêu chí 2. Quản lý	13
Tiêu chí 3. Đảm bảo chất lượng	18
Tiêu chuẩn 2.....	22
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
Tiêu chí 4. Phát triển chương trình.....	22
Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	26
Tiêu chuẩn 3.....	32
NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI.....	32
Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới.....	32
Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	32
Tiêu chuẩn 4.....	43
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI.....	43
Tiêu chí 8. Hợp tác vùng/ địa phương	43
Tiêu chí 9. Hợp tác quốc tế.....	46
Tiêu chí 10. Hợp tác với các tổ chức khác	51
Tiêu chí 11. Thông tin và truyền thông	56
Tiêu chuẩn 5.....	56
MÔI TRƯỜNG SƯ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC	61
Tiêu chí 12. Môi trường sư phạm.....	61
Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học	63
Tiêu chí 14. Nguồn tài chính	61
Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực	73
Tiêu chuẩn 6.....	73
HỖ TRỢ DẠY HỌC.....	78
Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	78
Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên	88
Tiêu chuẩn 7.....	89
HỖ TRỢ HỌC TẬP.....	89
Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học.....	89
Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập.....	98
Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa	98
KẾT LUẬN	

DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

ATGT	:	An toàn giao thông
ANTT	:	An ninh trật tự
BGH	:	Ban Giám hiệu
CBVC	:	Cán bộ viên chức
CBGD	:	Cán bộ giảng dạy
CBGV	:	Cán bộ, giảng viên
CGCN	:	Chuyển giao công nghệ
CTSV	:	Công tác Sinh viên
CSVCL	:	Cơ sở vật chất
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
ĐBCL	:	Đảm bảo chất lượng
ĐHĐN	:	Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	:	Đại học Sư phạm
ĐTN	:	Đoàn Thanh niên
HTQT	:	Hợp tác quốc tế
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GV	:	Giảng viên
HSV	:	Hội sinh viên
KHCN	:	Khoa học công nghệ
LMS	:	Hệ thống quản lí học tập trực tuyến
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NVSP	:	Nghiệp vụ sư phạm
PPGD	:	Phương pháp giảng dạy
SV	:	Sinh viên
TC-HC	:	Tổ chức - Hành chính
TĐG	:	Tự đánh giá
TDTT	:	Thể dục thể thao
VLVH	:	Vừa làm vừa học

Phần 1. MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHSP - ĐHDN) được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, Cơ sở Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn Cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHDN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo Sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHDN; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Trải qua gần 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHDN là cơ sở giáo dục Đại học đa ngành, đa cấp với cơ cấu 07 phòng, 12 khoa, 03 trung tâm và 03 tổ trực thuộc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự được các cấp chính quyền, đoàn thể tại trung ương và địa phương trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Năm 2016, Nhà trường được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Nhà trường đã xác định sứ mạng: *Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.*

Triết lý giáo dục của Trường là: *Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp.*

Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động. Đối với khoa học: *sáng tạo và tự do học thuật*; đối với công tác đào tạo: *chất lượng hàng đầu*; đối với công tác quản lý: *chuẩn mực và khách quan*; đối với giảng dạy: *kiến tạo tri thức và định hướng khởi nghiệp*; đối với người học: *tôn trọng năng lực cá nhân và tinh thần tập thể*; đối với đồng nghiệp: *chân thành và đoàn kết*; đối với cộng đồng: *cống hiến và phục vụ.*

1.1.1. Đội ngũ giảng viên

Tổng số cán bộ, viên chức của Trường tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2019 là 325 người; trong đó có 230 cán bộ giảng dạy (CBGD) với cơ cấu trình độ: 15 Phó giáo sư, 96 Tiến sĩ và Tiến sĩ khoa học (đạt 41,73% số GV), 160 Thạc sĩ; 69 CBGD đang đi học nghiên cứu sinh và cao học trong và ngoài nước.

1.1.2. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Nhà trường đang triển khai đào tạo 33 ngành ở trình độ Đại học, 17 ngành Thạc sĩ, 06 ngành Tiến sĩ và 30 loại hình đào tạo chứng chỉ, chứng nhận. Trong 33 ngành đào tạo trình độ Đại học, có 17 ngành đào tạo giáo viên. Tất cả chương trình đào tạo (CTĐT), bồi dưỡng của các ngành, khóa bồi dưỡng kể trên đều đã được thẩm định, phê duyệt và ban hành.

Đối với hệ vừa làm vừa học (VLVH), Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại Trường cũng như liên kết với các Trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo trong nước để tổ chức đào tạo các trình độ Đại học, Cao đẳng, đào tạo liên thông và bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường có 07 chương trình liên thông từ Cao đẳng lên Đại học, 05 chuyên ngành tuyển sinh từ bậc trung học phổ thông và văn bằng hai đối với các ngành đào tạo Đại học.

Các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận của Trường tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP), chức danh nghề nghiệp, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hoặc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông... Các chương trình bồi dưỡng này bổ ích cho người học, đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

CTĐT, bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với quy định; luôn được cập nhật, rà soát định kỳ; đáp ứng và phù hợp nhu cầu của người học cũng như các cơ sở sử dụng lao động.

Năm học 2019 - 2020, tổng số sinh viên (SV) hệ chính quy bậc Đại học là 6.497 SV, 758 học viên Sau đại học. Tổng số học viên hệ VLVH là 3.077 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường (SV Lào, Trung Quốc, Đài Loan...) là 95 SV. Tính đến nay Trường đã đào tạo được 2.258 Tiến sĩ và Thạc sĩ.

1.1.3. Tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng

Thư viện của Trường có diện tích 955m², được bố trí tại một khu vực độc lập, rộng rãi, yên tĩnh và thoáng mát; bao gồm hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu, báo chí riêng biệt. Thư viện có 20.240 đầu sách, với số lượng 113.844 cuốn trong đó số lượng số sách gắn với ngành đào tạo cấp bằng của Trường là 100.827 cuốn, có 60 máy tính được nối mạng internet, có hệ thống phần mềm quản lý sách, giáo trình và tài liệu.

Các khâu quản lý và nghiệp vụ đều được tin học hoá. Tài liệu được tra cứu bằng hệ thống máy tính nối mạng. Hệ thống các kho sách được chuyển thành kho mở, thủ tục mượn trả tài liệu được cảm ứng bằng quét mã vạch.

1.1.4. Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin

Khuôn viên của Trường có tổng diện tích 4,67 ha, 31.132 m² sàn xây dựng. Diện tích nơi làm việc: 2118 m², nơi vui chơi giải trí: 6000 m². Tổng diện tích phòng học: 19.526 m², đạt 3,0 m²/ 1 SV bao gồm 107 phòng học, trong đó có 10 giảng đường có

sức chứa từ 100 - 150 chỗ, 01 giảng đường có sức chứa 600 chỗ, đều được trang bị đủ hệ thống thiết bị âm thanh, máy chiếu. Trường hiện có 34 phòng thực hành, thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm được trang bị, nâng cấp hằng năm với nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng được việc học tập, nghiên cứu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh...; 09 phòng máy tính với hơn 500 máy tính xách tay; 04 phòng thực hành phương pháp dạy học gồm các thiết bị hiện đại như hệ thống bảng tương tác, máy chiếu lập thể, tăng âm, camera ghi hình bài giảng...

Khuôn viên Kí túc xá dành cho SV và lưu học sinh nước ngoài đảm bảo diện tích phòng ở 4446 m²; có cảnh quan đẹp, rộng rãi, thoáng mát; đảm bảo tốt mọi sinh hoạt và đảm bảo an ninh. Nhà tập thể dục thể thao (TDTT), Nhà sinh hoạt đa năng đảm bảo tốt việc rèn luyện TDTT thường xuyên và phong trào cho cán bộ và SV toàn trường.

Về công nghệ thông tin, Trường đã trang bị và thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến tiên tiến, có thể liên kết nội bộ trong 06 phòng học lớn có sức chứa hơn 1200 SV cùng học tập đồng thời có thể liên kết đến các trường Đại học trong và ngoài nước.

Hệ thống máy chủ và mạng cáp quang nội bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo cùng với các phần mềm quản lý hiện đại. Nhà trường đã xây dựng có hiệu quả và thường xuyên cập nhật website để giới thiệu và cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan về công tác quản lý, điều hành dạy học của trường.

1.1.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động NCKH từng bước phát triển, đạt hiệu quả tốt. Nhiều công trình NCKH của Trường được ứng dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo và đời sống sản xuất như đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD), CGCN nuôi cấy mô cây trồng giúp các địa phương trong khu vực nâng cao năng suất.

Hợp tác quốc tế (HTQT) không ngừng được phát triển theo đúng quy định của pháp luật và đã mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường. Trường đã trao đổi, hợp tác với nhiều trường Đại học trong khu vực và trên thế giới; nhiều biên bản ghi nhớ với các trường đối tác đã được triển khai và tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

1.1.6. Phối hợp với các trường sư phạm và các cơ sở giáo dục phổ thông trong nước

Với tư cách là thành viên của 07 trường sư phạm trọng điểm, Trường ĐHSP - ĐHDN đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ, tham gia, hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm với các trường sư phạm trong việc xây dựng CTĐT, xây dựng chuẩn đầu ra... Nhà trường còn luân phiên chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý, dạy học và NCKH... Điều này đã giúp công tác điều hành quản lý của Nhà trường đi đúng hướng, tạo ra mặt bằng chất lượng chung giữa các trường sư phạm trong nước.

Trường hợp tác thường xuyên với các Sở Giáo dục & Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên các địa phương, các trường phổ thông trong cả nước và đặc biệt tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên trong việc bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng

cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó có bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán cho 06 tỉnh thành được phân công thuộc Chương trình ETEP.

1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia Chương trình ETEP

Trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới và các yêu cầu về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục ở nước ta đã được xác định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đòi hỏi các trường Đại học cần phải có sự đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, HTQT...

Là 01 trong 07 trường sư phạm chủ chốt trong cả nước, Trường ĐHSP - ĐHĐN luôn ý thức được nhiệm vụ chính trị là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho các địa phương trong nước nhằm góp phần thực hiện những thay đổi quan trọng trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới.

Trường ĐHSP - ĐHĐN xác định chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu và mục tiêu của Nhà trường là không ngừng nâng cao chất lượng trên cả 07 phương diện: tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng (ĐBCL); CTĐT; nghiên cứu, phát triển và đổi mới; hoạt động đối ngoại; môi trường sư phạm và các nguồn lực; hỗ trợ dạy học; hỗ trợ học tập.

Chương trình Phát triển các trường sư phạm (Tên tiếng Anh: Enhancing Teacher Education Program - ETEP) do Ngân hàng Thế giới tài trợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chương trình đầu tư tại Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 30/5/2016. Chương trình tập trung vào lĩnh vực tăng cường năng lực cho các trường ĐHSP chủ chốt, thông qua các hoạt động nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo các chuẩn nghề nghiệp giáo viên và hiệu trưởng trường phổ thông mới.

Mục tiêu trên của Trường phù hợp với mục tiêu của Chương trình ETEP là hỗ trợ cho các trường sư phạm phát triển. Do đó, tham gia chương trình ETEP cùng với 06 trường sư phạm chủ chốt và Học viện Quản lý Giáo dục là thuận lợi và cơ hội cho Trường ĐHSP - ĐHĐN để nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của nước ta trong xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Nhà trường cam kết đến khi Chương trình ETEP kết thúc, năng lực của Trường sẽ được nâng cao, đạt được số điểm TEIDI theo cam kết đã kí trong PA với Ban Quản lý ETEP Trung ương.

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm (TEIDI) bao gồm 7 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí và 63 chỉ số là công cụ đo lường toàn diện năng lực các trường sư phạm, trong đó hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông là nội dung được đặc biệt quan tâm. Việc tự đánh giá (TĐG) theo bộ tiêu chuẩn TEIDI giúp các cơ sở giáo dục xác định những thế mạnh, hạn chế trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; từ đó có

những cải tiến, điều chỉnh cần thiết nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được tiến hành tại cơ sở giáo dục.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHSP - ĐHĐN là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông đáp ứng nhu cầu giáo dục tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Trường xác định nhiệm vụ của mình là đào tạo cử nhân khoa học, đào tạo Sau đại học, NCKH và CGCN phục vụ cộng đồng.

Với mục đích xác định năng lực hiện tại của Trường trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông các cấp, Trường ĐHSP - ĐHĐN đã tiến hành TĐG theo bộ Chỉ số TEIDI, từ đó đề xuất các chương trình hành động, kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Qua TĐG, Nhà trường xác định được những điểm mạnh và hạn chế trong việc thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông. Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch chiến lược nhằm nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới.

Quá trình TĐG được Nhà trường thực hiện theo quy trình khoa học. Hội đồng TĐG và 06 nhóm công tác chuyên trách được phân công tiến hành TĐG năng lực đào tạo bồi dưỡng theo bộ chỉ số TEIDI là những người am hiểu về lĩnh vực ĐBCL giáo dục và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường. Báo cáo TĐG TEIDI được hoàn thiện qua nhiều dự thảo khác nhau và được lấy ý kiến toàn thể cán bộ, giảng viên (CBGV) Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá

Kết quả TĐG với bộ tiêu chuẩn TEIDI cho thấy Nhà trường đạt điểm năng lực là 4,38. Một trong những kết quả quan trọng của báo cáo TĐG là đã chỉ ra được thực trạng, phát hiện những điểm mạnh, điểm tồn tại của Nhà trường trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. Bên cạnh đó, Trường cũng đã xây dựng được các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH của Trường. Cụ thể, kết quả TĐG như sau:

- *Về tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng:* Trường xác định rõ ràng tầm nhìn, sứ mạng của mình. Sứ mạng của Nhà trường được tuyên bố phù hợp với nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó, góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục phổ thông nói riêng và sự tiến bộ về kinh tế xã hội nói chung. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp, trong đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý và các hoạt động ĐBCL là những công cụ cốt lõi giúp Nhà trường hoàn thành sứ mạng, đạt được những mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng chỉ số KPIs cụ thể cho từng vị trí việc làm, đặc biệt vị trí các chuyên viên và nhân viên phục vụ.

- *Về chương trình đào tạo:* Tính đến tháng 10 năm 2019, Nhà trường thực hiện 14/17 chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên và nhiều chương trình bồi dưỡng ngắn hạn như bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phổ thông; bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo

dục mầm non; bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; bồi dưỡng NVSP cho giảng viên (GV) đại học... Các CTĐT, bồi dưỡng được thiết kế một cách khoa học, có tham khảo các chương trình tiên tiến của các trường trong và ngoài nước. Nội dung chương trình hướng đến đáp ứng nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng. Các chương trình có tính thực tế cao, đảm bảo hình thành năng lực làm việc của người học sau tốt nghiệp. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có nhiều chương trình chất lượng cao và các chương trình liên kết quốc tế để thu hút người học quốc tế tham gia học tập.

- *Về điều kiện thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng*: Nhằm ĐBCL các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, Trường đã đầu tư hợp lý về chiến lược, nhân lực và vật lực. Hiện nay, Trường đã tiến hành tin học hóa công tác quản lý với sự phân công, phân cấp rõ ràng đến từng bộ phận, cá nhân giúp cho việc thực hiện công việc một cách thông suốt.

Đội ngũ GV, chuyên viên và nhân viên phục vụ của Trường là những người có chuyên môn phù hợp, được tuyển dụng theo đúng quy định, được tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm, đảm bảo có đầy đủ năng lực thực hiện hiệu quả các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng.

Nhà trường luôn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ đào tạo và NCKH. Nhiều phòng học, phòng thực hành - thí nghiệm được trang bị những thiết bị hiện đại; hệ thống học liệu đa dạng và đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và người học. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng quan tâm phát triển cảnh quan sư phạm, tạo những điều kiện tốt nhất cho người học.

Mặc dù vậy, hệ thống CSVC được đầu tư chưa đồng bộ, chưa theo kịp những yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông.

- *Về NCKH và CGCN*: Nhận thức được vai trò rất quan trọng của NCKH, Trường đã xây dựng kế hoạch KHCN dài hạn và ngắn hạn, trong đó rất quan tâm đến lĩnh vực khoa học giáo dục. Trong những năm qua, số lượng và chất lượng các đề tài NCKH ngày càng được nâng cao, các kết quả nghiên cứu góp phần đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường; các chính sách của Nhà trường đã phát huy hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH. Tuy nhiên số lượng công trình NCKH lớn chưa nhiều, chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường.

- *Về hoạt động đối ngoại*: Hoạt động HTQT và đối ngoại được xác định là nhiệm vụ nhằm nâng cao vị thế, uy tín học thuật của Trường. Trường hiện có quan hệ đối tác với nhiều đơn vị trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực. Nhà trường cũng thường xuyên tiến hành các hoạt động hợp tác trên lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu với các địa phương trong nước thông qua các hợp đồng liên kết đào tạo, bồi dưỡng và các hợp đồng đặt hàng NCKH và CGCN. Trường ĐHSP - ĐHĐN cũng tích cực tham gia vào Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường sư phạm, phối hợp với các trường Đại học khác tổ

chức các hoạt động, hội thảo về khoa học giáo dục. Tuy vậy, HTQT với mục đích mang lại những kết quả thiết thực về tài chính cũng như CSVC của Trường còn rất hạn chế.

- *Về các hoạt động hỗ trợ người học:* Nhà trường luôn xác định người học là đối tượng trung tâm trong các hoạt động. Ngay từ khi nhập học, người học đã được hướng dẫn đầy đủ về chương trình, quy định đào tạo, được tạo các điều kiện rèn luyện chính trị, tư tưởng, TĐTT; người học cũng được thụ hưởng các hoạt động hỗ trợ học tập từ Nhà trường, được tư vấn việc làm sau tốt nghiệp. Hoạt động của Ban liên lạc cựu SV của Nhà trường và của các khoa còn hạn chế, chưa thiết thực.

Những định hướng nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng tại Trường ĐHSP - ĐHQĐN

Khái quát lại, kết quả đánh giá trên cho thấy Nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông như: đội ngũ CBGD có chuyên môn cao, đảm bảo về lượng và cơ cấu chuyên môn; các CTĐT, bồi dưỡng đa dạng, được xây dựng theo những quy định hiện hành, phù hợp với nhu cầu học tập, bồi dưỡng của người học; hệ thống quản lý đào tạo và các công việc liên quan đến các hoạt động của Trường được tổ chức khoa học, đảm bảo hiệu quả công tác quản lý. Việc phát huy những thuận lợi trên giúp Trường nâng cao năng lực trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên phổ thông.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, qua quá trình TĐG cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế như sau: hệ thống CSVC thiếu đồng bộ; trang thiết bị dạy học, thực hành - thí nghiệm chưa tương thích với thực tế giáo dục phổ thông, gây khó khăn cho người học sau tốt nghiệp; các CTĐT mặc dù đã thực hiện TĐG nhưng chưa được kiểm định bởi một tổ chức kiểm định độc lập, chưa khẳng định được uy tín, cũng như giải trình về chất lượng của Nhà trường đối với xã hội.

Định hướng:

- Đồng bộ hoá CSVC; nâng cấp trang thiết bị dạy học, thực hành - thí nghiệm phù hợp với nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông là một trong những yêu cầu cần thực hiện, nhằm góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại Trường.

- Tham gia kiểm định các CTĐT bởi các tổ chức kiểm định trong nước và quốc tế nhằm mục đích nâng cao vị thế, uy tín của Nhà trường.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 1. Tầm nhìn chiến lược

1. Mô tả

Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của Trường

Trường ĐHSP là cơ sở giáo dục thành viên thuộc ĐHĐN, được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ; tất cả hoạt động của Trường ĐHSP - ĐHĐN được thực hiện theo Luật Giáo dục Đại học và Điều lệ trường Đại học [H1.01.01.01].

Trường ĐHSP đã xác định rõ tầm nhìn chiến lược trung hạn và dài hạn. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường ĐHSP số 34/NQ-ĐU ngày 9/3/2010. Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường ĐHSP được tiến hành rà soát, điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Năm 2016, Nhà trường đã điều chỉnh Sứ mạng và Tầm nhìn sau 5 năm ban hành. Đến năm 2019, Trường tiếp tục điều chỉnh theo hướng lấy nhiệm vụ đào tạo sư phạm làm trọng tâm và nâng cao vai trò của hội nhập quốc tế trong cả đào tạo và NCKH. Theo đó, Tầm nhìn hiện nay của Nhà trường được xác định như sau: “*Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo*” [H1.01.01.02]. Đối chiếu với Sứ mạng của Nhà trường được xác định là “*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.*”, Tầm nhìn này hoàn toàn phù hợp với Sứ mạng và nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường [H1.01.01.03].

Để thực hiện Sứ mạng và hiện thực hoá Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược cụ thể, trong đó bao gồm tất cả các mặt từ đào tạo, NCKH, HTQT, CSVN, tài chính, nguồn nhân lực, ĐBCL, phục vụ cộng đồng. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển của Nhà trường đều gắn chặt với những nội dung trong Sứ mạng

và Tầm nhìn [H1.01.01.04]. Năm 2018, dưới dự hỗ trợ của Chuyên gia tư vấn Hong Kong, Ngân hàng Thế giới và Ban Quản lý ETEP Trung ương, Nhà trường cũng đã xây dựng Chiến lược phát triển Nhà trường theo các lĩnh vực được xác định trong Bộ chỉ số TEIDI với những mục tiêu, giải pháp và thời gian cụ thể cho từng hoạt động [H1.01.01.05].

Khi Sứ mạng và Tầm nhìn có sự thay đổi, Trường đã chủ động xây dựng kế hoạch để điều chỉnh Kế hoạch chiến lược với mục tiêu điều chỉnh mục đích, xác định những giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động để đạt được tầm nhìn và thực hiện sứ mạng mới [H1.01.01.06].

Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, Sứ mạng của Trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của Trường

Nhà trường thực hiện công bố Sứ mạng, Tầm nhìn một cách rộng rãi và công khai. Các pano giới thiệu về Sứ mạng, Tầm nhìn được đặt trong khuôn viên nhà Hiệu bộ, khu giảng đường, hội trường để CBVC, người học, các bên liên quan dễ dàng nhận biết và cũng để tạo sức lan toả. Sứ mạng, Tầm nhìn cũng được công bố trong bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và công bố công khai trên website của Trường bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. CBVC trong Trường và người học có thể hiểu và nắm bắt nội dung về Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường với nhiều hình thức khác nhau như bằng văn bản được gửi đến các CBVC, hoặc trên website, tờ rơi... [H1.01.01.07].

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường. Nhà trường đã tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược và đang tiến hành điều chỉnh kế hoạch chiến lược cho phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn mới [H1.01.01.08].

Trên cơ sở Sứ mạng và Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược cho từng lĩnh vực hoạt động trong đó đã xác định những mục tiêu trung và dài hạn, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và đã đề ra những giải pháp nhằm thực hiện thành công được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.04].

Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và đề ra những giải pháp để thực hiện từng lĩnh vực hoạt động. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược, Nhà trường cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học. Các nhiệm vụ của từng năm học được rà soát, đánh giá định kì theo từng quý và được đánh giá tổng kết thường niên [H1.01.01.09].

Trường có đủ các nguồn lực để thực hiện Sứ mạng và Tầm nhìn: đội ngũ GV của Trường là những người có trình độ cao, có biên chế cơ hữu, hợp đồng không xác định

thời hạn và ổn định; đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên có kinh nghiệm; uy tín của Trường có sức thu hút các GV, SV, công ty, tổ chức trong và ngoài nước; CSVC (phòng học, phòng Lab, phòng máy tính, mạng Internet..) về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng [H1.01.01.10].

Kết quả thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường được rà soát, đánh giá theo chu kỳ 5 năm 1 lần trong mỗi lần Đại hội Đảng bộ của Nhà trường [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

- Sứ mạng, Tầm nhìn đã được công bố công khai và phổ biến đến CBVC và người học của Trường qua nhiều kênh thông tin; được tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan.

- Sứ mạng, Tầm nhìn tác động rất lớn đến xây dựng giải pháp hoạt động, phát triển Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động trong Kế hoạch chiến lược chưa được thường xuyên rà soát, điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đối chiếu kết quả hoạt động của Nhà trường so với Kế hoạch chiến lược để có những điều chỉnh hợp lý trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động sắp tới.	Các đơn vị	2019	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các hình thức tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan ngoài Trường về Sứ mạng và Tầm nhìn.	Các đơn vị	2019	2021
3		Định kỳ hằng năm, tổ chức Hội nghị bàn về giải pháp thực hiện Kế hoạch chiến lược phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn.	Các đơn vị	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 1	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1.1					5		
Chỉ số 1.1.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.50						

Tiêu chí 2. Quản lí

1. Mô tả

Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực

Trường ĐHSP - ĐHĐN áp dụng cơ cấu tổ chức và quản lí theo *Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học; Điều lệ trường Đại học; Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc* [H1.01.02.01]. Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu (BGH); các phòng chức năng; các khoa và bộ môn; tổ trực thuộc; các trung tâm trực thuộc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H1.01.02.02]. Trường đã ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn làm cơ sở hoạch định các chiến lược phát triển trong giai đoạn tiếp theo [H1.01.02.03].

Căn cứ vào Sứ mạng, Tầm nhìn và *Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP - ĐHĐN giai đoạn 2010 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định nội bộ về tổ chức, quản lí; trong đó phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, cán bộ quản lí (CBQL), giảng viên và nhân viên: *Quy định chức năng và nhiệm vụ của các phòng và tổ trực thuộc của Trường ĐHSP - ĐHĐN; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và quyền hạn, trách nhiệm của các Trường đơn vị; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của các chức danh viên chức* [H1.01.02.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai quản lí CBVC một cách có hiệu quả; đồng thời triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ; qua đó khuyến khích CBQL, GV và NV, kĩ thuật viên phát huy năng lực của mình [H1.01.02.05]. Nhà trường đã xây dựng *Đề án vị trí việc làm*, trong đó cụ thể hóa vị trí việc làm của từng cá nhân [H1.01.02.06]. Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách nhằm khuyến khích GV tăng cường NCKH, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của công việc; đồng thời có các chế tài để GV thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn theo lộ trình vị trí việc làm đã đăng kí [H1.01.02.07, H1.01.02.08, H1.01.02.09]. Nhà trường luôn áp dụng mô hình quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các hoạt động, do đó công tác quản lí của Nhà trường được thực hiện chuyên nghiệp và hiệu quả hơn [H1.01.02.10].

Qua rà soát, Trường đã điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn phù hợp với định hướng phát triển của Trường và nhu cầu của xã hội, làm cơ sở để ban hành mới các chính sách, kế hoạch nhằm phù hợp với sứ mạng hiện nay [H1.01.02.11]. Sau khi điều chỉnh

Sứ mạng, Tầm nhìn, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2017 - 2022 làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ từng năm [H1.01.02.12, H1.01.02.13]. Ban hành quy định khen thưởng KHCN vào năm 2017 và điều chỉnh vào năm 2019 theo hướng tăng cường hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ CBVC tham gia nghiên cứu và tăng cường công bố khoa học trong và ngoài nước [H1.01.02.14]. Tăng hệ số chi vượt định mức giờ giảng (mức 2) từ 70.000đ/tiết lên 80.000đ/tiết và Ban hành quy định hỗ trợ CBVC tham dự hội nghị, hội thảo nhằm khuyến khích GV nâng cao chất lượng dạy học, tăng cường các hoạt động trao đổi chuyên môn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay [H1.01.02.15]. Đảng ủy Trường đã xây dựng và ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường giai đoạn mới [H1.01.02.16]

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm

Đội ngũ nhân sự của Trường được tuyển dụng theo đúng yêu cầu về trình độ và chuyên môn. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ viên chức (CBVC) đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị. Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản, trên website của Khoa, Trường, ĐHĐN và trên các phương tiện thông tin để thông báo đến được với nhiều tổ chức, cá nhân nhất. Tất cả ứng viên đều được các đơn vị sử dụng trực tiếp xét hồ sơ và tham gia kì thi tuyển viên chức hoặc sát hạch về chuyên môn, nghiệp vụ [H1.01.02.17], [H1.01.02.18].

Đội ngũ GV được tuyển dụng thông qua nhu cầu và đề xuất vị trí việc làm từ khoa chuyên môn đã được phê duyệt nên kịp thời bù khuyết vào những thiếu hụt nhân sự. Các ứng viên được sơ tuyển qua quy trình xét hồ sơ dự tuyển trước khi được Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường thông qua. Đội ngũ GV giảng dạy thực hành của Trường đã được đào tạo đúng chuyên môn và được bố trí làm việc ở phòng thí nghiệm, thực hành của các Khoa Hóa học, Sinh - Môi trường, Tin học, Vật lí, Địa lí [H1.01.02.19]. Đội ngũ chuyên viên, nhân viên các phòng chức năng và tổ trực thuộc được bố trí, phân công nhiệm vụ rõ ràng theo đề án vị trí việc làm và phù hợp năng lực sở trường của từng cá nhân [H1.01.02.20]. Nhằm đảm bảo tốt vai trò, chức năng của từng vị trí nhân sự với năng lực chuyên môn, sau khi được tuyển dụng, Nhà trường đã yêu cầu các nhân sự tham gia các lớp nghiệp vụ theo đúng yêu cầu của vị trí được tuyển dụng như các lớp nghiệp vụ sư phạm cho GV và bồi dưỡng quản lí Nhà nước, kĩ

năng hành chính, văn thư lưu trữ cho chuyên viên; yêu cầu các ứng viên thực hiện cam kết thực hiện lộ trình học tập nâng cao trình độ [H1.01.02.21].

Hàng năm, Trường đều tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng cá nhân. Đối với GV, Nhà trường đánh giá theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng chuyên môn và nhiệm vụ khác [H1.01.02.22]. Đối với chuyên viên, kỹ sư, Nhà trường đánh giá dựa trên khối lượng công việc hoàn thành và nhiệm vụ khác theo quy định [H1.01.02.23]. Kết quả đánh giá từ năm 2017 – 2019, CBGV đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên cho thấy năng lực chuyên môn của từng cá nhân đã đáp ứng được yêu cầu của công việc [H1.01.02.24]. Tuy nhiên, số lượng sáng kiến kinh nghiệm hoặc giải pháp cải tiến kỹ thuật của các chuyên viên và kỹ thuật viên chưa nhiều và một số GV chưa thực hiện đúng cam kết lộ trình học tập, nâng cao trình độ.

Nhà trường sẽ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ và hỗ trợ soạn thảo văn bản cho khối chuyên viên văn phòng; mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, lãnh đạo của Nhà trường [H1.01.02.25].

Chỉ số 1.2.3. Toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ

Hàng năm, căn cứ vào Luật Viên chức (2010), Nghị định 56/2015, ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đánh giá và phân loại CB, công chức, VC; Thông tư Quy định chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT (2014); Quy định về đánh giá, phân loại CBVC và người lao động của ĐHĐN (2019) [H1.01.02.26]. Trường đã phân định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cũng như của từng cá nhân xây dựng hệ thống phiếu đánh giá và xếp loại bằng các mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân [H1.01.02.27, H1.01.02.28, H1.01.02.29]. Trường áp dụng biện pháp kỹ thuật trong quản lý giờ làm việc của khối cán bộ hành chính bằng hình thức sử dụng dấu vân tay trong đăng ký giờ làm việc [H1.01.02.30].

Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được căn cứ từ ba phía: TĐG, đánh giá từ đồng nghiệp và đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý. CBVC phải có trách nhiệm TĐG công tác của cá nhân sau mỗi năm học và thủ trưởng các đơn vị (khoa/phòng) thực hiện đánh giá cá nhân theo các mảng công tác được giao. Trên cơ sở kết quả đánh giá viên chức của các đơn vị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường cùng xem xét, đánh giá kết quả công tác của CBQL, cá nhân trong các đơn vị và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả xếp loại CBVC và người lao

động để chi lương tăng thêm theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của mỗi cá nhân [H1.01.02.31]. Kết quả đánh giá cho thấy đa số đội ngũ CBVC và người lao động đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1.01.02.32]. Ngoài đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân theo năm học, Nhà trường cũng yêu cầu thực hiện công khai, minh bạch tài sản đối với người thuộc diện phải kê khai; giải trình kết quả công tác theo nhiệm kì hoặc trước khi quy hoạch, bổ nhiệm như: cá nhân thuộc diện CBQL hoặc đề nghị bổ nhiệm, tái bổ nhiệm thực hiện bản TĐG nhiệm vụ công tác, sau đó trình bày trước tập thể đơn vị để lấy ý kiến nhận xét và trình bày trước BGH hoặc Ban Chấp hành Đảng bộ [H1.01.02.33]. Ngoài ra, Nhà trường cũng giải trình những kiến nghị của viên chức và người lao động tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.02.34].

Sau 2 năm thực hiện công tác đánh giá, xếp loại viên chức; Nhà trường tổ chức góp ý quy chế đánh giá, xếp loại viên chức để đánh giá tính hiệu quả của quy chế này; qua đó nhằm điều chỉnh, cập nhật xếp loại cán bộ lãnh đạo - quản lí, GV, viên chức hành chính và nhân viên phục vụ [H1.01.02.35]. Trường nhận thấy để công tác đánh giá, xếp loại được thực hiện một cách khoa học, công bằng, hiệu quả, đảm bảo chính xác mức độ hoàn thành công việc của CBGV và cán bộ quản lí phù hợp với chuẩn GV, Nhà trường cần cải tiến bộ tiêu chí và hệ thống đánh giá CBVC. Vì vậy, từ cuối năm 2018, Nhà trường đã tổ chức tập huấn xây dựng KPIs cho CBVC của Nhà trường [H1.01.02.36]. Năm 2019, Trường nghiên cứu xây dựng dự thảo bộ tiêu chí và dự kiến sẽ áp dụng bộ chỉ số đánh giá CBVC dựa trên năng lực thực hiện công việc vào năm 2020 [H1.01.02.37].

2. Điểm mạnh

- Trường đã áp dụng mô hình quản lí chất lượng ISO 9001:2015 nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác quản lí.
- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân sự được tuyển dụng đáp ứng vai trò, chức năng của từng vị trí công việc.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng sáng kiến kinh nghiệm hoặc giải pháp cải tiến của chuyên viên chưa nhiều.
- Một số GV chưa thực hiện đúng lộ trình cam kết học tập nâng cao trình độ.
- Nhà trường chưa thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lí, lãnh đạo và chuyên viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên có sáng kiến kinh nghiệm và giải pháp cải tiến.	Phòng TC-HC	2019	2021
2		Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ và chế tài để GV nâng cao năng lực chuyên môn.	Phòng TC-HC	2019	2021
3		Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cho CBQL, lãnh đạo và chuyên viên.	P.CSVC & P. TC-HC	2019	2021
4	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.	Phòng Khảo thí & ĐBCL	2019	2021
5		Định kỳ rà soát, sắp xếp vị trí việc làm của đội ngũ CBVC và người lao động nhằm tăng hiệu suất làm việc.	Phòng TC-HC	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 2	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.2.1					5		
Chỉ số 1.2.2					5		
Chỉ số 1.2.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.67						

Tiêu chí 3. Đảm bảo chất lượng

1. Mô tả

Chỉ số 1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong

Trường ĐHSP - ĐHĐN luôn đặt chất lượng lên hàng đầu. Tất cả các hoạt động của Nhà trường đều hướng đến chất lượng trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường đã thực hiện quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Với hệ thống này, tất cả các khâu từ đầu vào, quá trình, đầu ra đều được quy trình hóa đảm bảo các hoạt động diễn ra một cách thông suốt và thuận lợi. ISO của Nhà trường đã được cải tiến định kì theo thực tế công việc và đã được nâng cấp từ hệ thống 9001:2008 lên hệ thống 9001:2015 [H1.01.03.01].

Bên cạnh việc quản lý chất lượng theo ISO, Nhà trường cũng tích cực tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng và xây dựng các hệ thống ĐBCL bên trong. Nhà trường đã ban hành *Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030* [H1.01.03.02]. Chiến lược ĐBCL giáo dục của Nhà trường được đưa vào triển khai trong thực tế và được rà soát đánh giá.

Để thực hiện chiến lược, Nhà trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL cấp Trường và cấp Khoa [H1.01.03.03]. Trường cũng đã có đơn vị chuyên trách về ĐBCL giáo dục là Phòng Khảo thí và ĐBCL giáo dục [H1.01.03.04]. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho BGH về công tác Khảo thí và ĐBCL giáo dục; xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động TĐG và khảo thí trong phạm vi toàn Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng. Biên chế hiện nay của Phòng KT&ĐBCLGD có 05 CBVC; trong đó có 03 thạc sĩ và 02 cử nhân. Cán bộ của Phòng KT&ĐBCLGD đã được tham dự nhiều lớp tập huấn về ĐBCL bên trong, TĐG và đánh giá ngoài; các hội thảo chuyên đề về hoạt động ĐBCL Đại học do Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý Chất lượng, ĐHĐN tổ chức. Đội ngũ cán bộ của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD là những người có năng lực, có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục; có khả năng tham mưu, triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá, ĐBCL giáo dục nhằm nâng cao hoạt động toàn diện của Trường [H1.01.03.05].

Ngoài các cán bộ của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD được tham gia các lớp bồi dưỡng về ĐBCL, các lãnh đạo, các cán bộ của các đơn vị trong Trường cũng được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về công tác ĐBCL do Bộ GD&ĐT tổ chức, các

khóa đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục... nhờ đó giúp nâng cao năng lực của cán bộ, viên chức về hoạt động ĐBCL [H1.01.03.06].

Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp Trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục

Trường đã triển khai TĐG cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT. Trường ĐHSP là cơ sở đầu tiên trong cả nước được kiểm định và được công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội vào năm 2016 [H1.01.03.07].

Bên cạnh công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường còn tiến hành triển khai TĐG CTĐT. Trường đã tiến hành TĐG 12 CTĐT ngành sư phạm theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên THPT trình độ Đại học, trong đó ngành SP Ngữ văn đã được Bộ GD&ĐT đánh giá ngoài vào năm 2013 [H1.01.03.08].

Năm 2018, Trường đã tiến hành đánh giá ngoài CTĐT sư phạm Vật lý theo tiêu chuẩn AUN-QA. Chương trình Sư phạm Vật lý của Trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng và cấp giấy chứng nhận chất lượng của AUN-QA vào năm 2019 [H1.01.03.09]. Năm 2019, Trường đang tiến hành TĐG 03 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.10].

Thông qua hoạt động TĐG và đánh giá ngoài, Nhà trường đã thấy rõ được điểm mạnh, hạn chế và triển khai những kế hoạch hành động nhằm không ngừng phát triển Nhà trường [H1.01.03.11]. Tuy nhiên, số lượng CTĐT của Nhà trường được kiểm định bởi tổ chức kiểm định độc lập, đặc biệt là tổ chức kiểm định quốc tế như AUN-QA, còn hạn chế.

Chỉ số 1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học

Hiện nay, Nhà trường đang quản lý hệ thống các mảng hoạt động bằng phần mềm tại địa chỉ <http://qlht.ued.udn.vn>. Nhà trường có phần mềm tích hợp để thu thập và xử lý dữ liệu của GV. Phần mềm này có tính liên thông giữa các đơn vị và các mảng công tác [H1.01.03.12].

ĐHSP là trường thành viên của ĐHĐN, do đó Trường có hệ thống quản lý CBGV và người học bằng phần mềm liên thông trong ĐHĐN. Thông tin của từng GV về trình độ đào tạo, ngạch viên chức... được quản lý bằng phần mềm quản lý cán bộ tại địa chỉ <http://hrm.udn.vn>, khi có những biến động về CBGV như về trình độ học vấn, bằng cấp sẽ được cập nhật vào phần mềm; việc quản lý hoạt động NCKH cũng được quản lý bằng phần mềm trực tuyến. GV cập nhật lịch khoa học tại <http://scv.ued.udn.vn/>.

Hàng năm, trên cơ sở các dữ liệu được cập nhật trên hệ thống phần mềm kết hợp với các minh chứng bằng văn bản, Nhà trường tính điểm công trình NCKH cho GV. Các thông tin thu thập bằng phần mềm được gửi cho các đối tượng liên quan để kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng [H1.01.03.13].

Việc quản lý thông tin người học mang tính toàn diện từ đầu vào, quá trình, đầu ra và được thực hiện bằng phần mềm hệ thống của Nhà trường tại <http://qlht.ued.udn.vn>. Các thông tin của SV được cập nhật theo từng kì và được liên kết trực tiếp đến tài khoản của SV đảm bảo SV có thể dễ dàng cập nhật, đối chiếu và so sánh [H1.01.03.14].

Chỉ số 1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học

Bên cạnh quản lý các thông tin cơ bản của GV về khối lượng giảng dạy, NCKH; Nhà trường cũng xây dựng hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan về chất lượng giảng dạy. Nhà trường hằng kì triển khai tổ chức lấy ý kiến SV về công tác giảng dạy của GV; triển khai tổ chức lấy ý kiến của GV, SV về chất lượng phục vụ của các phòng ban chức năng, thư viện về CSVC. Những thông tin thu thập được từ các đợt khảo sát được gửi tới những đối tượng có liên quan để công tác giảng dạy, phục vụ được điều chỉnh, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại để không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo, phục vụ của Nhà trường [H1.01.03.15].

Trường thực hiện phản hồi sự tiến bộ của người học thông qua việc tổ chức đánh giá người học bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Thông qua các bài kiểm tra đánh giá, SV và cố vấn học tập có thể nắm bắt được sự tiến bộ của bản thân SV và cố vấn học tập có căn cứ tư vấn cho SV về lộ trình học tập cũng như phương pháp học tập. Những SV nào thuộc diện cảnh báo học tập sẽ được thông báo trên hệ thống phần mềm và được yêu cầu rút bớt tín chỉ đăng kí để có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập trong học kì tiếp theo [H1.01.03.16].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHSP - ĐHDN là cơ sở giáo dục Đại học đầu tiên được kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi một tổ chức kiểm định chất lượng độc lập và đã hoàn thành TĐG tất cả CTĐT giáo viên theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GD&ĐT đối với các ngành sư phạm.

- Trường có hệ thống quản lí thông tin về CBGV, SV bằng phần mềm; đảm bảo truy xuất dữ liệu một cách nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống ĐBCL của Trường chưa hoàn thiện theo mô hình của AUN-QA.
- Số lượng các CTĐT của Nhà trường được kiểm định bởi tổ chức kiểm định độc lập, đặc biệt là tổ chức kiểm định quốc tế, còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện Hệ thống ĐBCL bên trong theo mô hình của AUN-QA	Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị	2019	2021
2		Tổ chức TĐG 30 chương trình đào tạo và đánh giá ngoài 15 chương trình đào tạo của Trường	Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị	2019	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện các hành động cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của các đoàn đánh giá ngoài	Các đơn vị	2019	2021
4		Tích hợp các module về đội ngũ cán bộ và KHCN vào phần mềm quản lí hệ thống.	Trường ĐHSP	2020	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 3	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.3.1				4			
Chỉ số 1.3.2				4			
Chỉ số 1.3.3					5		
Chỉ số 1.3.4				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.25						

Tiêu chuẩn 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 4. Phát triển chương trình

1. Mô tả

Chỉ số 2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao

Nhà trường đang triển khai đào tạo 33 ngành trình độ Đại học, 17 ngành trình độ thạc sĩ, 06 ngành trình độ tiến sĩ và 15 loại hình bồi dưỡng ngắn hạn. Trong 33 ngành đào tạo trình độ Đại học có 17 ngành đào tạo giáo viên [H2.02.04.01].

Xác định CTĐT là yếu tố then chốt quyết định đến chất lượng đào tạo, Nhà trường đã xây dựng Quy trình mở ngành đào tạo; Quy trình xây dựng CTĐT, bồi dưỡng; Quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT. Quy trình mở ngành đào tạo được dựa theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT và Công văn số 3566/2017/ĐHĐN-ĐT, đảm bảo đầy đủ các bước theo quy định hiện hành như: khảo sát nhu cầu, TĐG điều kiện mở ngành, quyết nghị của Hội đồng trường, xây dựng CTĐT, thẩm định CTĐT, xây dựng đề án mở ngành, ... [H2.02.04.02]. Cụ thể hóa Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng CTĐT, bồi dưỡng [H2.02.04.03]; Quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT, bồi dưỡng [H2.02.04.04]. Quá trình thiết kế, thẩm định và thực hiện các chương trình trên luôn có sự đối sánh với Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ được giao của Nhà trường và của từng đơn vị. Điều này thể hiện ở việc Nhà trường đã ban hành mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược hiện hành [H2.02.04.05]. Dựa theo đó, các tổ biên soạn CTĐT, bồi dưỡng xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra cho CTĐT, bồi dưỡng liên kết với mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường [H2.02.04.06]. Mỗi học phần đều có chuẩn đầu ra và ma trận liên kết giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, bồi dưỡng [H2.02.04.07]. Bên cạnh đó, khi xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, Nhà trường còn tham khảo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn đầu ra của một số CTĐT đã được kiểm định chất lượng giáo dục [H2.02.04.08].

Năm 2018, Nhà trường thực hiện kiểm định chương trình Sư phạm Vật lý theo tiêu chuẩn AUN - QA. Nhờ đó, Trường đã phát hiện một số điểm hạn chế trong Quy trình xây dựng CTĐT, bồi dưỡng và đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, ban hành quy trình mới [H2.02.04.09].

Chỉ số 2.4.2. Các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán

Quá trình phát triển CTĐT, bồi dưỡng của Nhà trường luôn có sự tham gia của các bên liên quan từ chuyên gia giáo dục, GV, viên chức quản lí, nhà tuyển dụng lao động đến người học trước và sau khi tốt nghiệp. Các tổ biên soạn chương trình đã tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu của xã hội, yêu cầu nguồn nhân lực của địa phương, vùng miền để trình Hội đồng trường thông qua chủ trương phát triển chương trình [H2.02.04.10], [H2.02.05.11]. Thành phần Tổ biên soạn và Hội đồng thẩm định chương trình luôn có sự tham gia của đại diện cơ quan sử dụng lao động [H2.02.04.12], [H2.02.04.13]. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình khung của các CTĐT, bồi dưỡng trước khi ban hành cũng đều được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H2.02.04.14].

Quá trình phát triển các CTĐT và bồi dưỡng mới của Nhà trường luôn có tính hệ thống, nhất quán và phù hợp với chủ trương, chính sách của Bộ Giáo dục và đào tạo. Cụ thể, chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018 đã xây dựng một số môn học mới, không có trong chương trình trước đây như môn Khoa học Tự nhiên, Công nghệ, Lịch sử - Địa lí, Tin học - Công nghệ Tiểu học và Giáo dục công dân. Vì vậy, với sứ mạng của mình, Nhà trường đã đưa ra chủ trương phát triển 05 CTĐT giáo viên mới gồm: Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Sư phạm Tin học - Công nghệ Tiểu học và Giáo dục công dân [H2.02.04.15]. Quá trình phát triển các chương trình trên được thực hiện đúng theo quy trình Nhà trường đã ban hành và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan. Bên cạnh đó, Nhà trường đã có đề án nhận nhiệm vụ bồi dưỡng năng lực tư vấn tâm lí cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh; đề án bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giáo viên dạy môn giáo dục công dân [H2.02.04.16], [H2.02.04.17].

Các CTĐT của Nhà trường liên thông nhau, đảm bảo tính hệ thống và nhất quán. Nhà trường lấy CTĐT Đại học làm chuẩn để phát triển các CTĐT liên thông và Sau đại học. Cụ thể, Nhà trường thực hiện đối sánh giữa các CTĐT ở trình độ Trung cấp, Cao đẳng với CTĐT Đại học của Trường để xây dựng các CTĐT liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học trên cơ sở kế thừa và phát triển [H2.02.04.18]. Các CTĐT Sau đại học cũng được phát triển trên cơ sở kế thừa và mở rộng CTĐT Đại học cùng ngành [H2.02.04.19]. Đối với các CTĐT giáo viên, Nhà trường thống nhất 15 học phần chung của khối kiến thức NVSP. Ngoài ra, Trường còn đào tạo hệ Cử nhân

khoa học nên các chương trình có sự liên thông ngang giữa các ngành, nhóm ngành để SV có thể theo học chương trình 2 [H2.02.04.20].

Chỉ số 2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan

Để nâng cao chất lượng đào tạo, các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên của Nhà trường luôn được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan. Từ năm 2006, năm bắt đầu chuyển sang hệ đào tạo tín chỉ, các CTĐT của Nhà trường đã trải qua các lần điều chỉnh lớn vào năm 2008, 2010, 2013, 2015, 2017 và 2019.

Năm 2015, Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường sư phạm toàn quốc đã họp bàn thống nhất CTĐT giáo viên. Trường đã thực hiện điều chỉnh chương trình với 135 tín chỉ (120 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn). Các CTĐT được thiết kế theo hướng liên thông giữa các ngành, tạo điều kiện cho SV học tập theo phương thức đăng kí và tích lũy tín chỉ, tăng cường khối kiến thức tự chọn; hướng tới đào tạo giáo viên cả 02 bậc THCS và THPT theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường và tái cấu trúc các môn liên quan đến NVSP chuẩn bị cho việc dạy học tích hợp ở bậc THCS; tăng tỉ lệ giờ học thực hành và nghiệp vụ sư phạm [H2.02.04.21], [H2.02.04.22].

Năm 2017, theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, Nhà trường rà soát, điều chỉnh CTĐT, bồi dưỡng (ban hành năm 2015) [H2.02.04.23]. Quá trình rà soát, điều chỉnh đều dựa trên kết quả phản hồi ý kiến của các bên liên quan thông qua các hoạt động như Hội nghị liên kết đào tạo [H2.02.04.24], Hội nghị Tổng kết công tác thực tập [H2.02.04.25]. Các chương trình bồi dưỡng hiện hành phần lớn là do Bộ GD&ĐT ban hành nên Nhà trường chú trọng vào việc rà soát điều chỉnh tài liệu, PPGD theo ý kiến các bên liên quan. Theo đó Trường đã xây dựng 02 hệ thống LMS (hoctructuyen.ued.udn.vn; hoctructuyen1.ued.udn.vn), tài liệu điện tử và triển khai bồi dưỡng trực tuyến kết hợp với trực tiếp.

Năm 2019, Nhà trường tiếp tục triển khai rà soát, điều chỉnh các CTĐT, bồi dưỡng dựa trên Quy trình mới [H2.02.04.09]. Để việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, bồi dưỡng đạt hiệu quả cao, Nhà trường đã tổ chức Hội thảo tập huấn về xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong và các hoạt động triển khai để cải tiến liên tục chất lượng cơ sở giáo dục đại học và CTĐT [H2.02.04.26]; Hội thảo tập huấn tiếp cận khung trình độ Quốc gia Việt Nam và phương pháp tiếp cận CDIO trong xây dựng và phát triển

CTĐT đại học [H2.02.04.27]. Nhờ đó mà việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, bồi dưỡng của Nhà trường được triển khai một cách bài bản và hiệu quả [H2.02.04.28].

2. Điểm mạnh

- Quy trình mở ngành, xây dựng CTĐT, bồi dưỡng được triển khai chi tiết, đúng quy định hiện hành.

- Các CTĐT của Nhà trường đảm bảo tính hệ thống, nhất quán; có sự liên thông ngang, dọc.

3. Điểm tồn tại

- Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan khi phát triển chương trình triển khai không đồng đều giữa các đơn vị trong Trường.

- Cách thức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thành lập các tổ giám sát đánh giá quá trình phát triển CTĐT, chương trình bồi dưỡng để giám sát, đôn đốc các đơn vị triển khai đầy đủ các khâu trong quy trình phát triển CTĐT	Phòng Đào tạo và Phòng KT & ĐBCL GD	2019	2021
2		Đa dạng hóa các hình thức lấy phiếu khảo sát gồm trực tiếp, trực tuyến; tăng phạm vi khảo sát. Cần triển khai phỏng vấn trực tiếp để có được thông tin tốt	Phòng Đào tạo và Phòng KT & ĐBCL GD	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Ban hành thủ tục nhằm cụ thể hóa các quy trình mở ngành, xây dựng CTĐT	Phòng Đào tạo	2019	2020
4		Mở rộng liên thông giữa các nhóm ngành gần	Phòng Đào tạo	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 4	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.4.1				4			
Chỉ số 2.4.2				4			

Chỉ số 2.4.3					5		
Điểm TB của tiêu chí	4,33						

Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

1. Mô tả

Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế

CTĐT, bồi dưỡng của Nhà trường được xây dựng dựa trên Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu giáo dục và Chuẩn đầu ra. Do đó, việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của các CTĐT, bồi dưỡng được Nhà trường triển khai một cách có hệ thống; đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật gắn kết với chuẩn nghề nghiệp và các vấn đề giáo dục phát sinh. Tất cả các CTĐT, bồi dưỡng của Nhà trường đều có chuẩn đầu ra từ năm 2010. Tuy nhiên, các chuẩn đầu ra đó còn chung chung, khó lượng hoá và chủ yếu tập trung vào các mức thấp trong thang nhận thức Bloom.

Năm 2018, Bộ GD&ĐT ban hành chương trình phổ thông tổng thể và chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường [H2.02.04.05]. Năm 2019, Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, cập nhật toàn bộ CTĐT, bồi dưỡng hiện hành theo đúng quy trình và bám sát mục tiêu giáo dục, chuẩn đầu ra cấp trường và cấp CTĐT mới [H2.02.04.28]. Các chuẩn đầu ra này được xây dựng có sự gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế. Chúng được lượng hoá và tập trung vào bậc cao trong thang nhận thức Bloom.

Khi mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình được xác định, các tổ biên soạn sẽ thiết kế khung chương trình và ma trận học phần nhằm mục đích xác định mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra [H2.02.05.01]. Tiếp theo, xây dựng lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng và chiến lược dạy học; trên cơ sở đó, xác định kế hoạch đào tạo [H2.02.05.02]. Cuối cùng, GV dựa theo ma trận học phần, lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng để xây dựng đề cương các học phần [H2.02.05.03]. Đề cương học phần bao gồm: vai trò của môn học đối với CTĐT, ma trận kết nối chuẩn đầu ra của môn học với chuẩn đầu ra của CTĐT; kế hoạch giảng dạy học (nội dung và các hoạt

động dạy học); các hoạt động đánh giá để đáp ứng chuẩn đầu ra và những nội dung cần thiết khác [H2.02.05.04].

Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học

Tất cả các CTĐT, bồi dưỡng của Nhà trường có tỉ lệ giờ thực hành/lý thuyết ở mức độ hợp lý, phù hợp với điều kiện CSVC và nhân lực của Nhà trường. Điều này đảm bảo SV ra trường không chỉ có kiến thức lý thuyết mà còn có kỹ năng thực hành nghề nghiệp tốt.

Năm 2018, trên cơ sở khuyến nghị của các chuyên gia đánh giá AUN-QA, Trường đã mạnh dạn đầu tư CSVC và nhân lực và yêu cầu tăng thời lượng thực hành cho các CTĐT cử nhân sư phạm từ 30 đến 40% [H2.02.05.05]. Vì vậy, Nhà trường đã yêu cầu các khoa rà soát, điều chỉnh chương trình theo hướng tăng cường thời lượng thực hành thông qua việc tăng có học phần thí nghiệm, thực hành, tăng giờ thực hành tại lớp trong các học phần lý thuyết, tăng thời lượng các hoạt động tập giảng, thuyết trình, thảo luận, báo cáo... [H2.02.05.06]. Nhờ đó, hầu hết chương trình ban hành năm 2019 có thời lượng thực hành trên 30%, đảm bảo đủ thời gian để người học vận dụng kiến thức vào quá trình phát triển năng lực và kỹ năng [H2.02.05.07].

Ngoài thời lượng thực hành có trong chương trình, Nhà trường bố trí không gian mở (nhà sinh hoạt đa năng) để SV tham gia các hoạt động đội nhóm, câu lạc bộ góp phần vào việc hình thành phẩm chất và phát triển năng lực, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV.

Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học

Kế hoạch đào tạo của các CTĐT, bồi dưỡng được thiết kế và điều chỉnh hằng năm trên cơ sở khảo sát ý kiến các bên liên quan nhằm đảm bảo tính khoa học, hợp lý, đáp ứng nhu cầu của đa số người học.

Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng là cơ sở chính để phân bổ các học phần vào kế hoạch đào tạo. Để đảm bảo cho lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng Nhà trường đã đưa vào điều kiện tiên quyết/học trước cho một số lộ trình cốt lõi. Bên cạnh đó, việc phân bổ các học phần còn dựa vào tổng số tín chỉ trong mỗi kì tăng giảm theo dạng hình chuông (vì những kì đầu SV cần thời gian để thích nghi với môi trường và phương pháp học tập mới, những kì tiếp theo tăng tốc và về cuối giảm dần để dành thời gian cho các hoạt động nghề nghiệp) [H2.02.05.02].

Kế hoạch đào tạo được thiết kế đảm bảo thực hiện được cho số đông SV. Tuy nhiên, mỗi SV có thể tự lập kế hoạch học tập phù hợp với khả năng mình bằng cách đăng kí số tín chỉ tăng lên hoặc giảm xuống so với kế hoạch đề ra. Việc điều chỉnh này phải đảm bảo điều kiện tiên quyết/ học trước của các lộ trình cốt lõi [H2.02.05.08]. Hiện nay, ngoại lộ trình chuẩn, Nhà trường chưa xây dựng được lộ trình học tập linh hoạt cho SV đặc biệt đối với các đối tượng SV có khả năng tốt nghiệp sớm và SV không đủ khả năng tốt nghiệp đúng hạn.

Chỉ số 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông

Để tổ chức thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá dựa trên lộ trình phát triển kiến thức, phát triển kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp. Lộ trình phát triển kiến thức là trục chính của chương trình. Hằng năm, Nhà trường đã chiết xuất từ các kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá của CTĐT để xây dựng một kế hoạch đào tạo tổng thể [H2.02.05.09].

Các tình huống sư phạm phát sinh trong thực tiễn luôn là bài học sinh động và bổ ích cho người học trong việc phát triển nghề nghiệp. Ý thức được điều này, Nhà trường đã triển khai các học phần kiến tập, thực tập song song với các học phần PPGD và trải dài trong 20 tuần. Điều này giúp cho quá trình hỗ trợ, phối hợp giữa GV và SV trong việc xử lý các tình huống sư phạm xảy ra ở trường sư phạm và các trường phổ thông kịp thời liên tục [H2.02.05.10].

Nhà trường thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cho giáo viên phổ thông như: bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm về giáo dục hòa nhập; bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý giáo dục; bồi dưỡng năng lực tư vấn tâm lý cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh... [H2.02.05.11]. Nhờ đó mà các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra ở trường phổ thông được giáo viên đưa ra trao đổi trong một số chuyên đề của các khóa bồi dưỡng.

Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra

Chương trình, kế hoạch đào tạo, chiến lược dạy học, kiểm tra đánh giá chỉ là điều kiện cần trong việc đáp ứng chuẩn đầu ra. Muốn thực sự đáp ứng chuẩn đầu ra

phải có nguồn lực phù hợp để vận hành bao gồm đội ngũ GV, cán bộ quản lí, phục vụ, CSVC và cơ sở thực tập... Năm 2017, Cục Quản lí chất lượng của Bộ GD&ĐT đã kiểm tra và kết luận các điều kiện ĐBCL đào tạo của Nhà trường đáp ứng yêu cầu [H1.02.05.12].

Nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra mới, Nhà trường đã có chiến lược phát triển nguồn lực một cách đồng bộ. Từ năm 2017 đến nay, số lượng GV tuyển mới là 33 người; tỉ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ tăng từ 32,2% lên 41,73% [H2.02.05.13]; có khá nhiều dự án về CSVC được triển khai như: Dự án Tăng cường kĩ năng thực hành và NCKH cho GV và SV Trường ĐHSP – ĐHĐN; Dự án Đầu tư tăng cường năng lực CSVC, ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN) nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHSP – ĐHĐN [H2.02.05.14]; số lượng cơ sở thực tập sư phạm tăng từ 10 lên 20 cơ sở [H2.02.05.15]. Trường là một cơ sở giáo dục thành viên của ĐHĐN nên được thụ hưởng nguồn lực dùng chung như: GV các học phần Lí luận chính trị đến từ Trường Đại học Kinh tế; Các học phần ngoại ngữ do GV Trường Đại học Ngoại ngữ phụ trách; Trung tâm giáo dục thể chất giảng dạy tất cả các học phần Giáo dục thể chất; Trung tâm học liệu; Phòng thí nghiệm... [H2.02.05.16]. Ngoài ra Trường còn có chính sách thỉnh giảng cho một số học phần đặc thù [H2.02.05.17].

Kế hoạch đào tạo của chương trình năm 2015 là yêu cầu SV tích lũy 135 tín chỉ trong 7 học kì. Điều này dẫn đến tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ không đảm bảo [H2.02.05.18]. Nhận thấy sự bất cập này, Trường đã đề xuất kế hoạch chuẩn cho chương trình năm 2019 là 130 tín chỉ và tích lũy trong 8 học kì chính [H2.02.05.02]. Ngoài ra, Nhà trường còn triển khai học kì hè theo nguyện vọng của SV [H2.02.05.19]. Năm 2017, Trường đã nâng cấp phần mềm quản lí đào tạo nhờ đó mà bài toán xếp thời khóa biểu được phần mềm tối ưu hóa trên nguồn lực hiện có của Trường theo nguyên tắc ưu tiên cho người học (<http://qlht.ued.udn.vn/>) [H2.02.05.20].

Chỉ số 2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục phổ thông

Nhà trường đã và đang triển khai nhiều chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục phổ thông như: Nghiệp vụ cán bộ quản lí giáo dục, NVSP về giáo dục hòa nhập, Công tác Đoàn thanh niên (ĐTN) và Đội thiện nguyện tiên phong Hồ Chí Minh, Thiết kế bài giảng E-learning và Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho tất cả các hạng các bậc... [H2.02.05.21]. Dự báo được nhu cầu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục sẽ tăng cao trước chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, Nhà trường đã tiến hành khảo sát đánh giá nhu cầu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ

quản lí ở các cấp thuộc khu vực được phân công (trong Chương trình ETEP) [H2.02.05.22]; nghiên cứu đánh giá tổng thể chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học và đề xuất chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo chuẩn mới [H2.02.05.23]. Trên cơ sở kết quả khảo sát và kết hợp với nguồn lực hiện có, Nhà trường đã phát triển chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giáo viên dạy môn Giáo dục công dân [H2.02.05.24] và phát triển tài liệu cho chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn tâm lí cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh [H2.02.05.25].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, Nhà trường tổ chức bồi dưỡng tập trung vào các ngày cuối tuần và dịp hè [H2.02.05.26]. Quán triệt chủ trương đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên của Bộ GD&ĐT giúp cho việc triển khai bồi dưỡng đảm bảo linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của người học, Nhà trường đã xây dựng 02 hệ thống LMS (hoctructuyen.ued.udn.vn; hoctructuyen1.ued.udn.vn) có thể đáp ứng 300 lượt truy cập cùng thời điểm và đã triển khai bồi dưỡng giáo viên theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trên 02 hệ thống này cho khoảng 20.000 giáo viên các cấp [H2.02.05.27]. Để quá trình triển khai bồi dưỡng ngày một tốt hơn và đáp ứng được nhu cầu của người học, Nhà trường đã tích hợp phân hệ lấy ý kiến phản hồi, đánh giá khóa học vào hệ thống LMS. Nhờ đó, hệ thống LMS ngày một phát triển và hoàn thiện [H2.02.05.28].

2. Điểm mạnh

- Nội dung CTĐT được định kì rà soát, điều chỉnh một cách khoa học; đáp ứng chuẩn đầu ra.
- Tỷ lệ thời lượng thực hành trong CTĐT được tăng cường, đảm bảo cho người học vận dụng kiến thức vào quá trình hình thành kỹ năng và phát triển năng lực.
- Nhà trường mở lớp đào tạo dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu của SV.
- Hệ thống LMS của Nhà trường giúp thu thập được ý kiến phản hồi của người học, từ đó kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa xây dựng được lộ trình học tập linh hoạt cho SV so với lộ trình chuẩn.
- Chưa xây dựng và tổ chức được nhiều chương trình bồi dưỡng theo nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn

					thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm 02 lộ trình đào tạo linh hoạt dành cho SV có khả năng tốt nghiệp sớm và không đủ khả năng tốt nghiệp đúng hạn	Phòng Đào tạo và Khoa	2019	2020
2		Xây dựng chương trình Bồi dưỡng giáo dục kỹ năng sống và chương trình Bồi dưỡng hoạt động trải nghiệm	Khoa Tâm lý Giáo dục	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ 2 năm/lần cải tiến quy trình xây dựng chương trình dựa theo cách tiếp cận tiên tiến	Phòng Đào tạo và Phòng KT & ĐBCL GD	2019	2020
4		Đa dạng các hoạt động thực hành giúp người học phát triển được năng lực	Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn	2019	2021
5		Tuyên truyền cho SV hiểu về vai trò của hoạt động khảo sát nhu cầu đào tạo để thu thập được dữ liệu chính xác, tin cậy	Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn	2019	2021
6		Mở rộng hệ thống LMS phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng	Tổ CNTT & Truyền thông	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 5	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.5.1				4			
Chỉ số 2.5.2					5		
Chỉ số 2.5.3				4			
Chỉ số 2.5.4				4			
Chỉ số 2.5.5				4			
Chỉ số 2.5.6					5		
Điểm TB của tiêu chí	4.33						

Tiêu chuẩn 3

NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

Chỉ số 3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao

Nhà trường luôn xác định nghiên cứu KHCN, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN, sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVN, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H3.03.06.01], [H3.03.06.02]. Tất cả các chính sách này được Nhà trường áp dụng cho tất cả các hoạt động cụ thể cũng như kế hoạch hằng năm [H3.03.06.03].

Các chính sách về hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được cụ thể hoá trong các quy định về KHCN phù hợp với thể mạnh của Trường, phù hợp với từng lĩnh vực nghiên cứu cũng như phù hợp với nhu cầu của cán bộ GV: *Quy định về tham dự hội nghị hội thảo trong và ngoài nước*: hướng dẫn quy trình và chế độ cho GV về việc tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H3.03.06.04]; *Quy định về biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập*: hướng dẫn quy trình, các bước thực hiện việc nghiệm thu giáo trình, tài liệu học tập một cách cụ thể, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV trong công tác biên soạn giáo trình và tài liệu học tập [H3.03.06.05]; *Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Trường*: quy định các bước thực hiện đề tài cấp Trường chặt chẽ, rõ ràng, công bằng và minh bạch (từ khâu đầu tiên là thông báo đăng kí đề xuất, xét chọn danh mục đề tài đến khâu nghiệm thu đều được thực hiện theo đúng quy định. Phụ lục các biểu mẫu đính kèm quy định giúp cho GV và cán bộ quản lý đề tài thực hiện thuận lợi hơn) [H3.03.06.06]; *Quy định khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQG*: quy định các hình thức khen thưởng và quy trình gửi hồ sơ khen thưởng. Quy định đã phần nào tạo động lực và khuyến khích cán bộ tham gia NCKH [H3.03.06.07]; *Quy định hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cấp Khoa tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHQG*: dựa trên quy định này, các Khoa có định hướng ngay từ đầu năm học về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Khoa trong năm học và việc tổ chức thực hiện các

hoạt động KH&CN đã đăng kí cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn nhờ các điều khoản hướng dẫn cụ thể của quy định, các biểu mẫu đăng kí có sẵn [H3.03.06.08]. Trong những năm gần đây, Nhà trường chú trọng đến việc tăng số lượng các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy (TRT), việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy cũng được Nhà trường quan tâm và đang nghiên cứu để triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh. Quy trình thực hiện dựa vào *Quy chế hoạt động các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy thuộc Đại học Đà Nẵng và các Trường thành viên* [H3.03.06.09]. Bên cạnh áp dụng các quy định cụ thể do Hiệu trưởng ban hành, trong quá trình thực hiện công tác NCKH, Trường cũng đã áp dụng các quy định, chính sách của các Bộ và ĐHQĐ [H3.03.06.10].

Trong quá trình áp dụng thực hiện các chính sách về nghiên cứu, Nhà trường đã có những điều chỉnh, bổ sung và đổi mới các quy định để phù hợp với xu hướng mới, phù hợp với điều kiện của cán bộ GV và phù hợp với chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn. Cụ thể: Quy định Khen thưởng hoạt động KHCN thường niên Trường ĐHSPT năm 2017 được thay thế bằng quy định Khen thưởng hoạt động KHCN Trường ĐHSPT ban hành vào năm 2019. Quy định mới vẫn giữ nguyên các bước thực hiện nhưng đã điều chỉnh về hình thức khen thưởng, ngoài việc hỗ trợ các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/ SCOPUS, còn có hỗ trợ các tác giả có bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, chủ nhiệm các đề tài dự án lớn..., hình thức xét thưởng cũng có nhiều điểm mới như tăng mức kinh phí hỗ trợ đối với các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, tạo sự công bằng khi tính điểm và xếp loại các công bố quốc tế ISI và SCOPUS [H3.03.06.11]; Quy định biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập ban hành năm 2017 cũng đã được thay đổi bằng quy định mới năm 2019. Quy định mới rút ngắn một số giai đoạn nhưng vẫn đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục và thời gian cho CBGV [H3.03.06.12]; Nhà trường cũng đang lấy ý kiến và dự kiến sẽ ban hành quy định tham dự hội nghị, hội thảo mới thay thế cho quy định tham dự hội nghị hội thảo ban hành năm 2017 [H3.03.06.13]. Quy định NCKH SV cũng được điều chỉnh sửa đổi phù hợp với mục tiêu phát triển KHCN của Nhà trường, bảo đảm chế độ hỗ trợ GV hướng dẫn và SV thực hiện nghiên cứu [H3.03.06.14]. Khi xây dựng, điều chỉnh các chính sách nghiên cứu, Nhà trường đã tuân thủ theo ISO 9001:2015 và các văn bản liên quan của Bộ GDĐT, ĐHQĐ như: xây dựng dự thảo, gửi các bên liên quan nhận xét, góp ý về dự thảo; tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến về chính sách; tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và tổng hợp, ban hành chính sách [H3.03.06.15].

Việc ban hành và áp dụng thực hiện các chính sách về NCKH một cách nhất quán đã đem lại những kết quả tốt trong lĩnh vực NCKH của Nhà trường, tiêu biểu là đề tài KHCN các cấp, công bố khoa học trong nước và quốc tế, giáo trình và tài liệu học tập hầu hết tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng [H3.03.06.16].

TT	Loại hình	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Đề tài KHCN các cấp	32	40	41
2	Công bố quốc tế (ISI/SCOPUS)	13	30	39
3	Công bố trong nước và quốc tế khác	292	299	291
4	Giáo trình/ Tài liệu học tập	14	11	24

Việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy (TRT) cũng góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường. Nhiều nhóm đã được thành lập và hoạt động thường xuyên theo đúng quy chế; sẵn sàng đăng kí các đề tài, dự án theo khả năng của nhóm [H3.03.06.17].

Các hoạt động trên đã đáp ứng được Chiến lược phát triển của Trường và được xác định trong Hợp đồng thỏa thuận thuộc lĩnh vực KHCN: xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích CBGV tham gia NCKH; tăng cường thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy; đẩy mạnh NCKH giáo dục, nâng cao chất lượng NCKH thông qua việc gia tăng các công trình được đăng trong các tạp chí có tên trong danh mục ISI/ SCOPUS.

Chỉ số 3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục

Hàng năm, dựa trên kết quả kiểm kê tài sản cuối năm, Trường xây dựng kế hoạch và phân bổ sử dụng các thiết bị phục vụ cho hoạt động NCKH [H3.03.06.18]. Nhà trường luôn ưu tiên nguồn kinh phí đầu tư trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học. Hàng năm, Trường có kế hoạch phân bổ ngân sách, đầu tư mua sắm thiết bị, ưu tiên cho một số ngành, khoa đào tạo [H3.03.06.19]. Từ năm 2017 đến nay, Trường đã đầu tư nhiều thiết bị phân tích chuyên sâu cho các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ hoạt động học tập và NCKH của GV và SV [H3.03.06.20]. Năm 2018, Trường được Bộ GD&ĐT đầu tư Dự án *Tăng cường kỹ năng thực hành và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên Trường ĐHSP - ĐHDN* bao gồm cải tạo nâng cấp Giảng đường A1 (20 tỷ đồng); năm 2019, được Bộ GD&ĐT đầu tư Dự án *Đầu tư tăng cường năng lực cơ sở vật chất, ứng*

dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHSP - ĐHDN bao gồm nâng cấp giảng đường B3 (50 tỷ đồng) [H3.03.06.21].

Hằng năm, Nhà trường đã tiến hành kiểm tra định kỳ các thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, bảo trì thường xuyên để đảm bảo phục vụ tốt cho công tác dạy học và nghiên cứu [H3.03.06.22]. Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng của CSVC, các trang thiết bị của Nhà trường phục vụ hoạt động học tập và NCKH của GV và SV. Kết quả cho thấy trên 80% GV và SV hài lòng về các trang thiết bị của Nhà trường [H3.03.06.23].

Trường có phần mềm và website quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường tại địa chỉ <http://scv.ued.udn.vn>; <http://conf.ued.udn.vn> và <http://jse.ued.udn.vn>. Các website này quản lý các thông tin về lý lịch khoa học, các hội thảo, hội nghị và tạp chí khoa học của Trường [H3.03.06.23a].

Chỉ số 3.6.3. Kết quả nghiên cứu của Trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học

Mục tiêu chiến lược phát triển KHCN của Nhà trường là NCKH gắn kết chặt chẽ với đào tạo, xâm nhập vào quá trình đào tạo, trở thành một bộ phận cơ hữu của quá trình đào tạo [H3.03.06.24]. Chính vì thế, Nhà trường luôn chú trọng và ưu tiên thực hiện các đề tài KHCN mang tính ứng dụng trong dạy và học [H3.03.06.25].

Từ năm 2017, số lượng đề tài các cấp (cấp tỉnh/thành phố, cấp Trường, ĐHDN, Bộ, Nafosted...) tăng lên đáng kể nhờ các chính sách hỗ trợ của Nhà trường. Các kết quả nghiên cứu của đề tài đã được Nhà trường sử dụng để phát triển và đổi mới trong công tác dạy và học. Hầu hết các đề tài NCKH đều có sản phẩm là đào tạo thạc sĩ, đào tạo cử nhân, hướng dẫn SV NCKH, bên cạnh các sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng khác [H3.03.06.26]. Năm 2018, Nhà trường đặt hàng thực hiện các đề tài KHCN về biên soạn sách điện tử ebook phục vụ dạy và học như: *Biên soạn sách điện tử Hệ quản trị cơ sở dữ liệu cho học sinh trung học phổ thông*; *Thiết kế Ebook hướng dẫn sinh viên sư phạm xây dựng và thiết kế chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM*; *Xây dựng ebook tương tác về biến đổi khí hậu và thiên tai phục vụ giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng*. Các đề tài này sẽ được nghiệm thu vào cuối năm 2019 và sẽ nghiên cứu đưa vào áp dụng dạy và học tại Trường Đại học Sư phạm cũng như các trường phổ thông trên địa bàn thành phố [H3.03.06.27]. Ngoài ra, một số đề tài thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học giáo dục đều tập trung giải quyết các vấn đề mang tính thời sự của ngành giáo dục

nghư: *Xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp phần nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong chương trình Giáo dục Công dân lớp 11 (Thực nghiệm ở các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng); Thiết kế khóa học E-learning để bồi dưỡng giáo viên phổ thông hướng dẫn học sinh nghiên cứu, sáng tạo khoa học trong lĩnh vực sinh học và môi trường; Nghiên cứu chương trình môn Chính trị tư tưởng ở Trung học phổ thông của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra trong cải cách chương trình sách giáo khoa môn Giáo dục công dân của Việt Nam [H3.03.06.28]. Các đề tài nghiên cứu thực trạng giáo dục của Trường ĐHSP - ĐHQĐN và các trường phổ thông, mầm non trên địa bàn các tỉnh, thành phố, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng, đã đem lại nhiều kết quả khả quan như: *Nâng cao năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm lý trẻ phổ tự kỷ cho giáo viên trường mầm non ở thành phố Đà Nẵng; Nhận thức của giáo viên các trường trung học cơ sở thành phố Đà Nẵng về sức khỏe tâm thần học sinh; Nghiên cứu stress của giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng [H3.03.06.29].**

Đa phần các đề tài NCKH đã triển khai đều có giá trị trong việc ứng dụng vào công tác dạy và học của Nhà trường cũng như các trường phổ thông trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào công tác dạy và học đòi hỏi thời gian và kinh phí duy trì. Đây là vấn đề cần đặt ra đối với Nhà trường trong thời gian sắp tới.

Chỉ số 3.6.4. Kết quả nghiên cứu của Trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế

Nhưng năm trước đây, từ thực tế về số lượng và chất lượng của đề tài KHCN các cấp do Nhà trường chủ trì, bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín (ISI/ SCOPUS), đề tài NCKH SV, Nhà trường đã ban hành các quy định mới thúc đẩy phát triển hoạt động khoa học của Trường, đặc biệt là khoa học giáo dục, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cán bộ GV thực hiện việc nghiên cứu [H3.03.06.30]. Nhà trường luôn tìm kiếm các đề tài/ dự án của địa phương và giới thiệu cho CBGV tham gia [H3.03.06.31].

Vì vậy, trong những năm qua, ngoài các đề tài có ý nghĩa trong phạm vi giáo dục của Nhà trường, của địa phương, CBGV của trường đã tham gia thực hiện các đề tài cấp tỉnh/ thành phố, mang lại những kết quả về phát triển kinh tế - xã hội. Đề tài NCKH cấp thành phố Đà Nẵng: *Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại*

tình dục cho học sinh tiểu học thành phố Đà Nẵng đã nghiệm thu và được ứng dụng ở một số trường Tiểu học trên địa bàn Đà Nẵng. Sản phẩm của đề tài là những đề xuất về chương trình phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh Tiểu học và 01 tài liệu tập huấn cho giáo viên Tiểu học về phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh [H3.03.06.32]. Đề tài KHCN cấp tỉnh Quảng Nam: *Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tổng hợp các loại keo dán gỗ thân thiện với môi trường và ứng dụng trong sản xuất ván gỗ nhân tạo MDF* đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam công nhận và CGCN cho Công ty cổ phần Gỗ công nghiệp Quảng Nam [H3.03.06.33]. Ngoài ra, Nhà trường đang tổ chức chủ trì thực hiện các đề tài cấp Tỉnh, Thành phố khác mà kết quả dự kiến cũng nhằm mục đích phục vụ, ứng dụng vào sự phát triển KT-XH địa phương, vùng lân cận như: đề tài KHCN tỉnh Kiên Giang: *Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*; đề tài tỉnh Quảng Ngãi: *Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi* [H3.03.06.34] .

Hầu hết sản phẩm khoa học của các đề tài NCKH là các công bố trong nước và quốc tế. Số lượng đề tài các cấp tăng lên đồng nghĩa với số lượng các công bố trong nước và quốc tế cũng tăng lên so với các năm trước cả về chất lẫn về lượng: năm học 2016-2017 có 305 bài báo; năm học 2017 – 2018 có 329 bài báo; năm học 2018-2019 có 330 bài báo [H3.03.06.35] .

2. Điểm mạnh

- Các chính sách của nhà trường đã được ban hành, được rà soát và điều chỉnh, phù hợp với từng nhóm GV, phù hợp với từng giai đoạn và phù hợp với sự mạng và tầm nhìn của Nhà trường; góp phần thực hiện tốt kế hoạch chiến lược và kế hoạch hằng năm.

- CSVC của Nhà trường cơ bản đã đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV và SV toàn Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo được công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế uy tín chưa cao (ISI/SCOPUS), chưa có sản phẩm KHCN có thương hiệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh thuộc Trường và có chính sách hỗ trợ các nhóm này để đăng kí các đề tài lớn và tăng cường công bố quốc tế.	Trường ĐHSP	2020	2022
2		Áp dụng chính khen thưởng hoạt động KHCN để khuyến khích GV đăng bài trên các tạp chí quốc tế uy tín	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Áp dụng các chính sách đã có và định kì điều chỉnh, bổ sung các chính sách; tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để thực hiện các đề tài KHCN cấp tỉnh/ thành phố/quốc gia/quốc tế.	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022
4		Lập kế hoạch mua sắm CSVC phù hợp phục vụ cho NCKH đối với một số lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn và có thế mạnh của Trường. Tìm kiếm dự án để trang bị CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH.	P. CSVC và các Khoa	2020	2022

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 5	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.6.1				4			
Chỉ số 3.6.2				4			
Chỉ số 3.6.3					5		
Chỉ số 3.6.4				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.25						

Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Chỉ số 3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Để hỗ trợ cho GV về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài KHCN và chuyển giao công nghệ, Nhà trường có bộ phận chuyên trách về quản lí KHCN là Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cho CBGV trong quá trình triển khai thực hiện đề tài KHCN [H3.03.07.01]. Nhà trường có các chính sách, quy định về KHCN phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn nhằm hỗ trợ GV về mặt tổ chức, kinh phí, CSVC và trang thiết bị để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Việc tổ chức thực hiện đề tài KHCN dựa trên quy định quản lí đề tài KHCN cấp Trường Đại học Sư phạm và quy định quản lí đề tài KHCN cấp ĐHQĐ [H3.03.07.02]. Các bước thực hiện một đề tài theo đúng quy định từ việc thông báo đăng kí đề xuất, thành lập hội đồng xét duyệt danh mục, tuyển chọn cá nhân chủ trì thực hiện đề tài đến việc nghiệm thu đề tài, thanh lí đề tài [H3.03.07.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho GV thực hiện đề tài như: cho phép sử dụng CSVC, các thiết bị thí nghiệm để nghiên cứu [H3.03.07.04]; tạo điều kiện để cán bộ tham gia điều tra, khảo sát, nghiên cứu tại các địa phương khác [H3.03.07.05].

Hầu hết đề tài các cấp do Trường tổ chức chủ trì đều được nghiệm thu đúng quy trình, đúng tiến độ và đều xếp loại đạt trở lên [H3.03.07.06]. Một số đề tài trong quá trình thực hiện chưa thể hoàn thành đề tài vì một số lí do cá nhân và đã xin phép gia hạn thời gian thực hiện. Nhà trường vẫn luôn tạo điều kiện để các chủ nhiệm đề tài này hoàn thành đề tài với điều kiện chỉ được điều chỉnh 01 lần và gia hạn được 01 lần [H3.03.07.07]. Hoạt động chuyển giao KHCN của Nhà trường chưa mang lại hiệu quả rõ nét, các kết quả đưa vào ứng dụng trong thực tiễn không nhiều, chưa có các hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị. Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn chưa nhiều.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các lớp tập huấn về KHCN nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, mời một số chuyên gia đầu ngành chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu và nâng cao năng lực công bố quốc tế, tập huấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ [H3.03.07.08] [H3.03.07.09]. Trên cơ sở đó, CBGV đã mạnh dạn viết báo khoa học, đăng kí đề xuất nhiều đề tài KHCN các cấp... Kết quả, nhiều công trình được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế và

đạt được nhiều giải thưởng cấp Bộ, ĐHĐN; nhiều đề tài KHCN được phê duyệt thực hiện và một số bằng phát minh sáng chế đã được công nhận [H3.03.07.10].

Nhà trường đã đề ra kế hoạch chiến lược phát triển KHCN của Trường từ năm 2017-2021: Thúc đẩy hoạt động phổ biến kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ trong phạm vi quốc gia và quốc tế [H3.03.07.11].

Chỉ số 3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình

Để phát triển hoạt động NCKH, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khác nhau phù hợp với bối cảnh của Trường, phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của GV; luôn tạo điều kiện, khuyến khích GV tham gia các hoạt động NCKH khác nhau. Phụ lục quy định tính giờ NCKH GV đã cụ thể hóa các hoạt động nghiên cứu của GV, thể hiện đa dạng các hoạt động nghiên cứu và quy định chế độ miễn giảm khối lượng giờ NCKH cho các đối tượng nữ trong chế độ thai sản, đi học nước ngoài, cán bộ quản lí... [H3.03.07.12]. Hằng năm, Nhà trường tổng hợp các hoạt động nghiên cứu khác nhau của từng GV để quy đổi tính giờ NCKH và căn cứ vào đó để xếp loại thi đua khen thưởng [H3.03.07.13].

Đối với đề tài cấp Trường, Nhà trường ưu tiên xét chọn cá nhân thực hiện đề tài theo nhóm: Khởi nghiệp (đối với GV trẻ, mới về trường); Thường niên (tất cả các cán bộ); Trọng điểm (ưu tiên bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/ Scopus) [H3.03.07.14]. Bên cạnh các đề tài cấp trường, GV tùy theo năng lực và hướng nghiên cứu của mình, có thể tham gia đề tài cấp ĐHĐN, cấp Tỉnh/ Thành phố, cấp Bộ, Nafosted,... Hầu hết GV đều có cơ hội tham gia thực hiện đề tài các cấp, theo đó số lượng đề tài tăng lên đáng kể [H3.03.07.15].

Trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu để khuyến khích CBVC hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài Trường nhằm có đủ nguồn lực để thực hiện các đề tài/ dự án lớn [H4.04.10.27]

Nhà trường cũng đã quan tâm và hỗ trợ kinh phí để tổ chức các hoạt động KHCN của Khoa như hội nghị/ hội thảo cấp quốc gia/ quốc tế, hội nghị/ hội thảo cấp Khoa, seminar cấp Khoa/ Tổ bộ môn... [H3.03.07.16]. Các đơn vị trong Trường thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận mang lại kết quả tốt. Các hoạt động này nhằm hỗ trợ tăng cường trao đổi kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu, chuyên môn nghiệp vụ... [H3.03.07.17].

Hầu hết CBGV đều hoàn thành tốt công tác giảng dạy kết hợp nghiên cứu thông qua các hoạt động khác nhau. Tuy nhiên, vẫn có một số cán bộ chưa thực sự quan tâm

đến công tác nghiên cứu do giảng dạy nhiều. Vì vậy, Nhà trường đã có những chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu bằng nhiều cách khác nhau như giao chỉ tiêu viết báo khoa học, lấy tiêu chí tham gia NCKH áp dụng vào chính sách thi đua khen thưởng để thúc đẩy cán bộ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của mình [H3.03.07.18] [H3.03.07.19].

Chỉ số 3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường

Từ năm 2017 đến tháng 9/2019, Trường đã có nhiều thành tích nổi bật về KHCN. Số lượng và chất lượng các đề tài KHCN của Trường tăng hằng năm. Nhiều đề tài các cấp đã và đang triển khai thực hiện: 01 đề tài Nafosted, 22 đề tài cấp Bộ, 01 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, đề tài cấp ĐHQĐN, 37 đề tài cấp Trường Thường niên và 22 đề tài cấp Trường trọng điểm, 05 đề tài cấp Tỉnh, Thành phố.

Nhà trường thường xuyên yêu cầu cập nhật các thông tin khoa học của cá nhân phải được cập nhật và công khai toàn Trường và hầu hết cán bộ đều thực hiện tốt [H3.03.07.20]. Trường đã ban hành quy định về việc bổ sung tài liệu và yêu cầu tất cả các đề tài NCKH, giáo trình, tài liệu giảng dạy đã nghiệm thu phải nộp về Thư viện để làm cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu và dạy học [H3.03.07.21]. Hầu hết các thông tin KHCN đều được Nhà trường thông báo công khai rộng rãi. Hình thức thông báo bằng văn bản, email hoặc đăng tải trên website của Phòng KH&HTQT [H3.03.07.22]. Hằng năm, số lượng đề tài và tình hình thực hiện các đề tài được Phòng KH&HTQT báo cáo tại hội nghị CBVC và hội nghị tổng kết năm học và các cuộc họp giao ban KHCN [H3.03.07.23]. Các công bố khoa học có chất lượng được Nhà trường khen thưởng theo đúng quy định [H3.03.07.24].

Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ CSVC, trang thiết bị để GV hoàn thành đề tài khoa học. Nhà trường luôn cập nhật danh mục các trang thiết bị, dụng cụ thí nghiệm để các GV tra cứu và có kế hoạch sử dụng hiệu quả. Nội dung được đăng tải tại các website của Khoa có đầu tư các thiết bị thí nghiệm phục vụ cho công tác nghiên cứu và đào tạo như: <http://bio-env.ued.udn.vn/gioi-thieu/co-so-vat-chat> ; <http://phy.ued.udn.vn/introduction/laboratories/laboratories-16.html> ; và cập nhật trong sổ thiết bị các phòng thực hành [H3.03.07.25, H3.03.07.26].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã hỗ trợ tích cực cho GV trong hoạt động KHCN trên nhiều mặt: công tác tổ chức, kinh phí, CSVC, chính sách ưu tiên; góp phần khuyến khích CBGV thực hiện tốt các đề tài KHCN.

- Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động NCKH khác nhau để GV tham và gia phù hợp với hoàn cảnh của từng nhóm GV.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tích cực tìm kiếm đề tài có yếu tố HTQT và có chính sách hỗ trợ, khen thưởng các GV thực hiện đề tài	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng các chính sách hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động NCKH đã ban hành và điều chỉnh, bổ sung các chính sách không còn phù hợp với xu hướng mới	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022
3		Tiếp tục hỗ trợ các Khoa và GV triển khai các hoạt động NCKH như triển khai đề tài KHCN các cấp, tổ chức seminar khoa học, tổ chức hội thảo và công bố bài báo khoa học...	Phòng KH&HTQT và các Khoa	2020	2022

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 7	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.7.1					5		
Chỉ số 3.7.2					5		
Chỉ số 3.7.3					5		
Điểm TB của tiêu chí	5.0						

Tiêu chuẩn 4
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8. Hợp tác vùng/ địa phương

1. Mô tả

Chỉ số 4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

Nhận được sự kì vọng lớn từ xã hội cũng như sự tin tưởng giao nhiệm vụ của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSPT - ĐHĐN xác định công tác đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông là sứ mạng, là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường [H4.04.08.01].

Trong những năm qua, Nhà trường luôn xây dựng kế hoạch cho các nội dung liên quan đến công tác đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông. Kế hoạch này được xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng hoạt động: khảo sát nhu cầu bồi dưỡng, liên kết với địa phương (sau đây gọi là đơn vị liên kết), chương trình bồi dưỡng, tài liệu phục vụ bồi dưỡng, đội ngũ GV, CSVC [H4.04.08.02].

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện dựa trên nhu cầu thiết thực giúp giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông tăng cường bồi dưỡng kiến thức, nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý trường học và mang lại kết quả học tập tốt cho học sinh. Do đó, việc khảo sát lấy ý kiến từ phía các nhà quản lý cũng như giáo viên về nội dung, chương trình bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng là rất cần thiết. Hoạt động này được Nhà trường tổ chức định kì và nghiêm túc [H4.04.08.03]. Ngoài những CTĐT, bồi dưỡng do Bộ GD&ĐT ban hành thì việc xây dựng nội dung chương trình cho các khóa đào tạo khác đều được xây dựng trên cơ sở tham khảo kết quả các khảo sát từ phía giáo viên và cán bộ quản lý [H4.04.08.04].

Hiện nay, Nhà trường đang tổ chức nhiều CTĐT, bồi dưỡng tại hơn 20 đơn vị liên kết trong cả nước [H4.04.08.05]. Để đáp ứng nhu cầu lớn này, Nhà trường chuẩn bị đội ngũ đảm bảo cả về chất lượng và số lượng [H4.04.08.06]. Lực lượng GV, cán bộ kỹ thuật phục vụ được thường xuyên trao đổi chuyên môn, học thuật và tập huấn, bồi dưỡng [H4.04.08.07]. Cùng với sự chuẩn bị chu đáo các điều kiện giảng dạy trực tuyến thì việc phối hợp với các cơ sở liên kết để được đảm bảo CSVC phục vụ giảng dạy được Nhà trường rất quan tâm và đây cũng là điều kiện bắt buộc khi Nhà trường kí

hợp đồng liên kết [H4.04.08.08]. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cũng được các nhóm chuyên môn xây dựng khoa học, đảm bảo đúng nội dung và đủ thời lượng [H4.04.08.09].

Các khóa bồi dưỡng được Nhà trường tổ chức theo quy trình khoa học, thuận lợi cho các bên liên quan và ĐBCL đào tạo. Từ việc phân công giảng dạy, theo dõi học tập trực tuyến, tổ chức thi đến việc công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ đều được thực hiện khách quan và đảm bảo đúng quy chế, quy định [H4.04.08.10].

Trong khuôn khổ Chương trình ETEP, năm 2019 Trường đã tổ chức tập huấn Mô đun 1 “*Tìm hiểu Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*” cho 2.465 GVPTCC đến từ 6 tỉnh thành phố gồm Đà Nẵng, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Trong đó, số lượng GVPTCC hoàn thành chương trình bồi dưỡng là 1.975 người trong đó 1307 là nữ và 22 người là dân tộc thiểu số [H4.04.08.10a].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm rút kinh nghiệm và có những cải tiến cho năm tiếp theo. Hoạt động này được tổ chức tại Trường và mời các bên liên quan tham dự để có những đánh giá khách quan cho công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên [H4.04.08.11]. Cũng tại các hội nghị này, Nhà trường sẽ công bố kết quả của các cuộc khảo sát để các bên cùng bàn, đưa ra giải pháp tốt hơn và cùng xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo.

Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục

Mối liên hệ chặt chẽ giữa trường sư phạm và cộng đồng địa phương là rất quan trọng cho sự phát triển giáo dục cũng như kinh tế - xã hội. Xác định được điều đó, Nhà trường đã có chủ trương tăng cường liên kết với các Sở GD&ĐT, Sở KHCN&MT và các trường đại học trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác về giáo dục và KHCN đặc biệt là khoa học giáo dục [H4.04.08.12].

Trong các năm 2017 - 2018, Nhà trường đã phối hợp với các trường Đại học trong và ngoài nước hoặc các viện, hội chuyên ngành tổ chức một số hội thảo Quốc gia và Quốc tế. Tiêu biểu là Hội thảo Quốc tế Ngôn ngữ học: “Ngôn ngữ học Việt Nam - những chặng đường hội nhập và phát triển” được phối hợp với Viện Ngôn ngữ học Việt Nam; Hội nghị Giảng dạy Vật lý toàn quốc lần IV - năm 2018 được phối hợp với Hội giảng dạy Vật lý Việt Nam; Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ X năm 2018 được phối hợp với Hội Địa lý Việt Nam [H4.04.08.13]. Kết quả thu được từ các hội nghị, hội thảo này là tạo uy tín của Nhà trường trong cộng đồng các Trường đại

học và địa phương và đúc kết những kinh nghiệm, giải pháp, kiến nghị về giáo dục được thể hiện trong các báo cáo khoa học tại hội nghị [H4.04.08.14].

Bên cạnh đó, Trường là đơn vị chủ trì thực hiện một số đề tài KHCN cấp tỉnh, thành phố, các đề tài này đã được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế như: *Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học thành phố Đà Nẵng*, đề tài này đã được áp dụng tập huấn cho các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; *Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tổng hợp các loại keo dán gỗ thân thiện với môi trường và ứng dụng trong sản xuất ván gỗ nhân tạo MDF*, đề tài này đã được UBND tỉnh Quảng Nam công nhận và CGCN cho công ty cổ phần Gỗ công nghiệp tỉnh Quảng Nam [H4.04.08.15]. Ngoài ra, Trường cũng đã đề xuất, đấu thầu các nhiệm vụ KHCN của các cấp ở nhiều địa phương trên cả nước như tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kiên Giang... Các đề tài mà Trường đã và đang tổ chức chủ trì thực hiện với thành phố và các tỉnh thành đều có giá trị giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như các đề tài: *Nghiên cứu phát triển công nghệ nhuộm màu tự nhiên trên vải lụa tơ tằm và vải sợi tổng hợp thay thế cho công nghệ nhuộm màu sử dụng hóa chất* (đề tài cấp tỉnh Quảng Nam năm 2019); *Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi* (đề tài cấp tỉnh Quảng Ngãi năm 2019); *Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang* (đề tài tỉnh Kiên Giang năm 2018)... [H4.04.08.16].

Theo quy định nghiệm thu đề tài, Nhà trường thường xuyên mời các nhà khoa học từ các Sở GD&ĐT, Sở KHCN, các cơ quan ngoài trường, các giáo viên từ các trường phổ thông tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Trường để tạo sự khách quan trong nhận xét đánh giá và góp phần nâng cao chất lượng của đề tài [H4.04.08.17].

Hằng năm, Nhà trường đều gửi các công trình KHCN tham gia xét giải thưởng KHCN thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định [H4.04.08.18].

Một trong những giải pháp phát triển về KHCN tiếp theo của Nhà trường trong thời gian đến là tăng cường mối quan hệ với các Sở ban ngành địa phương và các tỉnh khác nhằm thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học liên quan đến giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội [H4.04.08.19].

2. Điểm mạnh

- Trường luôn chủ động liên kết với các trường Đại học và các địa phương về đào tạo, bồi dưỡng.

- Trường thường xuyên phối hợp với các trường Đại học, cơ quan nghiên cứu và địa phương để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

3. Điểm tồn tại

- Việc tổ chức lấy ý kiến các nhà quản lý và giáo viên tại các cơ sở liên kết chưa được rộng rãi.

- Sự hợp tác khoa học với các trường Đại học, các cơ quan nghiên cứu và địa phương chưa được cụ thể hóa bằng biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hay hợp đồng chính thức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi đối với các cơ sở liên kết về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	Phòng Đào tạo	2020	2022
2		Tiến hành kí kết văn bản hợp tác khoa học với các trường Đại học, cơ quan nghiên cứu và địa phương	Phòng KH&HTQT	2020	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch hóa hoạt động liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các cơ sở	Phòng Đào tạo	2020	2022
4		Đa dạng hóa các hoạt động tổ chức sự kiện về khoa học giáo dục với các cơ sở	Phòng KH&HTQT	2020	2022

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 8	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.8.1				4			
Chỉ số 4.8.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 9. Hợp tác quốc tế

1. Mô tả

Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này

Nhà trường đã lập các kế hoạch HTQT dài hạn giai đoạn 2017 – 2021 tầm nhìn 2030 và ngắn hạn trong kế hoạch hằng năm cho công tác HTQT [H4.04.09.01].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chính sách HTQT về hỗ trợ tài chính, quy trình, thủ tục cho các hoạt động HTQT thông qua các quy định của ĐHĐN và của Trường ĐHSP: *Quy định về người nước ngoài học tập tại Đại học Đà Nẵng*, *Quy định về công tác quản lý hoạt động quốc tế của Đại học Đà Nẵng* [H4.04.09.02] và *Quy định về hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng* [H4.04.09.03]. Chính sách khuyến khích GV tham gia hội thảo quốc tế được ban hành trong các quy định: *Quy định về tham dự hội nghị hội thảo khoa học*, *Quy chế chi tiêu nội bộ*, *Quy định khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ*, trong đó có khen thưởng bài báo ISI/ Scopus, đề tài/ dự án quốc tế [H4.04.09.04].

Trên cơ sở các chính sách được quy định rõ ràng, từ năm 2017 đến nay, nhiều GV đã tích cực tham gia các hội thảo quốc tế trong và ngoài nước [H4.04.09.05]. Nhà trường chủ động tiếp và làm việc với khoảng 30 đoàn khách quốc tế mỗi năm để trao đổi, tìm kiếm các cơ hội hợp tác về NCKH, trao đổi GV và SV [H4.04.09.06]. Trường cũng đã chủ động cử các đoàn cán bộ lãnh đạo và GV ra nước ngoài để trao đổi, thảo luận với các đối tác về cơ hội hợp tác trong đào tạo và NCKH [H4.04.09.07]. Nhà trường đã ký kết MOU/ MOA với các đối tác để tạo điều kiện cho GV tham gia nghiên cứu và công bố quốc tế [H4.04.09.08];

Trường chủ động tham gia các dự án quốc tế như: Chương trình phát triển sách điện tử (Ebook) theo STEM với Đại học Hull (Vương quốc Anh); Dự án triển khai tập huấn về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng do JICA (Nhật Bản) tài trợ; Dự án Phát triển CTĐT trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu [H4.04.09.09]. Trường tổ chức và hỗ trợ cho SV tham gia các chương trình trao đổi ngắn hạn ở nước ngoài [H4.04.09.10]. Trường thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi học thuật với chuyên gia, SV nước ngoài [H4.04.09.11]. Ngoài ra, hằng năm Trường phối hợp tổ chức 1-2 hội thảo, seminar quốc tế để GV và SV có cơ hội giao lưu với các nhà khoa học và tiếp cận với các hướng nghiên cứu mới trên thế giới [H4.04.09.12]. GV của Trường tiếp nhận và hướng dẫn SV nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường [H4.04.09.13].

Nhà trường chủ động đưa tin tức về tiếp đón đoàn và thông báo về các chương trình trao đổi SV lên website của Trường [H4.04.09.14].

Trường thường xuyên báo cáo về công tác HTQT cho các cơ quan chức năng: ĐHDN, Sở Ngoại vụ, Hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố Đà Nẵng... [H4.04.09.15]. Hằng năm, Trường có rà soát hoạt động HTQT để có phương hướng hoạt động HTQT ngắn hạn và dài hạn [H4.04.09.16].

Các chính sách HTQT đã mang lại hiệu quả trong việc khuyến khích GV và SV tham gia vào mạng lưới quốc tế. GV và SV đã có nhiều cơ hội làm việc, trao đổi học thuật, nghiên cứu và học tập với các chuyên gia nước ngoài.

Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Nhằm phát triển HTQT đa phương, Nhà trường đã lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cho việc đa dạng hóa các hoạt động hợp tác và phát triển các mối quan hệ liên kết theo hướng bền vững hơn [H4.04.09.17]. Trường đã tăng cường kí kết thoả thuận (MOU) với nhiều viện nghiên cứu và trường Đại học trên thế giới; bao gồm các lĩnh vực nghiên cứu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục. Vì vậy số lượng MOU/MOA trong 02 năm 2018 và 2019 đã tăng lên so với năm 2017 [H4.04.09.18].

Qua các chính sách và hoạt động hỗ trợ HTQT trong đào tạo và NCKH, Nhà trường đã tiếp đón nhiều SV quốc tế đến học tập cũng như các chuyên gia đến giảng dạy và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường tiếp nhận SV Trường Đại học Cao Hùng (Đài Loan) và Trường ĐHSP Vân Nam (Trung Quốc) đến học tập theo chương trình trao đổi 01 năm [H4.04.09.19], [H4.04.09.20]; SV từ Viện nghiên cứu Village Studies (Hoa Kỳ) sang học tập ngắn hạn về môi trường và đời sống văn hóa cộng đồng [H4.04.09.21]; SV Trường Đại học Calgary sang thực tập sư phạm tại Trường và các trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng [H4.04.09.22]. Trường phối hợp với các chuyên gia, đối tác nước ngoài cùng thực hiện đề tài nghiên cứu, thực hiện các dự án [H4.04.09.23]; mời các giáo sư nước ngoài đến giảng dạy, sinh hoạt học thuật thông qua các diễn đàn học thuật [H4.04.09.24]; chủ động phối hợp với các đối tác trong việc tổ chức hội thảo quốc tế [H4.04.09.25]. Nhà trường đã tổ chức các đoàn cán bộ ra nước ngoài để tìm kiếm các cơ hội hợp tác trong đào tạo và NCKH, trao đổi GV, SV.

Năm 2018, Trường tổ chức 02 đoàn cán bộ đi Ấn Độ và Nhật Bản [H4.04.09.26]. Năm 2019, Trường đã tổ chức đoàn cán bộ sang Đài Loan [H4.04.09.27].

Ngoài ra, Nhà trường có các dự án mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho CBGV và SV [H4.04.09.28]. Thông qua các chương trình hợp tác, nhiều CBGV đã được mời ra nước ngoài tham quan, nghiên cứu, trao đổi hợp tác tại các nước như Nhật Bản, Úc, Đức, Bỉ [H4.04.09.29]. Việc xây dựng CTĐT của Nhà trường có tích hợp các vấn đề toàn cầu như vấn đề môi trường, giới tính vào các CTĐT [H4.04.09.30], [H4.04.09.31]. Bên cạnh đó, Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động cho SV tuyên truyền về các vấn đề môi trường, nước sạch, vấn đề giới và phát triển, vấn đề bạo hành gia đình... [H4.04.09.32].

Hằng năm, Nhà trường đều có rà soát và tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động HTQT và vạch ra các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và biện pháp để triển khai trong năm học mới [H4.04.09.33]. Kết quả rà soát và đánh giá tổng kết cho thấy rằng số lượng SV đến học tập chủ yếu là học tập ngắn hạn hoặc học tập tiếng Việt 1 năm, và số lượng SV học tập chuyên ngành chưa nhiều. Nhà trường chưa có GV, chuyên gia nước ngoài nào đến giảng dạy và nghiên cứu trong thời gian từ một năm trở lên.

Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định

Nhà trường luôn chú trọng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ và SV của Trường thông qua các kế hoạch dài hạn, chủ trương hằng năm [H4.04.09.34]. Nhà trường đã ban hành các chính sách khuyến khích GV và SV trau dồi kiến thức nâng cao trình độ ngoại ngữ. Theo quy định của Trường, tiêu chuẩn để tuyển dụng vào vị trí GV phải có trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương trở lên [H4.04.09.35]. Để khuyến khích CBGV nâng cao năng lực ngoại ngữ, ĐHĐN đã có quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức ĐHĐN trong đó quy định cán bộ tham gia học tập Sau đại học ở trong nước phải đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định, cụ thể là thạc sĩ, tiến sĩ phải đạt IELTS lần lượt từ 5.0 và 5.5 trở lên và GV sau khi được tuyển dụng phải có lộ trình cụ thể để được đào tạo Sau đại học ở nước ngoài [H4.04.09.36]. Trường đã tổ chức nhiều buổi tập huấn seminar với nhiều chủ đề với sự tham của các chuyên gia nước ngoài để giúp GV và SV nâng cao trình độ về ngoại ngữ và chuyên môn [H4.04.09.37]. Qua đó, GV có thêm kỹ năng về ngoại ngữ để vận dụng vào công tác nghiên cứu, giảng dạy. GV giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh tại trường được tính hệ số giờ giảng 1.5 [H4.04.09.38].

Bên cạnh đó Nhà trường có quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với SV học tại Trường. Theo đó SV phải đạt được trình độ tiếng Anh bậc 3, các ngoại ngữ khác đạt trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam [H4.04.09.39]. Hằng năm, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường tổ chức xét tốt nghiệp, trong đó việc đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra là một điều kiện bắt buộc để xét tốt nghiệp cho SV và học viên cao học [H4.04.09.40]. Trường khuyến khích GV, SV tham gia các chương trình giao lưu văn hóa, học tập ngắn hạn ở nước ngoài bằng cách hỗ trợ một phần hoặc toàn phần kinh phí [H4.04.09.41]. Ngoài tiếng Anh, Trường còn tổ chức các lớp học Nhật ngữ cho SV để đáp ứng yêu cầu việc làm sau này cho SV [H4.04.09.42]. Trường tổ chức các buổi giao lưu với SV nước ngoài để tạo cơ hội cho SV tiếp xúc, giao lưu với SV quốc tế [H4.04.09.43]. Nhà trường khuyến khích GV viết bài báo quốc tế để tăng cường khả năng ngoại ngữ và chuyên môn qua việc khen thưởng cho các GV có bài báo quốc tế được đăng [H4.04.09.44].

Nhà trường đã rà soát, tổng kết hoạt động HTQT và vạch ra các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và biện pháp để triển khai trong năm học mới [H4.04.09.45].

2. Điểm mạnh

- Kí kết thêm nhiều văn bản MOU và MOA với các đối tác quốc tế và hầu hết được triển khai hiệu quả trong thực tế.
- Việc trao đổi SV của Trường với các đối tác nước ngoài ngày càng tăng.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng SV quốc tế đến học tập chuyên ngành tại Trường chưa nhiều.
- Số lượng GV đi nghiên cứu ở nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách thu hút GV, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu và SV quốc tế đến học tập tại Trường	P. Khoa học & HTQT	2020	2020
2		Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích GV đi nghiên cứu ở nước ngoài	P. Khoa học & HTQT	2019	2020
3	Phát huy điểm mạnh	Triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác đã kí kết với các đối tác nước ngoài	P.KH & HTQT và các Khoa	2020	2022

4	Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ GV, SV của Trường tham gia các chương trình trao đổi, học tập ở nước ngoài	P.KH & HTQT và các Khoa	2020	2022
---	--	-------------------------	------	------

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 9	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.9.1				4			
Chỉ số 4.9.2				4			
Chỉ số 4.9.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.00						

Tiêu chí 10. Hợp tác với các tổ chức khác

1. Mô tả

Chỉ số 4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau

Sứ mạng của Trường được xác định là “*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên*”. Với nguồn nhân lực và tài lực hiện có, Nhà trường đã và đang thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược. Từ năm 2017 đến 2019, Nhà trường đã đào tạo được 2600 Cử nhân khoa học, 300 Thạc sĩ, 03 Tiến sĩ. Đây là nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động khu vực miền Trung - Tây nguyên và cả nước [H4.04.10.01]. Người học sau khi tốt nghiệp làm việc ở nhiều ngành nghề khác nhau và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội. SV tốt nghiệp của Trường làm giáo viên của các trường từ THPT đến các trường mầm non, các công ty như FPT Đà Nẵng, Green Global Đà Nẵng, Vietin Thành phố Hồ Chí Minh, Khách sạn Romkasa, Công ti Thiết bị Môi trường Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng... Các SV hầu hết được công tác ở các lĩnh vực phù hợp với ngành được đào tạo. Trong đó, có nhiều SV tốt nghiệp đang làm việc cho các trường ĐHSP, các trường đại học khác như Đại học Quảng Nam, Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quảng đông (Quảng Nam)... Các cựu SV này làm việc ở nhiều vị trí

và vai trò khác nhau từ lãnh đạo quản lý, giảng dạy, cán bộ chuyên trách tại các phòng chức năng [H4.04.10.02].

Để đáp ứng yêu cầu của xã hội; bên cạnh các hệ đào tạo chính quy, Nhà trường cũng rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng, thường xuyên mở các lớp chứng chỉ đào tạo ngắn hạn: Chứng chỉ NVSP dành cho GV các trường đại học, Bồi dưỡng cán bộ Quản lý Giáo dục, Quản lý Hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục đào tạo, công tác tư vấn học đường, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho GV, giáo viên từ bậc Đại học đến THPT, Tiểu học, Mầm non [H4.04.10.03]. Các lớp bồi dưỡng này đã bồi dưỡng tăng cường cho rất nhiều CBGV, giáo viên đến từ các đơn vị khác nhau, trong đó có nhiều người học là các CBGD đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, TCCN trong cả nước đặc biệt là khu vực miền Trung và Tây nguyên [H4.04.10.04].

Ngoài ra, Trường luôn tạo điều kiện cho các GV có học hàm, học vị cao tham gia các dự án, đề tài khoa học; tham gia các hội đồng tốt nghiệp sau đại học, thỉnh giảng các học phần mà các trường bạn có nhu cầu [H4.04.10.05].

Chỉ số 4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn

Năm 2017, Trường tham gia chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) với mạng lưới 07 trường ĐHSP chủ chốt. Từ đó đến nay, Trường đã tích cực tham gia các hoạt động của chương trình ETEP như: xây dựng thỏa thuận PA; đánh giá TEIDI; xây dựng, góp ý, đánh giá danh mục chuyên đề bồi dưỡng... [H4.04.10.06], [H4.04.10.07]. Dưới sự chỉ đạo của Ban quản lý chương trình ETEP trung ương các trường sư phạm chủ chốt thường xuyên có các hoạt động chung, hoạt động phối hợp nhằm chia sẻ kinh nghiệm quản lý, kế thừa, phát triển và công nhận các sản phẩm của nhau [H4.04.10.08], [H4.04.10.09]. Theo cách thức vận hành của chương trình ETEP thì quá trình giám sát đánh giá được triển khai song hành với các hoạt động của chương trình. Nhờ đó mà các hoạt động được giám sát, đánh giá, cải tiến liên tục góp phần vào sự thành công bước đầu của chương trình ETEP [H4.04.10.10]. Phát huy vai trò chủ chốt, Trường cùng với mạng lưới các trường sư phạm chủ chốt đã tích cực tham gia các hoạt động của Dự án Hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông (RGEP, ETEP) [H4.04.10.11], [H4.04.10.12].

Nhiều năm qua, Trường đã chủ động hợp tác nghiên cứu, liên kết đào tạo nhiều với các trường Đại học, Cao đẳng trong khu vực để thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm

thực tiễn như: Đại học Quảng Nam, Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum; Đại học Phạm Văn Đồng; Đại học Quảng Bình; Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đức Trọng (Lâm Đồng); Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Phương Nam (Đắk Nông) và Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quảng Đông (Quảng Nam) [H4.04.10.13]. Những năm gần đây, Trường tiếp tục mở rộng hợp tác sang các địa bàn mới như: Đại học Bình Dương; Phân hiệu Đại học Bình Dương tại Cà Mau; Phân hiệu Trường Trung cấp Tổng hợp Đông Nam Á tại Cần Thơ; Trường Trung cấp Bách khoa TP Hồ Chí Minh và Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk [H4.04.10.14].

Đối với hoạt động KHCN, Trường cũng đã có sự liên kết, hợp tác với các trường đại học thành viên, các trường đại học sư phạm khác cũng như các sở ban ngành và các trường phổ thông địa phương. Trường là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện một số đề tài NCKH cấp tỉnh/ thành phố như Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kiên Giang, ... [H4.04.10.15]. Trường thường xuyên mời các chuyên gia, các nhà khoa học từ các trường đại học, các Sở ban ngành và các trường phổ thông tham gia với cương vị là thành viên hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp do Nhà trường chủ trì thực hiện, đồng thời nhiều GV của Trường cũng là thành viên tham gia đánh giá và nghiệm thu đề tài KHCN, hội đồng bảo vệ luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ của các bên liên quan [H4.04.10.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, các buổi tập huấn nhằm chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục như: hội nghị giảng dạy Vật lý toàn quốc lần thứ 4 năm 2018, hội thảo Địa lý toàn quốc năm 2018 và các hội nghị hội thảo cấp Khoa/ Bộ môn có sự tham gia của các đơn vị liên kết trên [H4.04.10.17].

Chỉ số 4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành

Trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho GV và người học tham gia các hoạt động chuyên môn. Nhà trường đã cụ thể hóa các mục chi hỗ trợ trong Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, trong đó có quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục [H4.04.10.18]. Đồng thời xây dựng quy định tham dự Hội nghị, Hội thảo nhằm chuyên nghiệp hóa công tác quản lý, khuyến khích GV tham dự các hoạt động chuyên môn [H4.04.10.19]. Trong những năm qua, Nhà trường đã cử nhiều lượt GV tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi thi quốc gia do Bộ GD&ĐT chủ trì, góp ý xây dựng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, tham gia

bồi dưỡng học sinh giỏi thi Olympic quốc tế, tham gia các hội đồng đánh giá của kì thi khoa học kĩ thuật quốc gia dành cho học sinh phổ thông, tham dự các hội nghị, hội thảo về chuyên môn...[H4.04.10.20]. Năm 2019, Nhà trường đã cử gần 50 GVSP cốt cán tham gia bồi dưỡng cho 2.485 giáo viên phổ thông cốt cán ở 6 tỉnh, thành phố theo phân công của Bộ GD&ĐT [H4.04.10.21].

Trường đã cử nhiều SV đi tham dự các hoạt động chuyên môn của ngành như các kì thi olympic... Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Bộ GD&ĐT cũng như Nhà trường không thường xuyên tổ chức một số hoạt động chuyên môn như Hội thi nghiệp vụ sư phạm nên người học của Trường ít có cơ hội được rèn luyện và phát triển năng lực sư phạm.

Chỉ số 4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng là cơ hội để chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm và góp phần nâng cao uy tín, học hiệu của Nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng trên, Trường luôn chú trọng và khuyến khích mở rộng hoạt động này. Nhờ đó mà số đơn vị liên kết đào tạo, bồi dưỡng với Nhà trường không ngừng tăng lên. Tính đến nay Trường đã liên kết với trên 30 đơn vị trong nước bao gồm các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp và các Trung tâm Giáo dục thường xuyên các tỉnh, thành phố [H4.04.10.22]. Trường đã huy động đội ngũ GV sư phạm chủ chốt và tập trung CSVC tốt nhất để phục vụ cho hoạt động bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo chương trình ETEP cho các địa phương được phân công [H4.04.10.23].

Để hoạt động quảng bá tuyển sinh, liên kết đào tạo, bồi dưỡng ngày một chuyên nghiệp, Nhà trường đã thành lập Tổ CNTT và Truyền thông là đơn vị chuyên trách triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá tuyển sinh [H4.04.10.24].

Trường luôn khuyến khích các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học thuộc các nước có nền giáo dục phát triển. Do đó, Trường đã chủ động kí kết MoU với các đối tác ở nước ngoài [H4.04.10.25]. Các nội dung trong MoU đã được triển khai thực hiện [H4.04.10.26].

Trường cũng khuyến khích CBVC tham gia các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân thông qua NCKH và CGCN bằng cách thành lập các nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài/ dự án lớn ngoài Trường [H4.04.10.27]. Trường cũng có chính sách giao kinh phí thực hiện đề tài cấp trường trọng điểm cho nhóm nghiên cứu với kinh phí 100-150 triệu đồng/ đề tài; các đề tài khởi nghiệp cho GV trẻ với kinh phí 15 triệu/ đề tài [H4.04.10.28].

2. Điểm mạnh

- Trường đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tổ chức trong cả nước và trọng tâm là khu vực Miền trung - Tây nguyên.

- Trường đã tham gia nhiều hoạt động chung trong mạng lưới các trường sư phạm trọng điểm và đóng góp hiệu quả cho các hoạt động đổi mới của ngành.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa có các kí kết bằng văn bản với các sở, ban ngành của các tỉnh, thành trong việc hợp tác tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ.

- Sự tham gia của người học trong một số hoạt động chuyên môn của ngành như Hội thi nghiệp vụ sư phạm không liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đàm phán kí kết các văn bản hợp tác với các sở ban ngành của các tỉnh, thành trong nước về các hoạt động hợp tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.	Trường ĐHSP	2020	2021
2		Thường xuyên tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm để người học có cơ hội rèn luyện và nâng cao năng lực sư phạm	Phòng CTSV Các khoa	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao trình độ của đội ngũ GV; chú trọng phát triển đào tạo Sau đại học; mở các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm chất lượng cao	Trường ĐHSP	2019	2021
4		Phối hợp với các trường sư phạm khác để triển khai các hoạt động chung của ngành, đặc biệt là Chương trình ETEP và Dự án RGEP	Trường ĐHSP	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 10	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.10.1				4			

Chỉ số 4.10.2				4			
Chỉ số 4.10.3				4			
Chỉ số 4.10.4				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.00						

Tiêu chí 11. Thông tin và truyền thông

1. Mô tả

Chỉ số 4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư

Nhà trường luôn tuân thủ các quy định của quốc gia và quốc tế về việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn; về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Việc xuất bản các ấn phẩm, thông tin website, tạp chí khoa học, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trường đã thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ theo Quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ do ĐHĐN ban hành [H4.04.11.01].

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-KH, ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP về việc “Quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục sau đại học, đại học”; trong đó quy định rõ các loại tài liệu, giáo trình, bài giảng, các bước xây dựng, thẩm định và đưa vào sử dụng một cách chặt chẽ [H4.04.11.02]. Đầu năm 2019, Trường đã tổ chức họp rà soát Quy định biên soạn giáo trình [H4.04.11.03]. Được sự chỉ đạo của Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm Khóa VII lần thứ 47 năm 2019, Trường đã ban hành dự thảo “Quy định về biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập”; Nhà trường cũng đã gửi công văn đến toàn thể CBGV để góp ý, xây dựng [H4.04.11.04]. Ngày 05/7/2019, Nhà trường ban hành Quyết định số 844/QĐ-ĐHSP “Quy định về việc biên soạn và công nhận tài liệu học tập” nhằm kiện toàn các điều khoản trong quy định trước; tất cả các CBGV đăng ký và được phê duyệt biên soạn giáo trình đều thực hiện theo quy định này [H4.04.11.05].

Tạp chí Khoa học và Giáo dục Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2011 theo giấy phép số 1282/GP-BTTTT ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông [H4.04.11.06]. Tạp chí hoạt động trên cơ sở pháp luật và quy định của Nhà nước về NCKH và xuất bản, mỗi năm xuất bản 04 số. Nhằm quản lý Tạp chí được tốt hơn, Tạp chí đã nghiên cứu, lấy ý kiến

đóng góp từ các nhà khoa học trong trường để ban hành “Quy chế hoạt động của Tạp chí KH, trường ĐHSP-ĐHĐN”; trong đó nêu rõ quy trình tiếp nhận bài báo, phản biện, đăng bài được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và bảo mật [H4.04.11.07]. Với mong muốn Tạp chí ngày càng phát triển, ngày 15/6/2017, Trường Đại học Sư phạm đã gửi công văn số 454/ ĐHSP đến Bộ Thông tin và Truyền thông về việc “Xin thay đổi tên gọi và hình thức trình bày trong giấy phép hoạt động báo chí” [H4.04.11.08]. Ngày 19 tháng 12 năm 2017, Tạp chí được Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép số 344/ GP-BTTTT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong giấy phép hoạt động báo chí. Cụ thể: đổi tên tạp chí thành Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN (tên tiếng Anh: Journal of Science The University of Danang - University of Education); tăng kì hạn xuất bản 05 số/ năm, trong đó, có 01 số xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh [H4.04.11.09]. Trường luôn có quy chế rà soát nghiêm ngặt các Quy chế, năm 2019 Nhà trường tổ chức họp rà soát Quy chế hoạt động của Tạp chí trong 2 năm ban hành. Theo đó, ngày 15/8/2019, Nhà trường ra Quyết định số 1016/QĐ-ĐHSP “Quyết định về việc bổ sung Điều 12 của Quyết định QĐ 234/QĐ-ĐHSP ngày 21/2/2018 vv ban hành Quy chế hoạt động của Tạp chí KH, trường ĐHSP-ĐHĐN” [H4.04.11.10]. Qua 9 năm hoạt động, đến nay Tạp chí đã được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận và tính điểm 05 ngành (Toán, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Giáo dục học, Vật lý) [H4.04.11.11]. Hiện nay, Phòng Khoa học và HTQT đang tiến hành xây dựng hồ sơ xin xuất bản online tạp chí nhằm nâng cao chất lượng và tiếp cận tốt hơn với các nhà khoa học [H4.04.11.12].

Chỉ số 4.11.2. Trường công khai các thông tin, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Thông tin, truyền thông luôn là vấn đề được Ban Giám hiệu trường Đại học Sư phạm quan tâm sâu sắc. Thông qua các cuộc họp, Đảng ủy trường Đại học Sư phạm luôn chỉ đạo Tổ Công nghệ thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên thông qua website, về các hoạt động của Nhà trường như: tư vấn tuyển sinh; bồi dưỡng nâng hạng GV, giáo viên; quảng bá các chương trình đào tạo/ bồi dưỡng, các dự án mới; xây dựng các video clip; quảng bá các thông tin và hoạt động của ETEP [H4.04.11.13].

Từ năm 2015, Trường đã thành lập Tổ Truyền thông nhằm chuyên nghiệp hóa công tác truyền thông, thông tin của Trường. Tổ do một Phó Hiệu trưởng phụ trách với

các thành viên chủ chốt là GV ngành báo chí và công nghệ thông tin [H4.04.11.14]. Tổ có quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động được nêu rõ trong quy chế. Hoạt động của Tổ được vận hành như một tờ báo mạng chuyên nghiệp, trong đó có người viết tin, duyệt bài, đăng bài và chi trả nhuận bút [H4.04.11.15]. Tháng 3 năm 2019, Hiệu trưởng trường ĐHSP ra Quyết định số 248/QĐ-ĐHSP về việc thành lập và kiện toàn tổ Công nghệ thông tin và Truyền thông. Tổ CNTT&TT là tổ độc lập thuộc Trường, có kế hoạch truyền thông dài hạn, rõ ràng dưới sự quản lý của Ban Giám hiệu [H4.04.11.16]. Nhà trường phối hợp với Đài truyền hình Trung ương và địa phương đưa tin về các sự kiện lớn của Trường (VTV1, VTV8, DRT...) [H4.04.11.17].

Các thông tin của Nhà trường khi được công bố ra bên ngoài luôn được kiểm tra và sử dụng số liệu tin cậy. Địa chỉ website của Nhà trường: <http://ued.udn.vn> (tiếng Việt), <http://en.ued.udn.vn> (tiếng Anh). Trường công khai các thông tin, đặc biệt là các dữ liệu về đội ngũ GV, SV nhập học, SV tốt nghiệp và tỉ lệ SV có việc làm thông qua hệ thống phần mềm. Các số liệu công khai đều được trích xuất từ phần mềm, đảm bảo nhanh và chính xác, đáp ứng các yêu cầu về thông tin, báo cáo định kỳ cũng như đột xuất khi có yêu cầu [H4.04.11.18]. Ngoài ra, các thông tin trên còn được công bố trong mục “Ba công khai” trên website Nhà trường giúp cho các cá nhân, tổ chức bên ngoài nhà trường dễ dàng truy cập. Bên cạnh đó, Trường còn phân công cán bộ chịu trách nhiệm về việc tổng hợp, báo cáo thông tin và truyền thông ra bên ngoài, đảm bảo các thông tin được trao đổi với bên ngoài một cách chính thống và có cơ sở [H4.04.11.19]. Hằng năm, thông qua Thông báo kê khai tính giờ NCKH, Nhà trường yêu cầu CBVC cập nhật lí lịch khoa học trên website: <http://scv.ued.udn.vn/> để dữ liệu CBVC của Trường được đầy đủ và hoàn thiện hơn [H4.04.11.20].

Trường xây dựng các chương trình quảng bá, tuyên truyền thông tin về “Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông” (ETEP) trên các kênh thông tin như: xây dựng website ETEP tại địa chỉ: <http://etep.ued.udn.vn/>; lắp đặt các pano, băng rôn tại các sảnh của dãy phòng học trong toàn trường [H4.04.11.21]. Năm 2018, Nhà trường đã cử cán bộ tham gia lớp tập huấn nhằm nâng cao năng lực truyền thông cho các trường sư phạm tham gia ETEP; chia sẻ kinh nghiệm tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục cũng như quản trị khủng hoảng trong kỷ nguyên số, thực hiện hiệu quả Chương trình ETEP, góp phần vào sự thành công của chương trình [H4.04.11.22]. Với mục đích giúp CBGV, SV trong Trường biết và hiểu về chương trình phát triển các trường

sư phạm (ETEP) và triển khai hoạt động của chương trình ETEP của Nhà trường, ngày 10/10/2019 Trường đã tổ chức “Tọa đàm chuẩn giáo viên, chuẩn giảng viên sư phạm” nhằm giúp CBGV, SV tham gia góp ý và hiểu về chuẩn GV sư phạm [H4.04.11.23]; ngày 16/10/2018 Trường đã tổ chức Hội nghị, diễn đàn cho SV liên quan đến ETEP với hơn 300 SV tham dự; ngoài ra thông qua tuần sinh hoạt công dân học sinh – SV đầu năm, trường đã lồng ghép nội dung về “Giới thiệu chương trình ETEP” như là một nội dung học tập cho hơn 3.000 SV [H4.04.11.24]; Ngày 3/11/2018, Nhà trường cũng tổ chức Hội nghị, diễn đàn cho GV liên quan đến ETEP nhằm giúp CBGV trong Nhà trường hiểu rõ ý nghĩa, nội dung và mục đích của chương trình ETEP [H4.04.11.25].

Trường xây dựng một website riêng về tuyển sinh tại địa chỉ <http://tuyensinh.ued.udn.vn>. Website đăng tải thông tin về tuyển sinh đại học chính quy, Sau đại học, VLVH, bồi dưỡng ngắn hạn, tư vấn tuyển sinh... Người học trước khi vào Trường đã được cung cấp những thông tin đầy đủ về ngành học, chương trình học. Sau khi nhập học, thông qua tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa người học được Trường cung cấp các thông tin toàn diện về ngành học, chương trình học, chế độ chính sách.... Bên cạnh đó, người học được cung cấp tài khoản email và tài khoản truy cập hệ thống quản trị trường học. Tài khoản truy cập hệ thống quản trị trường học dùng để đăng kí môn học, theo dõi quá trình học, thông tin, thông báo, các khoản học phí... Tài khoản email là kênh thông tin liên lạc giữa các phòng, ban, tổ chức năng trong Nhà trường với người học, đồng thời là kênh liên lạc giữa giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập với người học. Người học được cung cấp thông tin qua nhiều kênh khác nhau (sinh hoạt chính trị hằng năm, GV chủ nhiệm - cố vấn học tập, website của Trường và các đơn vị chức năng, phần mềm quản trị trường học) đảm bảo người học biết và hiểu rõ về các quy định đào tạo, chế độ chính sách được thụ hưởng khi theo học tại Trường: <http://qlht.ued.udn.vn/>. Trường đã xây dựng lại Sổ tay SV (ctsv.ued.udn.vn/van-ban/so-tay-sinh-vien-86.html) và Quy định về GV chủ nhiệm - cố vấn học tập (ctsv.ued.udn.vn/van-ban-noi-bo/quy-dinh-ve-giang-vien-chu-nhiem-kiem-co-van-hoc-tap-107.html) nhằm cập nhật các thông tin đầy đủ và toàn diện trên địa chỉ (<http://ctsv.ued.udn.vn/>) [H4.04.11.26].

Tổ Công nghệ thông tin và Truyền thông tham mưu kế hoạch cho Nhà trường nhằm quảng bá trường bằng các hình thức thông tin truyền thông sáng tạo; Tổ phối hợp với các Phòng, Khoa xây dựng các video clip giới thiệu về Trường, ngành học nhằm chia sẻ và quảng bá thông tin chuẩn xác về Trường thông qua các kênh truyền

thông: website trường (ued.udn.vn), Youtube (UED-TV), Facebook (www.facebook.com/ueddn), ... [H4.04.11.27].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động thông tin, truyền thông được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị chuyên trách để thực hiện.

- Trường đã trang bị phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đảm bảo các thông tin được lưu trữ đồng bộ và thống nhất.

3. Điểm tồn tại

- Tạp chí Khoa học của Trường chưa thu hút được nhiều GV gửi bài.

- Trường chưa có phần mềm chống đạo văn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Xin giấy phép xuất bản Tạp chí Khoa học trực tuyến.	Tổ CNTT&TT	2019	2021
2		Giao chỉ tiêu viết bài gửi Tạp chí về cho các Khoa, lấy đó làm cơ sở để xếp loại danh hiệu thi đua.	Phòng KH&HTQT	2019	2021
3		Trang bị phần mềm chống đạo văn.	Phòng KH&HTQT	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục viết bài lên các website, xây dựng các video clip quảng bá về hình ảnh Nhà trường.	Tổ CNTT&TT	2019	2021
4		Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, website truyền thông.	Phòng KH &HTQT, Tổ CNTT&TT	2020	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 11	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.11.1				4			
Chỉ số 4.11.2					5		
Điểm TB của tiêu chí	4.5						

Tiêu chuẩn 5

MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

Tiêu chí 12. Môi trường sự phạm

1. Mô tả

Chỉ số 5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và Tầm nhìn 2030, căn cứ theo đó đã lập quy hoạch tổng thể 1:500 và đã được UBND TP. Đà Nẵng, Viện Quy hoạch xây dựng TP. Đà Nẵng phê duyệt năm 2015 [H5.05.12.01], cụ thể hóa bằng Kế hoạch định hướng quy hoạch phát triển CSVC Trường ĐHSP - ĐHDN đến 2025, Tầm nhìn đến 2030 [H5.05.12.2]. Các công trình xây dựng của Nhà trường đã thực hiện đều dựa trên định hướng của quy hoạch tổng thể 1:500 [H5.05.12.3: Sơ đồ trường ĐHSP].

Triết lí trong xây dựng quy hoạch của Nhà trường là lấy người học làm trung tâm, đảm bảo người học có được môi trường tốt nhất để học tập và nghiên cứu. Bên cạnh các phòng học lí thuyết, Nhà trường chú trọng xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ hoạt động học tập NCKH của SV và GV; xây dựng KTX cho SV, bố trí các phòng tự học và những vị trí nghỉ ngơi, giải trí cho SV sau những giờ học căng thẳng; xây dựng Nhà thi đấu đa năng, các sân thể dục, thể thao phục vụ cho các hoạt động phong trào của SV; phát triển hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hồ sen tạo điểm nhấn thiết kế cảnh quan, khu vực đọc sách thoáng mát... tạo không gian yên tĩnh cho người học học tập và nghỉ ngơi [H5.05.12.04].

Từ năm 2017 đến 2019, Nhà trường liên tục hoàn thành nhiều công trình xây dựng, cải tạo và nâng cấp phục vụ nhu cầu người học như: Nâng cấp cải tạo khu KTX cho SV quốc tế, xây dựng mới Nhà hoạt động đa năng, xây dựng nhà A6, xây dựng khu tự học nhà A6 [H5.05.12.05].

Hằng năm, thông qua hội nghị CBVC, hoạt động đối thoại với người học, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về CSVC, cảnh quan, môi trường dạy và học. Ý kiến phản hồi được giải đáp trực tiếp tại hội trường và trả lời bằng văn bản tổng hợp gửi đến các bên liên quan [H5.05.12.06]

Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

Hằng năm Nhà trường lập Kế hoạch mua sắm, cải tạo, sửa chữa trình ĐHDN phê duyệt đảm bảo phù hợp nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên [H5.05.12.07].

Trường thường xuyên cải tiến chất lượng cảnh quan, môi trường, công năng của các tòa nhà được sử dụng phù hợp với hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên như: đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, trải bê tông toàn bộ đường đi, sân trường, nâng cấp các bãi giữ xe, hoàn thiện hệ thống sân bãi thi đấu và tập luyện thể thao, nhà hoạt động đa năng phục vụ hoạt động ngoại khóa của người học, nâng cao chất lượng hoạt động của các căn tin đáp ứng nhu cầu người học [H5.05.12.08].

Cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt vệ sinh môi trường. Đồng thời vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường được bộ, phận phục vụ và các công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hằng ngày [H5.05.12.09].

Nhà trường luôn duy trì văn hóa học đường; công tác kiểm tra, đánh giá được Tổ Thanh tra - Pháp chế và ĐTN thực hiện tốt, nhằm đảm bảo môi trường sư phạm [H5.05.12.10]; có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn cho CBVC và người học trong khuôn viên Nhà trường. CBVC và người học của Nhà trường hoàn toàn yên tâm công tác và học tập [H5.05.12.11].

Nhà trường tổ chức đối thoại với SV về các hoạt động đào tạo, CTSV trong đó có nội dung về cảnh quan môi trường phục vụ cho hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí của SV [H5.05.12.12]. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát đối với SV về CSVC, cảnh quan, của Trường [H5.05.12.13]. Những ý kiến phản hồi của SV và GV cũng cho thấy một số tồn tại. Cụ thể như những dãy nhà cấp 4 hiện có của Nhà trường không còn ĐBCL cho hoạt động dạy và học, cần phải được xây dựng mới; Sân bóng đá lầy lội vào mùa mưa chưa đáp ứng nhu cầu người học. Trong các cuộc họp giao ban Thủ trưởng các đơn vị, Nghị quyết Đảng ủy Nhà trường hằng tháng đều có thông báo cho các đơn vị các hoạt động về CSVC đã thực hiện và thảo luận các vấn đề về cải tạo nâng cấp CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập. Trên cơ sở đó, Trường xây dựng kế hoạch và tìm nguồn kinh phí sửa chữa, nâng cấp và xây mới [H5.05.12.14].

2. Điểm mạnh

- Cảnh quan Nhà trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp và thường xuyên được tôn tạo; môi trường sư phạm thân thiện.
- Các điều kiện làm việc, dịch vụ căn tin khép kín, đảm bảo môi trường thuận tiện và an toàn cho CBVC và người học.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa đầu tư nâng cấp các dãy nhà cấp IV do nguồn kinh phí còn hạn hẹp.

- Khu vực sân vận động chưa được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu học tập và hoạt động ngoại khóa của SV

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đề án cải tạo, nâng cấp một số dãy nhà cấp IV	Phòng CSVC	2019	2022
2		Đầu tư nâng cấp CSVC khu vực sân vận động	Phòng CSVC	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Truyền thông nâng cao nhận thức cho CBVC và người học về việc xây dựng và giữ gìn môi trường sư phạm trong nhà trường	Phòng CSVC	2019	2020
4		Kí kết các hợp đồng với các đối tác có năng lực tốt để cung cấp các dịch vụ như căn tin, bảo vệ.	Phòng TCHC	2019	2020

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 12	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.12.1				4			
Chỉ số 5.12.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.00						

Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

1. Mô tả

Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường

Trường xây dựng Kế hoạch mua sắm, sửa chữa và xây dựng CSVC hằng năm và kí kết các hợp đồng bảo dưỡng thiết bị định kỳ như: điều hòa, thiết bị văn phòng, hệ thống điện nước, hệ thống máy chủ... [H5.05.13.01]

Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa định kì các thiết bị giảng đường, hội trường và phòng thí nghiệm; khoán kinh phí hoạt động cho các phòng thí nghiệm, giao quyền tự chủ về quản lí mua sắm vật tư hóa chất cho các Khoa đảm bảo sử dụng linh hoạt phù hợp nhu cầu của người học và hoạt động nghiên cứu của đơn vị [H5.05.13.02, H5.05.13.03].

Nhà trường luôn ưu tiên các nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển CSVC, tạo điều kiện tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lí. Các trang thiết bị được quản lí phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và NCKH; phù hợp với Tầm nhìn, Kế hoạch chiến lược. Trường đã đầu tư nhiều thiết bị phân tích chuyên sâu cho các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho hoạt động học tập và NCKH của SV và GV [H5.05.13.04]; thực hiện nâng cấp các giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm để phù hợp với hoạt động đào tạo, NCKH và để tiếp nhận thiết bị nghiên cứu mới [H5.05.13.05].

Người học và GV phản hồi về cơ sở hạ tầng cho lãnh đạo trường về điều kiện thí nghiệm thực hành thông qua hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan và sau đó dựa trên các phản hồi, Nhà trường xem xét để cải thiện chất lượng phục vụ [H5.05.13.06]

Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

Căn cứ nhiệm vụ hằng năm của Nhà trường, căn cứ kế hoạch đào tạo theo thời khóa biểu (<http://qlht.ued.udn.vn/>) phòng CSVC chuẩn bị các điều kiện CSVC phục vụ hoạt động đào tạo và bồi dưỡng bằng Kế hoạch mua sắm, sửa chữa CSVC và kế hoạch phục vụ tương ứng với từng hoạt động cụ thể [H5.05.13.07]

Phần lớn các thiết bị được quản lí theo phương thức dùng chung CSVC giữa các đơn vị trong Nhà trường và sử dụng chung CSVC trong ĐHĐN [H5.05.13.08]. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lí. Ngoài ra, phương thức quản lí tốt CSVC góp phần giúp 100% đề tài NCKH giáo dục và khoa học cơ bản được triển khai hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và chuyển giao cho các đơn vị [H5.05.13.09]. Đội ngũ kĩ sư phục vụ và giảng dạy thực hành được tạo điều kiện bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H5.05.13.10]. Các phòng thí nghiệm, thực hành có bảng thời khóa biểu, sổ theo dõi để đánh giá thiết bị sử dụng [H5.05.13.11]. Thư viện quản lí theo kiểu thư viện mở, có đủ giáo trình và bài giảng cho các môn học;

số lượng sách tham khảo đa dạng, phong phú, thường xuyên được cập nhật và có sự liên kết với các trung tâm học liệu trong và ngoài ĐHĐN [H5.05.13.12, H5.05.13.13]. Năm 2018, Nhà trường hoàn thành việc cải tạo mở rộng khu tự học tại tầng 1 nhà A6, phục vụ hoạt động tự học và làm việc nhóm của SV. Xây dựng nhà hoạt động đa năng với diện tích 1.200 m² mở ra văn phòng các câu lạc bộ đội nhóm, ĐTN, Hội Sinh viên (HSV) và không gian hoạt động kỹ năng cho người học [H5.05.13.14, H5.05.13.15].

Nhà trường hiện có tổng diện tích phòng học là 19.526 m², bao gồm 107 phòng học, đủ cho công tác đào tạo. Trong đó, có 10 giảng đường lớn có từ 100 - 150 chỗ ngồi, 01 giảng đường lớn 600 chỗ, 34 phòng thí nghiệm và thực hành; 01 thư viện với hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu riêng biệt [H5.05.13.16].

Tổng số máy tính toàn trường hiện có 712 máy, trong đó có 212 máy phục vụ công tác quản lý và văn phòng, 500 máy được trang bị tại 9 phòng được nối mạng và 1 phòng máy chủ. Nhà trường tiến hành định kỳ kiểm kê, đánh giá tình trạng và hiệu quả sử dụng thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, bảo trì thường xuyên. Hằng năm, Trường đều tổng kết đánh giá việc thực hiện đầu tư CSVC từ đó có định hướng điều chỉnh phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của Nhà trường [H5.05.13.17, H5.05.13.18].

Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt và ĐHĐN tổ chức đấu thầu các dự án thiết bị gồm: *Dự án tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu; Dự án thiết bị phương pháp giảng dạy; Dự án thiết bị thuộc chương trình mục tiêu các trường ĐHSP* gồm: thiết bị phục vụ đổi mới PPGD cho các khoa: Vật lý, Hóa học, Địa lý, Giáo dục Mầm non và thiết bị phục vụ giảng dạy dùng chung [H5.05.13.17, H5.05.13.19]. Năm 2018, Trường được Bộ GD&ĐT đầu tư Dự án *Tăng cường kỹ năng thực hành và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN* bao gồm cải tạo nâng cấp giảng đường A1 (20 tỷ đồng); năm 2019, được Bộ GD&ĐT đầu tư Dự án *Đầu tư tăng cường năng lực cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHSP - ĐHĐN* bao gồm nâng cấp giảng đường B3 (50 tỷ đồng) [H5.05.13.20].

Nhà trường đã lập quy hoạch tổng thể 1:500 và được UBND TP. Đà Nẵng, Viện Quy hoạch xây dựng TP. Đà Nẵng phê duyệt năm 2015. Từ đó đến nay, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT đầu tư các dự án như: *Nâng cấp và cải tạo KTX SV nhà III, công trình cải tạo nhà A, xây mới KTX nối nhà I và nhà II* và xây mới giảng đường nhà A6 [H5.05.13.21].

Năm 2017, Nhà trường quy hoạch và điều chỉnh công năng các tòa nhà phù hợp với chức năng và hướng đến mỗi tòa nhà phục vụ một công năng; từ đó tăng cường hiệu quả đầu tư và đồng bộ trong quản lý sử dụng CSVC.

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối internet được đầu tư nâng cấp hằng năm. Công tác quản lý cán bộ, quản lý công văn đến và đi, bảo hiểm xã hội đều được thực hiện trên phần mềm quản lý trực tuyến do ĐHĐN và cơ quan Bảo hiểm xã hội Đà Nẵng thiết lập và vận hành tại Trường. Công tác quản lý SV và đoàn viên trong các lĩnh vực như nội trú, ngoại trú, nhập học, khám sức khỏe, theo dõi học bổng... cũng được quản lý trên phần mềm này [H5.05.13.22, H5.05.13.23, H5.05.13.24]

Các trang thiết bị phòng học, phòng thí nghiệm thực hành được Nhà trường quản lý thông qua phần mềm quản lý công sản (<http://qlht.ued.udn.vn/quanly/taisan>) [H5.05.13.25]. Quản lý sử dụng các giảng đường, phòng máy thông qua phần mềm Quản lý đào tạo. GV có thể đăng nhập và lựa chọn phòng học, đăng kí hoặc hủy bỏ lịch học trên hệ thống trực tuyến [H5.05.13.24].

Hằng năm Nhà trường đều có báo cáo đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng theo biểu mẫu quản lý của Bộ Tài chính và ĐHĐN [H5.05.13.26]. Ngoài ra Trường còn thực hiện hoạt động khảo sát SV tốt nghiệp về điều kiện CSVC phục vụ học tập để có kế hoạch điều chỉnh vào năm sau [H5.05.13.27].

Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp

Căn cứ kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường tại các địa phương phòng CSVC chuẩn bị các điều kiện về phần cứng, phần mềm và nhân sự đáp ứng đầy đủ quy mô của từng hoạt động [H5.05.13.28].

Trường khuyến khích các GV xây dựng website học tập (E-learning) bằng việc thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường. Từ đó, chất lượng của các khóa học trực tuyến được nâng cao, điển hình như website của Khoa Sinh - Môi trường với chương trình hướng dẫn thực hành trực tuyến; website học tập, kiểm tra đánh giá, học tập trực tuyến sử dụng cho các lớp Đại học và Sau đại học [H5.05.13.29].

Từ năm 2015, Trường bắt đầu xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình thực tập vệ tinh và hệ thống các trường vệ tinh ở cả 4 cấp học từ mầm non đến THPT; các trường thực tập vệ tinh được Nhà trường xây dựng một phòng học có chức năng truyền thông tin, hình ảnh về Trường ĐHSP; giúp cho SV thực tập có thể rút kinh nghiệm

trong quá trình thực tập giảng dạy và nhà trường có thể quản lý tốt hoạt động thực tập của SV. Từ mô hình này, SV có điều kiện tốt nghiệp trước 6 tháng [H5.05.13.30].

Nhà trường đang tiến hành xây dựng đề án phòng dạy học phim trường ảo nhằm xây dựng các bài giảng trực tuyến đưa lên mạng với chất lượng tương đương các chương trình dạy học trên truyền hình.

Học liệu của Thư viện được quản lý và vận hành qua phần mềm quản lý thư viện. Các tài liệu nội sinh được số hóa và tham khảo trực tuyến. SV tra cứu và mượn sách trên hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến. Các nguồn học liệu liên kết với các thư viện lớn và các cơ sở dữ liệu học liệu lớn trong và ngoài ĐHĐN [H5.05.13.24, H5.05.13.31].

Trường cũng đã tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng của CSVC, các trang thiết bị của Nhà trường phục vụ hoạt động học tập và NCKH của GV và SV. Kết quả cho thấy đa số GV, SV hài lòng về các trang thiết bị của Nhà trường [H5.05.13.32]. Tuy nhiên, nhiều ý kiến đánh giá chất lượng các phòng học ở dãy nhà cấp 4 chưa ĐBCL, một số thiết bị quá cũ (gần 15 năm) hư hỏng nhưng không còn linh kiện thay thế trên thị trường nên vẫn chưa được sửa chữa.

Nhà trường khảo sát ý kiến SV về mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ của Thư viện. Đa số ý kiến GV và SV hài lòng về chất lượng phục vụ của Thư viện; tuy nhiên cũng có các ý kiến về việc diện tích của Thư viện còn nhỏ, các tài liệu ngoại văn chưa phong phú, cần bổ sung và cập nhật [H5.05.13.33].

Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả

Hệ thống CNTT của trường hằng năm được lập kế hoạch bảo trì nâng cấp nằm trong Kế hoạch mua sắm, sửa chữa của Nhà trường như: mua phần mềm an ninh mạng, hệ điều hành máy chủ, nâng cấp phần cứng, nâng cấp đường truyền để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng [H5.05.13.34]

Về hệ thống phần cứng, hằng năm Nhà trường đều đầu tư nâng cấp để đáp ứng nhu cầu sử dụng bằng các nguồn đầu tư dự án của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN và nguồn thu của Trường. Năm 2017, Nhà trường đã được phê duyệt kế hoạch đầu tư nâng cấp phòng máy chủ, hệ thống đường truyền, wifi phục vụ CTĐT trực tuyến [H5.05.13.25] [H5.05.13.35]. Riêng hệ thống mạng internet dù nâng cấp thường xuyên nhưng do số lượng truy cập đồng thời quá lớn và một số mạng cáp quang đã cũ nên đôi khi hệ thống gặp sự cố gián đoạn trong quá trình vận hành nhưng đã được khắc phục kịp thời.

Kết quả phản hồi từ hoạt động khảo sát các bên liên quan cho thấy hạ tầng CNTT của Nhà trường đã đáp ứng cơ bản nhu cầu đào tạo bồi dưỡng. Trên cơ sở đó Nhà trường có kế hoạch nâng cấp sửa chữa và xây dựng các dự án nâng cấp hạ tầng CNTT góp phần cải thiện năng lực của hệ thống [H5.05.13.36].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống LMS để thực hiện việc bồi dưỡng giáo viên phổ thông bằng hình thức trực tuyến.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống cáp quang và đường truyền đã hoạt động trên 10 năm, mức độ ổn định của hệ thống thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Định kì thực hiện các khảo sát ý kiến của người học và GV về sự đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Trường so với nhu cầu sử dụng hiệu quả của GV và người học	Phòng CSVC	2019	2021
2		Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT từ các dự án đầu tư của Bộ GD&ĐT và Chương trình ETEP	Phòng CSVC	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng triển khai hệ thống LMS cho hoạt động đào tạo của Nhà trường	Phòng CSVC	2019	2021
4		Đầu tư nguồn lực để phát triển phần mềm quản lí một cách hiệu quả	Phòng CSVC	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 13	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.13.1					5		
Chỉ số 5.13.2				4			
Chỉ số 5.13.3				4			
Chỉ số 5.13.4					5		

Tiêu chí 14. Nguồn tài chính**1. Mô tả:**

Chỉ số 5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường

Công tác lập kế hoạch tài chính của Trường trong những năm qua luôn được coi trọng và trở thành một bộ phận của việc hoạch định lộ trình trong chiến lược phát triển của Trường. Khi lập kế hoạch, Nhà trường dựa vào tình hình thực hiện các chỉ tiêu về tài chính năm trước, các chế độ, quy định, định mức tài chính do Bộ Tài chính ban hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN và Trường để xây dựng. Hằng năm vào đầu quý 3 và đầu quý 4, Phòng Kế hoạch - Tài chính tiến hành triển khai công tác lập dự toán tài chính cho năm tiếp theo và bảo vệ dự toán với cơ quan cấp trên theo đúng quy định.

Tài chính là nguồn lực cần thiết để duy trì và thực hiện các hoạt động của Nhà trường. Kế hoạch chiến lược, tự chủ tài chính của Nhà trường hướng đến mục tiêu phát triển hoạt động tài chính bền vững; được xây dựng trên cơ sở phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính giai đoạn 2020-2022 dựa trên *Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2010-2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP-ĐHĐN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2017-2020, Nhiệm vụ kế hoạch tài chính giai đoạn 03 năm 2018-2020 và 2019 -2021* và nhiệm vụ thu chi ngân sách hằng năm. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán phân bổ ngân sách nhằm đảm bảo chủ động nguồn kinh phí cho các hoạt động [H5.05.14.01].

Nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích; phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Hoạt động tài chính của Trường dựa trên các văn bản quy định của Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT [H5.05.14.02], *Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN* và *Phụ lục chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP* [H5.05.14.03]. Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn chính là Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp, ngoài ra còn có các nguồn thu từ một số hoạt động khác nhưng chiếm tỉ trọng không nhiều. Các nguồn thu tài chính của Trường bao gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Kế hoạch phân bổ kinh phí ngân sách được

Nhà nước cấp hằng năm thông qua quyết định giao dự toán thu chi ngân sách, bao gồm phục vụ cho hoạt động chi thường xuyên và NCKH [H5.05.14.04].

- Nguồn thu sự nghiệp: Chủ yếu là học phí từ 3 loại hình đào tạo: chính quy, VLVH và liên kết đào tạo giữa Trường với các cơ sở giáo dục ở các tỉnh, thành trong cả nước. Mức thu học phí không vượt quá các quy định của Nhà nước [H5.05.14.05].

- Nguồn thu khác: Từ các hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, đào tạo Tiếng Việt và chuyên ngành cho lưu học sinh Lào, Hàn Quốc, Trung Quốc... và một số hoạt động khác tạo nguồn thu cho Trường. Ngoài ra, Trường có các nguồn thu từ các hoạt động quan hệ và HTQT thông qua các chương trình tài trợ: *Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực khoa học phân tử và vật liệu theo định hướng nghiên cứu (MOMA)* của nhà tài trợ Chương trình Erasmus+, Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hóa, thuộc Ủy ban Châu Âu (Thông qua Đại học KU Leuven, Bỉ) với tổng kinh phí tài trợ cho Trường là 177.692,0 euro, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBGV của Trường, nâng cao nhận thức của học sinh ở vùng sâu vùng xa về vai trò của các ngành khoa học đối với sự phát triển kinh tế xã hội, mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho mục đích nghiên cứu và dạy học [H5.05.14.06].

Các khoản thu trên được thực hiện đúng với các văn bản quy định về tài chính theo sự phân cấp của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác, theo đúng dự toán [H5.05.14.07, H5.05.14.08].

Các nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng, đáp ứng các hoạt động của Trường và phục vụ tái đầu tư phát triển thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H5.05.14.09]. Tổng kinh phí các nguồn thu từ ngân sách Nhà nước, phí, lệ phí và nguồn thu khác tăng hằng năm [H5.05.14.10], thể hiện ở bảng số liệu sau:

TT	Loại hình	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng
A	Nguồn thu (I+II+III)	104,543,639,032	100,364,560,133	137,438,592,428	342,346,791,593
I	Thu ngân sách	38,114,695,000	34,484,634,000	42,594,000,000	115,193,329,000
II	Tổng thu phí, lệ phí	60,295,751,484	56,898,117,942	64,978,994,030	182,172,863,456
III	Tổng thu sự nghiệp khác	6,133,192,548	8,981,808,191	29,865,598,398	44,980,599,137
B	Tỷ lệ từng chỉ tiêu so với tổng nguồn thu				
I	Tỷ lệ NSNN cấp so với tổng thu	36%	33%	41%	110%
II	Tỷ lệ thu HP so với tổng thu	58%	54%	62%	174%
III	Tỷ lệ thu khác so với tổng thu	6%	9%	29%	43%

Tổng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH hằng năm, cụ thể: năm 2016 là 6,95 tỷ, năm 2017 là 5,31 tỉ, năm 2018 là 7,53 tỉ [H5.05.14.10].

Các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo bồi dưỡng, NCKH và CGCN của Trường tương thích và phù hợp với Sứ mạng và Kế hoạch chiến lược của Trường, các nguồn thu đều được rà soát đánh giá và được báo cáo tại Hội nghị CBVC toàn Trường hằng năm [H5.05.14.11]. Ngoài ra, các hoạt động tài chính của Trường cũng được đánh giá qua các hoạt động kiểm tra, kiểm toán hằng năm của ĐHĐN và Kiểm toán Nhà nước [H5.05.14.12].

Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường

Các nguồn thu của Trường được sử dụng, phân bổ hợp lý cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và HTQT. Nhà trường luôn có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau để đáp ứng có hiệu quả các hoạt động và tái đầu tư phát triển. Trường cũng tích cực khai thác các thế mạnh, tăng cường HTQT để tìm kiếm các nguồn tài trợ.

Bên cạnh các nguồn thu từ ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ, Nhà trường quan tâm tới lợi ích mang lại từ các hoạt động HTQT. Nguồn thu từ hoạt động HTQT của Trường được thể hiện ở cả ba mặt: tài chính, CSVC và các nguồn học bổng cấp cho GV và SV của Trường.

Trường thực hiện đào tạo SV quốc tế, từ đó tạo nguồn thu về cho Trường hoặc nhận tài trợ về tài chính từ các tổ chức, cá nhân quốc tế [H5.05.14.06].

Ngoài các nguồn thu tài chính, Nhà trường cũng được các tổ chức quốc tế đầu tư CSVC như Dự án MOMA mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho mục đích nghiên cứu và dạy học [H5.05.14.06].

Bên cạnh những lợi ích mang lại về CSVC, tài chính; thông qua hoạt động HTQT, SV và GV của Nhà trường cũng nhận được nhiều học bổng của các đối tác, các trường Đại học quốc tế để giao lưu, học tập, nghiên cứu tại nước ngoài và cũng nhận được tài trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế [H5.05.14.06].

Tỉ lệ nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và CGCN chưa nhiều so với tổng nguồn thu của Nhà trường. Do vậy chiến lược phát triển nguồn lực tài chính về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và CGCN đóng vai trò quan trọng để xây dựng và phát triển Nhà trường, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu; nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Trường, trong đó không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn,

nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đầu tư CSVC đáp ứng yêu cầu dạy và học và nhu cầu đầu tư phát triển [H5.05.14.09, H5.05.14.10, H5.05.14.11, H5.05.14.12, H5.05.14.13, H5.05.14.14].

2. Điểm mạnh

- Trường có kế hoạch chiến lược, tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính đa dạng và hợp pháp trong đó có các nguồn thu về hoạt động đào tạo bồi dưỡng, NCKH, CGCN, hoạt động quan hệ và HTQT đáp ứng được cơ bản các hoạt động thường xuyên của Trường.

- Các nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng đáp ứng các hoạt động của Trường và phục vụ tái đầu tư phát triển thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và CGCN.

3. Điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động HTQT, NCKH và CGCN chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách thu hút NCKH, CGCN và HTQT để tăng nguồn thu	Các khoa, P. ĐT, Phòng KH&HTQT	2019	2021
2		Kết hợp với ĐHDN tích cực mở rộng quan hệ HTQT, đào tạo lưu học sinh để tạo nguồn thu	Các khoa, P. ĐT, Phòng KH&HTQT	2019	2021
3		Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh–thuộc Trường để phát triển các lĩnh vực nghiên cứu nhằm đem lại nguồn thu cho Trường	Các khoa, P. Khoa học và HTQT	2019	2021
4	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng các đề án mở ngành đào tạo ngành chất lượng cao	Các khoa, P. Đào tạo	2019	2021
5		Mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chứng nhận thu hút SV quốc tế để tăng nguồn thu	Các khoa, P. Đào tạo, P. Khoa học và HTQT	2019	2021
6		- Mở được các lớp bồi dưỡng phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ	Các khoa, P. Đào tạo	2019	2021

		sở giáo dục phổ thông (côt cán và đại trà); - Mở được các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực GV QLGD và GV SP ở khu vực 6 tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 14.1			4				
Chỉ số 14.2			4				
Điểm tiêu chí:	4.0						

Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực

1. Mô tả

Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường

Trên cơ sở Sứ mạng Tầm nhìn, Trường xây dựng *Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2017 - 2022* và kế hoạch xây dựng phát triển đội ngũ hằng năm [H5.05.15.01, H5.05.15.02, H5.05.15.03]. Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Trường xây dựng Đề án Vị trí việc làm để xác định được nhu cầu đáp ứng về số lượng CBGV và nhân viên so với yêu cầu công việc [H5.05.15.04]. Qua đó, Trường thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ: tuyển mới GV trẻ và có năng lực đã được đào tạo Sau đại học tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước để trở thành cán bộ nguồn [H5.05.15.05]. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ; GV mới được tuyển dụng thể hiện định hướng và cam kết với Nhà trường bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn [H5.05.15.06].

Hằng năm, Trường đánh giá hiệu quả công việc của CBVC. Kết quả đánh giá, xếp loại này là cơ sở đề nghị các danh hiệu thi đua và xét mức độ hưởng mức lương tăng thêm [H5.05.15.07]. Đây là chính sách tạo ra sự cạnh tranh, phấn đấu của CBVC. Song song với việc đánh giá, xếp loại viên chức, Nhà trường cũng có chính sách khen thưởng đối với GV có thành tích cao trong NCKH, các GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ hoặc được công nhận chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư [H5.05.15.08, H5.05.15.09, H5.05.15.10]. Đồng thời, có hình thức xử lý cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ học tập và NCKH [H5.05.15.11]. Trường đã áp dụng Quy chế

nâng bậc lương trước thời hạn cho CBVC do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐN nhằm khuyến khích, động viên CBVC nỗ lực trong thực hiện các nhiệm vụ được giao [H5.05.15.12].

Nhà trường đã tổ chức rà soát ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn năm 2019 [H5.05.15.13]. Từ đó, Trường đã rà soát và điều chỉnh, ban hành *Quy định khen thưởng KHCN thường niên* theo hướng khuyến khích CBGV tăng cường các công bố khoa học trong và ngoài nước [H5.05.15.14, H5.05.15.15]; Ban hành *Quy trình tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp* [H5.05.15.16]; Góp ý quy định thi đua, khen thưởng của ĐHĐN [H5.05.15.17]; Xây dựng *Dự thảo Bộ chỉ số đánh giá xếp loại CBVC* nhằm phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường [H5.05.15.18].

Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc

Căn cứ vào Sứ mạng, Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ CBVC giai đoạn 2017-2022 [H5.05.15.19]. Cụ thể: đến năm 2020 Trường có 280 GV, trong đó:

- Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt trên 7% trong tổng số GV (25)
- Tỷ lệ Tiến sĩ đạt trên 40% trong tổng số GV (120)
- Tỷ lệ Thạc sĩ 100 %
- GV dưới 40 tuổi phải có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện để gửi đi đào tạo ở nước ngoài. GV tuyển dụng mới phải đảm bảo chuẩn ngoại ngữ B2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương
- 80% GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ sử dụng thành thạo 1 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác giảng dạy, quản lý

Từ Kế hoạch chiến lược, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị. Để nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển các nhà giáo dục xuất sắc, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ và cho phép các khoa đề xuất tuyển dụng đột xuất các cá nhân có trình độ cao [H5.05.15.20]. Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản và trên website của khoa, Trường, ĐHĐN và qua nhiều kênh truyền thông khác. Tất cả GV này đều trải qua kì thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn với sự cạnh tranh cao. Thông qua việc thực hiện các quy định và quy trình về tuyển dụng, Trường đã kịp thời bổ sung đội ngũ viên chức cho các đơn vị [H5.05.15.21].

Trường đã chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức, đáp ứng được vị trí việc làm của Trường. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát

triển đội ngũ, đặc biệt phát triển các nhà giáo xuất sắc, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới
- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt
- Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc
- Yêu nghề, gắn bó với Nhà trường

Hiện nay, Trường thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực theo Quy định tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp ban hành theo Quyết định số 1983/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc ĐHĐN đến trước năm 2019 và Nghị định 161 của Bộ Nội vụ từ năm 2019 đến nay; trong đó quy định rõ các nguyên tắc, hình thức và quy trình tuyển dụng [H5.05.15.22]. Ngoài ra, Nhà trường có chủ trương yêu cầu mỗi GV phải kí cam kết lộ trình đi học nghiên cứu sinh khi tuyển dụng.

Thực hiện đúng quy trình với các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch đã giúp cho Trường tuyển chọn được GV có chất lượng, từ đó Nhà trường có cơ sở phát triển được các nhà giáo dục xuất sắc.

Bên cạnh chính sách tuyển dụng, Nhà trường còn xây dựng kế hoạch sử dụng và phát triển chất lượng đội ngũ; quan tâm bồi dưỡng, ưu đãi đội ngũ cán bộ hiện có và chủ động xây dựng, phát triển đội ngũ kế cận bằng cách cử GV theo học các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời đề xuất với ĐHĐN, Bộ GD&ĐT cử các cán bộ GV đi đào tạo Tiến sĩ trong và ngoài nước bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau nhằm đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Trường [H5.05.15.23]. Trong những năm qua, Nhà trường đã hỗ trợ GV trẻ vay vốn ưu đãi không lãi suất [H5.05.15.24]; Hỗ trợ 50% học phí cho GV học Sau đại học nhằm khuyến khích GV tăng cường học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H5.05.15.25]. Tỷ lệ GV của Trường có trình độ Tiến sĩ tăng nhanh từ 32,2 % vào năm 2017 lên 41,73% vào năm 2019, dự kiến sẽ đạt 45% vào năm 2020. Đội ngũ này đã góp phần tích cực trong việc đổi mới PPGD, nâng cao năng lực NCKH và thực hiện biên soạn giáo trình [H5.05.15.26].

Song song với phát triển nguồn nhân lực, Trường đã có nhiều hình khuyến khích GV tăng cường hoạt động NCKH thông qua các quy định khen thưởng cho GV có công bố quốc tế [H5.05.15.27]; Giao chỉ tiêu viết bài tạp chí khoa học cho các khoa [H5.05.15.28]; Tổ chức seminar trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy với các Giáo sư [H5.05.15.29]. Ngoài ra, Trường cũng cử thành viên tham gia Chương trình ETEP để có điều kiện thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực đội ngũ GV của Nhà trường. Đây là một trong những cơ sở để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc. Bên

canh hoạt động chuyên môn tại Trường, một số GV được mời bồi dưỡng toán quốc tế, tham gia các dự án nghiên cứu liên quốc gia, qua đó GV vừa phát huy hết năng lực chuyên môn của bản thân vừa mang lại uy tín chuyên môn cho Nhà trường [H5.05.15.30, H5.05.15.31].

Năm 2019, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị rà soát vị trí việc làm để có cơ sở xây dựng Đề án VTVL vào tháng 12/2019 [H5.05.15.32].

Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng

Hiện nay, Nhà trường có chính sách trong việc tuyển chọn và sử dụng GV thỉnh giảng. Cụ thể, Nhà trường đã áp dụng Quyết định số 2823/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc ĐHĐN về *Quy định mời thỉnh giảng và quản lý công tác thỉnh giảng*, trong đó quy định rõ về tiêu chuẩn của GV thỉnh giảng, các quy trình hoạt động quản lý thỉnh giảng [H5.05.15.33].

Từ đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng kế hoạch mời GV thỉnh giảng, kí hợp đồng với các GV có năng lực tốt, phù hợp với yêu cầu, phân công giảng dạy, đánh giá theo đúng quy trình [H5.05.15.34]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho các khoa liên hệ và gửi thư mời GV thỉnh giảng và gửi các thông báo về việc nộp đề cương bài giảng, ra đề thi... Ngoài việc áp dụng các tiêu chuẩn theo quy định đối với GV thỉnh giảng, để ĐBCL Nhà trường còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm, trong đó có GV thỉnh giảng đồng thời ghi nhận các ý kiến phản hồi của người học trong các diễn đàn đối thoại giữa SV, học viên với lãnh đạo khoa. Những ý kiến này được Nhà trường xác định là kênh thông tin quan trọng trong việc xác định chất lượng của GV thỉnh giảng và làm căn cứ xem xét kí tiếp hoặc dừng hợp đồng với GV thỉnh giảng [H5.05.15.35].

Từ năm 2019, Trường đã rà soát, ban hành *Quy định về sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng tại Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN* nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng trong cơ chế sử dụng giảng viên thỉnh giảng [H5.05.15.36].

2. Điểm mạnh

- Trường có chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với Sứ mạng, Tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Trường.

- Trường có chiến lược và kế hoạch sử dụng đội ngũ hiệu quả thể hiện qua tỉ lệ tiến sĩ tăng nhanh từ năm 2017-2019.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa có chính sách thực sự hấp dẫn để thu hút được các nhà giáo dục xuất sắc, nhiều kinh nghiệm.

- Trường chưa có chính sách đặc biệt để phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh thuộc Trường về khoa học giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách đặc thù để thu hút được nhiều nhà giáo dục xuất sắc	P.TC-HC	2019	2021
2		Có chính sách bồi dưỡng và phát triển 01 nhóm nghiên cứu mạnh thuộc Trường về khoa học giáo dục có công bố quốc tế	P.KH&HTQT	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản, quy định về đánh giá xếp loại, khen thưởng và kỉ luật CBVC	P. TCHC	2019	2021
4		Xây dựng kế hoạch tuyển dụng có tính cạnh tranh và ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ.	P. TCHC	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 15	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.15.1					5		
Chỉ số 5.15.2				4			
Chỉ số 5.15.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.33						

Tiêu chuẩn 6
HỖ TRỢ DẠY HỌC

Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

1. Mô tả

Chỉ số 6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới

Trong những năm qua, Trường đã thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ sung vào đội ngũ nhiều GV có phẩm chất và năng lực tốt [H6.06.16.01]. GV được tuyển dụng và thực hiện chế độ tập sự theo quy định số 1983/ QĐ-ĐHĐN về việc tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H6.06.16.02]. Nhà trường ra quyết định cử GV có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn tập sự cho các GV mới [H6.06.16.03]. Trong thời gian tập sự, GV tập sự được hướng dẫn soạn bài giảng, tham gia giờ dạy của các GV có kinh nghiệm và thực hiện các tiết dạy có dự giờ của khoa, bộ môn, quá trình này giúp GV tập sự làm quen với hoạt động dạy học ở đại học [H6.06.16.04]. Sau thời gian tập sự, GV được Khoa, Tổ bộ môn đánh giá, góp ý về những điểm mạnh, điểm yếu, hạn chế trước khi đề nghị Trường công nhận hết tập sự [H6.06.16.05]. GV tập sự được kí hợp đồng làm việc, được hưởng 85% mức lương của vị trí việc làm được tuyển dụng. Các khoản phụ cấp khác được hưởng theo quy định của pháp luật, quy định của ĐHĐN và của Trường Đại học Sư phạm [H6.06.16.06].

Hằng năm, Trường cử GV tập sự tham dự các lớp nghiệp vụ sư phạm đại học nhằm giúp GV tập sự trang bị đầy đủ nghiệp vụ phục vụ giảng dạy ở bậc đại học. Các khoá học này trang bị cho GV tập sự khả năng sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, rèn luyện kỹ năng đứng lớp, đảm bảo hiệu quả của quá trình dạy học [H6.06.16.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích GV mới nâng cao năng lực ngoại ngữ và thường xuyên cung cấp thông tin về các học bổng học tập, nghiên cứu sau đại học tại các nước có nền giáo dục tiên tiến [H6.06.16.08]. Đối với GV mới được cử đi đào tạo sau đại học, ngoài chế độ quy định của Nhà nước và quy định của ĐHĐN, Nhà trường đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho GV trẻ vay vốn không tính lãi để phục vụ việc học tập nâng cao trình độ từ nguồn quỹ Công đoàn Trường; hỗ trợ 50% học phí khi học trong nước [H6.06.16.09, H6.06.16.10]. Kết quả, nhiều GV mới đã học xong chương trình Sau đại học ở nước ngoài, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trường [H6.06.16.11].

Năm 2019, Nhà trường đã xây dựng, tổ chức được nhiều hoạt động mới nhằm tăng cường hỗ trợ GV tập sự và GV mới. Cụ thể, Nhà trường đã tổ chức Tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giữa GV lâu năm với GV mới về PPGD, kiểm tra đánh giá...[H6.06.16.12]; tổ chức lớp bồi dưỡng về elearning cho GV mới nhằm tăng cường khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học [H6.06.16.13]; tổ chức các chương trình tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm của các giáo sư nhằm nâng cao năng lực NCKH cho GV [H6.06.16.14]; tạo điều kiện cho GV mới tham gia viết bài cho Hội nghị khoa học cán bộ trẻ các trường sư phạm toàn quốc; giao đề tài khởi nghiệp cho GV trẻ nghiên cứu (15 triệu/đề tài) [H6.06.16.15]. Các chính sách và hoạt động hỗ trợ GV tập sự và GV mới của Nhà trường đã phát huy hiệu quả tích cực, kết quả cho thấy tất cả các GV mới tuyển dụng đều hoàn thành tập sự đúng thời hạn [H6.06.16.16]. Các GV mới đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các đợt đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm [H6.06.16.17].

Qua rà soát, Nhà trường sẽ tổ chức tập huấn cho cán bộ trẻ lĩnh hội văn hóa Nhà trường, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT [H6.06.16.18], tổ chức lớp tập huấn về dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu cho GV mới vào tháng 12/2019 theo kế hoạch hoạt động được Ban Quản lý ETEP Trung ương phê duyệt [H6.06.16.19].

Chỉ số 6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện được vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả

Trường luôn khuyến khích GV thực hiện vai trò là người hướng dẫn hiệu quả. Hằng năm, Nhà trường tổ chức các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giữa GV lâu năm và GV mới nhằm chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, NCKH [H6.06.16.20]. Nhà trường cũng cử GV lâu năm hướng dẫn tập sự cho GV mới nhằm theo dõi, hướng dẫn GV mới tiếp cận với môi trường giáo dục đại học và các phương pháp mới [H6.06.16.21]. Bên cạnh hoạt động giảng dạy, GV còn đảm nhận vai trò cố vấn học tập cho người học. Cố vấn học tập có trách nhiệm thông tin đến người học các quy chế, quy định đào tạo hiện hành, tư vấn người học xây dựng kế hoạch học tập hợp lý. Để có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cố vấn học tập cho SV, từ đầu khóa, Nhà trường đã có quyết định cử GV làm công tác chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập [H6.06.16.22]. Hoạt động thực tế, thực tập giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành các kỹ năng thực hành và kiểm chứng kiến thức, vận dụng vào thực tế. Vì vậy, hằng năm Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho GV có kinh nghiệm hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế chuyên môn [H6.06.16.23]. Đặc biệt, với mô hình thực tập sư phạm vệ tinh, GV đã

giúp SV sớm làm quen với hoạt động giáo dục phổ thông và nâng cao năng lực giảng dạy, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Nhờ vào hiệu quả của hoạt động cố vấn học tập nên số lượng SV tốt nghiệp đạt loại khá giỏi ngày càng chiếm tỉ lệ cao [H6.06.16.24]. Quyền lợi của GV làm nhiệm vụ cố vấn học tập cũng được đảm bảo và quy định rõ trong quy chế, cụ thể: GV làm nhiệm vụ cố vấn học tập được tính số tiết tương ứng với 45 tiết/năm học [H6.06.16.25]. Hoạt động hướng dẫn SV NCKH cũng được chú trọng. Từ đầu năm học, Nhà trường giao nhiệm vụ hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH, luận văn tốt nghiệp [H6.06.16.26]. GV tư vấn đề tài, hướng dẫn SV tiếp cận với hoạt động nghiên cứu. Nhờ đó, kết quả NCKH của SV trong những năm qua đạt nhiều thành tích [H6.06.16.27]. Cụ thể: năm 2019 có 110 đề tài NCKH được báo cáo tại Hội nghị SV NCKH cấp Khoa; 02 đề tài được gửi tham dự giải thưởng SV NCKH cấp Bộ; 24 đề tài liên quan đến thành phố Đà Nẵng được chọn gửi tham gia giải thưởng SV NCKH cấp TP. Đà Nẵng.

Trong những năm qua, Nhà trường thường xuyên tổ chức Hội nghị giao ban giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập; Hội nghị tổng kết công tác thực tế, thực tập; Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV... nhằm đánh giá lại những kết quả đã đạt được đồng thời rút kinh nghiệm, đề xuất những giải pháp mới nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện [H6.06.16.28, H6.06.16.29, H6.06.16.30]. Năm 2019, Trường đã ban hành quy định khen thưởng hoạt động NCKH và tổ chức tặng thưởng cho các GV hướng dẫn SV NCKH đạt giải cấp Bộ [H6.06.16.31]. Những hoạt động này đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc khuyến khích GV thực hiện được vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

Chỉ số 6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn với thực tế trong các trường phổ thông

Công tác phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giảng dạy gắn với thực tế các trường phổ thông được lãnh đạo Trường chú trọng trong suốt những năm qua. Năm 2017, thực hiện kế hoạch hành động được đặt ra trong báo cáo phát triển năng lực Nhà trường theo Bộ chỉ số TEIDI, Trường đã xây dựng và ban hành *Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2017 - 2022* làm nền tảng công tác phát triển đội ngũ [H6.06.16.32].

Từ năm học 2018 - 2019, Trường đã cử 06 đoàn CBGV tham dự *Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục; Tập*

huấn phát triển năng lực cho GVSP và GVQLGDCC; Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục; Hội thảo về bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC; Tập huấn về Giáo dục STEM trong giáo dục trung học; Hội thảo về phát triển và sử dụng tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC; Tập huấn Giảng viên sư phạm và Giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt với tổng cộng 111 CBGV tham gia; Tổ chức cho 100 giảng viên tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông mới và chương trình môn học theo đơn vị khoa, do các chủ biên từng môn học báo cáo [H6.06.16.33]. Mô hình thực tập sư phạm vệ tinh được Trường áp dụng và khuyến khích GV tham gia dự giờ tiết dạy của giáo viên phổ thông cũng như thực hiện các tiết dạy tại các trường phổ thông giúp GV có điều kiện tìm hiểu, trao đổi hoạt động chuyên môn với các giáo viên phổ thông. Việc thực tập theo hình thức trường thực hành vệ tinh giúp SV sớm được trải nghiệm thực tế về môi trường giáo dục phổ thông [H6.06.16.34]. Đồng thời, qua hoạt động này GV bộ môn phương pháp tham gia hướng dẫn kiến tập và thực tập sư phạm được tiếp xúc thực tế với các vấn đề giáo dục phổ thông, tuy nhiên số lượng GV được tiếp cận với trường phổ thông vẫn còn hạn chế, chủ yếu là GV phương pháp. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động tư vấn, nghiên cứu, hoạt động giáo dục theo mô hình STEM tại các trường phổ thông [H6.06.16.35]. Hoạt động tăng cường năng lực ứng dụng CNTT của GV trong giảng dạy được Nhà trường quan tâm. Trường đã tổ chức *Tập huấn elearning cho giảng viên mới* nhằm tạo tiền đề cho hoạt động dạy học trực tuyến [H6.06.16.36].

Để rà soát, điều chỉnh kịp thời các chính sách, kế hoạch hoạt động của Nhà trường, cuối các đợt thực tập sư phạm Trường đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác thực tập, đây là cơ hội để Nhà trường tiếp thu những yêu cầu về đổi mới giáo dục phổ thông từ đó có những điều chỉnh trong việc thực hiện chương trình và bồi dưỡng cán bộ, GV một cách phù hợp [H6.06.16.37]. Quy định hỗ trợ GV tham dự Hội nghị, Hội thảo cũng được Trường rà soát, thay đổi theo hướng khuyến khích GV tăng cường năng lực chuyên môn [H6.06.16.38]. Đồng thời, Nhà trường cũng có chế tài xử lý đối với các cá nhân không thực hiện đúng cam kết đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.16.39].

Chỉ số 6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên

Trường đặc biệt chú trọng đổi mới PPGD và hỗ trợ GV sử dụng hiệu quả các PPGD thích hợp thông qua việc đầu tư CSVC, xây dựng các chương trình, kế hoạch

bồi dưỡng, tập huấn nhằm phát huy năng lực của GV, tạo môi trường tiếp cận, thực hành các phương pháp mới [H6.06.16.40]. Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Trường đầu tư CSVC như: Các phòng học được trang bị máy chiếu, màn hình tivi, mạng wifi, trang thiết bị dạy học trực quan phục vụ hoạt động đổi mới PPGD của GV, định kỳ Trường tiến hành kiểm kê đánh giá khấu hao tài sản, lập dự trù mua sắm, sửa chữa, thay thế [H6.06.16.41].

Trường đã tổ chức và cử GV tham gia các lớp tập huấn về đổi mới dạy học như: *Tập huấn về elearning cho giảng viên mới năm 2018; Tập huấn về Giáo dục STEM trong giáo dục trung học năm 2019...* Bên cạnh đó, năm 2018 Nhà trường đã tổ chức Hội nghị PPGD vật lí cấp quốc gia nhằm tạo điều kiện cho GV tiếp cận với các phương pháp mới. Đối với các chương trình bồi dưỡng, Nhà trường đặc biệt chú trọng phương pháp đào tạo, kiểm tra, đánh giá trực tuyến. Năm 2018, Nhà trường tổ chức bồi dưỡng nâng hạng chức danh nghề nghiệp cho hơn 15.000 giáo viên ở các địa phương bằng hai hình thức trực tiếp và trực tuyến; sau mỗi khóa học, học viên nộp bài thi và đánh giá GV bằng hệ thống trực tuyến [H6.06.16.42]. Hệ thống này giúp học viên có thể học ở mọi nơi với số lượng lớn, thời gian linh hoạt và tiết kiệm chi phí. Nhà trường đã được học viên đánh cao về tính hiệu quả của hệ thống bồi dưỡng trực tuyến. Năm 2019, Trường tổ chức bồi dưỡng cho 2.485 giáo viên phổ thông cốt cán tại Đà Nẵng và 5 tỉnh Tây Nguyên. Qua đợt bồi dưỡng, giáo viên phổ thông cốt cán đã có nhiều phản hồi tích cực, tán dương chương trình bồi dưỡng, đặc biệt là các phương pháp mới mà GV đã sử dụng.

Trường đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của GV, qua đó giúp Trường đánh giá hiệu quả sử dụng các PPGD của GV và giúp GV điều chỉnh PPGD đạt hiệu quả [H6.06.16.43]. Tháng 12/2019, Nhà trường sẽ tổ chức *Tập huấn về dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu cho giảng viên mới* [H6.06.16.44].

Chỉ số 6.16.5. Trường cung cấp các cơ hội chuyên nghiệp hoá đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm

GV được Nhà trường hỗ trợ trong việc phát triển chuyên môn, được tạo cơ hội để chuyên nghiệp hoá nghề nghiệp và tham gia vào các vấn đề giáo dục, xã hội. Nhà trường có chính sách phát triển đội ngũ hợp lí, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường [H6.06.16.45, H6.06.16.46]. Hằng năm, Nhà trường cử cán bộ, giảng viên

đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn giúp đội ngũ GV trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu, dạy học [H6.06.16.47].

Từ năm 2017 – 2019, Nhà trường đã tổ chức và cử CBGV tham gia nhiều khóa bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm. Cụ thể, Trường cử CBQL tham gia các lớp *Tập huấn về tăng cường năng lực quản lý tài chính, cơ sở vật chất và phát triển đội ngũ* (theo dự án FCB) [H6.06.16.48]; *Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục*; *Tập huấn phát triển năng lực cho GVSP và GVQLGDCC*; *Hội thảo về bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC*; *Tập huấn Giảng viên sư phạm và Giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt*. Cử GVSPCC tham gia *Tập huấn về Giáo dục STEM trong giáo dục trung học*; *Hội thảo về phát triển và sử dụng tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPTCC*.

Năm 2018, Nhà trường đã rà soát các điều kiện đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp hóa đội ngũ GV, đáp ứng các yêu cầu đặc biệt và các cơ hội tiếp cận các vấn đề của xã hội. Qua đó, Trường đã tổ chức tập huấn về elearning cho GV trẻ; tập huấn CBGV sử dụng hệ thống phần mềm quản trị; ứng dụng phần mềm quản trị văn thư điện tử nhằm giúp CBGV nắm được các văn bản chỉ đạo, định hướng và chính sách, quyết sách của Nhà trường hiệu quả nhất [H6.06.16.49, H6.06.16.50]. Ngoài ra, Trường cũng khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để CBGV tham gia các chương trình tập huấn về khởi nghiệp; Olympic Toán học quốc tế; tư vấn phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em; chống định kiến giới và bất bình đẳng giới [H6.06.16.51]. Qua các hoạt động này, GV trẻ của nhà trường được có cơ hội trải nghiệm, tập huấn và hỗ trợ các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Trường cũng đã rà soát các chính sách khuyến khích NCKH, giao các đề tài về khởi nghiệp với nguồn kinh phí 15 triệu/đề tài cho các GV mới [H6.06.16.52]. Cuối năm 2019, Trường sẽ tổ chức tập huấn cho GV về phương pháp dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu (biến đổi khí hậu, phát triển bền vững...) [H6.06.16.53].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Nhà trường đặc biệt quan tâm tới các GV mới, GV tập sự, đã thành lập quỹ hỗ trợ GV trẻ, có chính sách hỗ trợ GV mới NCKH qua các đề tài khởi nghiệp.

- Nhà trường tổ chức và cử GV tham gia khoá bồi dưỡng, hội thảo nhằm tăng cường năng lực chuyên môn, NCKH.

3. Tồn tại

Một số GV ngoài chuyên ngành PPGD chưa có nhiều điều kiện tiếp cận với nhà trường phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với các cơ sở GD&ĐT phổ thông tổ chức các hoạt động nhằm giúp cho GV ngoài chuyên ngành PPGD có nhiều cơ hội tiếp cận với nhà trường phổ thông	P. TC-HC P. Đào tạo	2020	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng nguồn quỹ hỗ trợ GV tập sự, GV mới.	P. KH-TC	2020	2022
3		Thường xuyên tổ chức, tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và hội thảo khoa học.	P. TCHC	2020	2022

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 16	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.16.1					5		
Chỉ số 6.16.2					5		
Chỉ số 6.16.3					5		
Chỉ số 6.16.4					5		
Chỉ số 6.16.5				4			
Điểm TB của tiêu chí	4,80						

Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên

1. Mô tả

Chỉ số 6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch

Hoạt động đánh giá GV được Nhà trường xác định là nhiệm vụ then chốt trong phát triển đội ngũ giai đoạn hiện nay. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo [H6.06.17.01].

Nhà trường đánh giá GV thông qua nhiều nguồn thông tin: Đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tổ chức các tiết dạy có dự giờ chuyên môn đối với GV tập sự và GV mới; khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học của GV và đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức hằng năm. Kết quả đánh giá được phản hồi trực tiếp đến GV, là căn cứ giúp GV có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo tại Trường nói chung. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được thông báo đến từng GV và cán bộ quản lý các cấp cũng đảm bảo tính công khai và minh bạch của hoạt động đánh giá [H6.06.17.02].

Việc sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau giúp đánh giá năng lực GV một cách chính xác. Kết quả đánh giá trong những năm qua phản ánh đúng năng lực của GV, nên được dùng làm căn cứ để điều chỉnh hoạt động dạy học, nâng cao chuyên môn của GV phù hợp. Các hoạt động đánh giá GV được tiến hành công khai trong toàn Trường, kế hoạch và kết quả đánh giá xếp loại CBVC được thông báo rộng rãi đến toàn bộ viên chức, đảm bảo tính minh bạch và công khai [H6.06.17.03].

Đối với các GV mới được tuyển dụng, Trường yêu cầu cam kết lộ trình học tập nhằm tăng cường đội ngũ theo đúng tiến độ đã vạch ra trong kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2017 - 2022 [H6.06.17.04]. Sau mỗi năm học, Nhà trường rà soát việc thực hiện cam kết và có chế tài xử lý đối với GV vi phạm [H6.06.17.05].

Các quy định, nội dung, hình thức đánh giá GV được Nhà trường công khai rộng rãi trong toàn bộ CBVC; các hoạt động đánh giá được thực hiện công khai, đảm bảo

tính minh bạch và công bằng. Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã tiến hành cho đăng kí các danh hiệu thi đua, công khai tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá và hướng dẫn công tác đánh giá, xếp loại CBVC vào tháng 6 hằng năm [H6.06.17.06]. Theo đó, CBGV giữ nhiệm vụ quản lí được đánh giá với các tiêu chí mang tính chất đặc thù công việc đảm bảo tính chính xác của các kết quả đánh giá; GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác [H6.06.17.07]. Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại [H6.06.17.08]. Kết quả đánh giá, xếp loại chính thức được công khai cho tất cả CBVC Trường thông qua văn thư điện tử [H6.06.17.09]. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn một cách phù hợp, giúp GV hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng [H6.06.17.10]. Tuy nhiên, Trường cũng nhận thấy hệ thống chưa đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá và chưa đánh giá được toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích đến sự phát triển năng lực và hiệu quả làm việc của GV.

Năm học 2018 - 2019, Trường đã góp ý cho ĐHĐN để rà soát, cập nhật, ban hành hướng dẫn đánh giá xếp loại CBVC và thi đua khen thưởng phù hợp với điều kiện hiện nay [H6.06.17.11]. Đồng thời, Nhà trường đã chủ trương tổ chức rà soát và nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá cán bộ GV theo năng lực thực hiện công việc giúp đánh giá chính xác năng lực, mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ GV. Cụ thể, năm 2018 Nhà trường tổ chức Tập huấn về xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực hoàn thành nhiệm vụ theo KPIs [H6.06.17.12]; Năm 2019, Trường đã xây dựng dự thảo bộ chỉ số và dự kiến áp dụng vào năm 2020 [H6.06.17.13]. Đó cũng là tiền đề để xây dựng công cụ, cơ chế theo dõi sự cải tiến chất lượng liên quan đến các kết quả đánh giá.

Chỉ số 6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Trường có quy định rõ ràng về nhiệm vụ của GV trong các hoạt động giảng dạy và NCKH [H6.06.17.14]. Nhà trường tiến hành đánh giá và xếp loại CBVC hằng năm. Tùy theo hiệu quả các công việc được giao mà GV được đánh giá và xếp loại từ “không hoàn thành nhiệm vụ” đến “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H6.06.17.15]. Trong quy định hướng dẫn đánh giá xếp loại CBVC và người lao động, khối lượng giờ giảng và NCKH được tính điểm khi xét lương tăng thêm như là một cơ chế để khuyến

khích GV hoàn thành trách nhiệm giảng dạy và NCKH với chất lượng cao [H6.06.17.16].

Để khuyến khích việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, Nhà trường quy định khối lượng giờ chuẩn dành cho GV toàn Trường trong một năm. Những GV đạt đủ số lượng giờ chuẩn sẽ được nhận phụ cấp ưu đãi bằng 40% tiền lương. Phần giờ giảng vượt định mức giờ chuẩn cũng được Nhà trường thanh toán với mức chi là 70.000 đồng/ 01 tiết giảng [H6.06.17.17]. Từ học kì 2 năm học 2017-2018, Trường đã rà soát, điều chỉnh tăng mức chi thanh toán giờ giảng vượt định mức giờ chuẩn từ 70.000 đồng lên 80.000 đồng/01 tiết giảng [H6.06.17.18].

NCKH là một nội dung được Nhà trường chú trọng đầu tư, khuyến khích. Nhà trường quy định GV phải có giờ NCKH định mức quy đổi ứng với 600 giờ/ năm. Việc GV thực hiện đủ định mức NCKH là một trong những tiêu chí đánh giá và xếp loại viên chức hằng năm. Nhà trường đã ban hành Quy định về khen thưởng hoạt động KHCN thường niên từ năm 2017; làm căn cứ để tuyên dương, khen thưởng GV đạt thành tích cao trong hướng dẫn SV NCKH hoặc có nhiều công bố quốc tế [H6.06.17.19, H6.06.17.20].

Năm 2019, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh quy định khen thưởng hoạt động KHCN theo hướng tăng mức thưởng và khen đột xuất nhằm động viên, khuyến khích kịp thời các cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu [H6.06.17.21]. Hằng năm, Nhà trường xét tăng lương trước thời hạn cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ [H6.06.17.22]; GV bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ hoặc được phong hàm Phó giáo sư, Giáo sư cũng được tuyên dương và trao thưởng [H6.06.17.23, H6.06.17.24]. Các chính sách về đánh giá, công nhận năng lực của GV thường xuyên được rà soát và điều chỉnh [H6.06.17.25]. Việc đánh giá ận năng lực không chỉ nhằm mục đích xếp loại GV mà còn mang tính ghi nhận, để GV không ngừng hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và NCKH; từ đó góp phần nâng cao chất lượng và vị thế của Nhà trường [H6.06.17.26].

2. Điểm mạnh

- Quy định đánh giá, xếp loại GV thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện.
- Trường có chính sách đánh giá và công nhận GV có năng lực tham gia các công việc giảng dạy và NCKH, tạo động lực thu hút GV tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa có hệ thống đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá.
- Trường chưa tiến hành đánh giá toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích đến sự phát triển năng lực và hiệu quả làm việc của GV.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá.	P. TC-HC	2019	2021
2		Tiến hành đánh giá toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích đến sự phát triển năng lực và hiệu quả làm việc của GV.	P. TC-HC	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng công cụ đánh giá mới phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia.	P. TC-HC	2019	2021
4		Đa dạng các hình thức khen thưởng để GV tích cực tham gia giảng dạy và NCKH	P. TC-HC	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 17	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.17.1					5		
Chỉ số 6.17.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.50						

Tiêu chuẩn 7 **HỖ TRỢ HỌC TẬP**

Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học

1. Mô tả

Chỉ số 7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch

Hàng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GD & ĐT, các chính sách tuyển sinh đều hướng tới thực hiện Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, hoạt động tư vấn tuyển sinh tập trung chủ yếu tại các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Trường xây dựng, công bố đề án tuyển sinh và thực hiện đúng theo đề án, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Bộ GD&ĐT về chỉ tiêu, ngành học cũng như các chế độ ưu tiên. Ngoài ra, Trường còn xây dựng các chính sách hỗ trợ cho tân SV như tặng học bổng cho tân SV điểm cao (từ 27 điểm trở lên), miễn phí nội trú, giới thiệu học bổng [H7.07.18.01].

Trường xây dựng website riêng về tuyển sinh. Các thông tin tuyển sinh Sau đại học, Đại học, VLVH, bồi dưỡng ngắn hạn đều được công khai trên website để người học có thể dễ dàng tìm hiểu. Trường cử cán bộ thường xuyên trực và tư vấn trực tuyến cũng như qua điện thoại cho người học có nhu cầu. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tư vấn tuyển sinh chi tiết, trong đó phân công, phân nhiệm cho các đơn vị một cách rõ ràng, thuận lợi cho triển khai. Trường tổ chức các đoàn tư vấn về các trường trung học phổ thông để giới thiệu, quảng bá và tư vấn trực tiếp cho thí sinh [H7.07.18.02].

Kết quả tuyển sinh được xét và công nhận dựa trên phần mềm chung của Bộ GD&ĐT đảm bảo công bằng, minh bạch. Danh sách thí sinh trúng tuyển được công bố rộng rãi trên hệ thống website của ĐHQĐN (ts.udn.vn) và các trang điện tử của Trường. Năm 2018, Trường tổ chức cải tiến website tuyển sinh và các trang thông tin khác của các đơn vị trực thuộc, hướng tới cung cấp đầy đủ các thông tin về tuyển sinh, chuẩn đầu ra, ngành đào tạo [H7.07.18.03].

Bắt đầu từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá về công tác tuyển sinh; qua đó nhìn nhận, đánh giá những mặt được và chưa được của công tác tuyển sinh; từ đó đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục và cải tiến công tác tuyển

sinh đạt hiệu quả cao hơn trong các năm sau [H7.07.18.04].

Chỉ số 7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận

Các thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình môn học và cách thức tổ chức được đăng tải trên website tuyển sinh, website của phòng Đào tạo và các trang thông tin khác của trường giúp người học dễ dàng tra cứu [H7.07.18.07].

Đối với SV, các thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình môn học và cách thức tổ chức được cung cấp đầy đủ cho người học ngay từ những ngày đầu nhập học thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Trường, chương trình giao lưu gặp gỡ tân SV của các khoa, đề cương môn học và trong sổ tay SV, đảm bảo SV có nhiều nguồn tiếp cận, đầy đủ và rõ ràng [H7.07.18.05].

Đối với học viên Sau đại học và hệ Vừa làm vừa học, các thông tin về lộ trình, chương trình, nội dung, hình thức đào tạo được cung cấp cho người học trong ngày khai giảng khóa học và thông qua cán bộ phụ trách [H7.07.18.06].

Đối với chương trình bồi dưỡng, thông tin về nội dung, hình thức bồi dưỡng được thông báo rõ trong thông báo chiêu sinh, mở lớp và thông qua các đơn vị liên kết đào tạo [H7.07.18.08].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về việc cung cấp thông tin, thông báo của các đơn vị trực thuộc. Kết quả khảo sát được chú trọng, tiếp thu và cải tiến phù hợp đáp ứng yêu cầu của người học [H7.07.18.09].

Chỉ số 7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài

Người học có vấn đề khó khăn trong học tập/ chậm tiến bộ; người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài là đối tượng luôn được nhà Trường quan tâm, chăm sóc. Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách dành cho người học, không có trường hợp bị sai sót. Đối với SV khuyết tật theo học tại Trường thì lớp học tập luôn được ưu tiên bố trí phù hợp với điều kiện học tập của SV đó, ngoài ra các em còn được ưu tiên ở nội trú trong KTX Nhà trường. SV là người nước ngoài được bố trí ở nội trú KTX nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong thời gian theo học; phòng ở của SV nước ngoài cũng được ưu tiên về trang thiết bị đầy đủ, hiện đại hơn, số lượng người ở trong phòng ít hơn [H7.07.18.10]

Những SV có hoàn cảnh khó khăn được Nhà trường và các tổ chức Đoàn thể

quan tâm, hỗ trợ như: giới thiệu việc làm thêm, dự xét và nhận các học bổng ngoài ngân sách (năm học 2017 - 2018: 1,6 tỉ đồng; năm học 2018 - 2019: 2 tỉ đồng) giúp cho nhiều SV có hoàn cảnh khó khăn yên tâm theo học. Trường cũng tiến hành thu học phí thành nhiều đợt trong học kì nhằm tạo điều kiện cho SV khó khăn có thể hoàn thành quy định về đóng học phí. Để hỗ trợ thêm điều kiện học tập cho SV, Nhà trường đã ủy quyền cho Phòng Công tác SV thực hiện thường xuyên công tác làm thủ tục xác nhận vay vốn tín dụng giáo dục, đảm bảo 100% SV thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại Trường [H7.07.18.11] .

SV học chậm tiến độ được Giáo viên chủ nhiệm (Cố vấn học tập) tiếp tục theo dõi và tư vấn về lộ trình học tập; được tạo điều kiện học tập và hoàn thành khóa học thông qua các chính sách của Nhà trường như: mở lớp ít SV, tổ chức học kì hè, xét tốt nghiệp nhiều đợt trong năm. Các chính sách này giúp cho SV có thêm cơ hội hoàn thành khóa học và tốt nghiệp sớm nhất có thể [H7.07.18.12].

Định kì mỗi học kỳ một lần, Nhà trường tổ chức các buổi tiếp xúc với đại diện SV các lớp, các chi đoàn để lắng nghe ý kiến của SV; từ đó có những biện pháp điều chỉnh thích hợp nhằm tìm ra các biện pháp hỗ trợ tốt hơn cho SV [H7.07.18.13].

Chỉ số 7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước

Nhằm hỗ trợ cho người học có điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao trình độ đào tạo, học đồng thời 02 CTĐT, Nhà trường đã xây dựng các quy định về việc chuyển đổi và công nhận tín chỉ các ngành có đào tạo liên thông, chương trình 2 của Trường. Người học chương trình liên thông được giảm bớt khối lượng tín chỉ các môn đã học ở bậc học thấp hơn; đối với SV học chương trình 2 tại trường hoặc các cơ sở giáo dục thành viên của ĐHQĐN được công nhận các tín chỉ có cùng mã học phần hoặc có trong danh mục học phần tương đương, thay thế [H7.18.04.14].

Các thông tin về ngành học, chương trình học, sự liên thông giữa các môn học, môn học tiên quyết, bắt buộc và tự chọn được cung cấp đầy đủ cho SV ngay từ ngày đầu nhập học; đồng thời SV còn thường xuyên được tư vấn bởi Cố vấn học tập và các đơn vị chức năng trong Nhà trường. SV còn có thể tìm kiếm các thông tin này trên các trang thông tin của Nhà trường. Trường đã làm tốt công tác này thể hiện qua: số lượng SV đăng kí học chương trình 2 tại trường ngày càng tăng, năm 2019 có hơn 20 SV tốt nghiệp cùng lúc 02 chương trình [H7.18.04.15] .

Chỉ số 7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa

chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học

Ngoài việc cung cấp đầy đủ các văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến kế hoạch học tập và đăng kí tín chỉ thông qua hệ thống thông tin của nhà trường (website phòng Đào tạo, website Phòng CTSV và facebook của Trường), các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa và các buổi đối thoại với SV hằng kì, Nhà trường còn bố trí mỗi lớp sinh hoạt của SV có một GV chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập. Cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn và cùng xây dựng lộ trình học tập cho SV; hướng dẫn SV đăng kí tín chỉ, lựa chọn các học phần bắt buộc, học phần tiên quyết và các học phần tự chọn. Trường đã xây dựng và hoàn thiện website dành cho sinh viên tại địa chỉ <http://ctsv.ued.udn.vn> và Sổ tay sinh viên để SV dễ dàng tiếp cận các thông tin, quy định có liên quan đến SV. Những việc làm này đã giúp cho SV của Trường hoàn thành tốt công việc đăng kí tín chỉ và học tập của mình. Tỷ lệ SV tốt nghiệp trước hạn ngày càng tăng, số lượng SV tốt nghiệp muộn chiếm tỉ lệ thấp [H7.07.18.16].

Thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa và các hoạt động phong trào đoàn thể, Nhà trường luôn mời các chuyên gia về tham gia chia sẻ, hướng dẫn và tạo động lực cho SV trong vấn đề hướng nghiệp, khởi nghiệp. SV được giới thiệu địa điểm làm thêm, thực tập nghề nghiệp nhằm trau dồi thêm khả năng làm việc sau tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên làm việc với các đơn vị sử dụng lao động nhằm tạo điều kiện cho SV kiến tập, thực tập cũng như định hướng nghề nghiệp [H7.07.18.17].

Công tác tư vấn, hướng nghiệp đã được quan tâm triển khai nhưng hiệu quả còn thấp. Để giải quyết vấn đề này, Nhà trường đã kiện toàn lại Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp; đồng thời kết nối sâu hơn với các doanh nghiệp tiếp nhận SV sau khi tốt nghiệp, đang xúc tiến thành lập Văn phòng tư vấn tâm lý và hướng nghiệp cho SV với mong muốn chuẩn hóa công tác Tư vấn tâm lý và Hướng nghiệp trong thời gian tới [H7.07.18.18].

Nhà trường thường xuyên liên lạc với SV sau khi tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình hình việc làm cũng như khảo sát các ý kiến của cựu SV. Đối với những trường hợp chưa có việc làm, Nhà trường thường xuyên gửi các thông tin tuyển dụng qua email của SV. Ngoài ra, Trường thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ doanh nghiệp và đăng trên website của Phòng CTSV và trang fanpage giới thiệu việc làm của Trường [H7.07.18.19].

2. Điểm mạnh

- Các loại hình hỗ trợ SV của Trường đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng

người học khác nhau.

- Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện dưới nhiều hình thức sáng tạo, giúp thí sinh dễ dàng nắm bắt được thông tin của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Công tác hỗ trợ việc làm cho SV sau tốt nghiệp chưa đáp ứng được hết nhu cầu của SV.

- Công tác tư vấn hướng nghiệp chưa thực sự hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng giải pháp hợp tác với các đơn vị tuyển dụng để hỗ trợ việc làm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV	TT HTSV & QHDN	2019	2021
2		Xây dựng và vận hành Văn phòng Tư vấn tâm lý và Hướng nghiệp cho người học.	Phòng TCHC, Khoa TLGD	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tìm kiếm các học bổng ngoài ngân sách nhằm hỗ trợ tốt hơn cho người học	Phòng CTSV	2019	2021
4		Hoàn thiện các trang thông tin phục vụ người học mang tính chuyên nghiệp, đa dạng kết nối (email, tin nhắn SMS, facebook)	Tổ CNTT và TT	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 18	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 18.1					5		
Chỉ số 18.2					5		
Chỉ số 18.3				4			
Chỉ số 18.4				4			
Chỉ số 18.5				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.40						

Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập

1. Mô tả

Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể để triển khai thực hiện hoạt động đào tạo cũng như kiểm tra đánh giá phù hợp với bối cảnh của Nhà trường và từng loại hình đào tạo. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành *Quy định đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học của Trường; Quy định về đào tạo Thạc sĩ tại Trường ĐHSP, Đại học Đà Nẵng; Quy định về công tác tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy*. Các quy định đã được rà soát, điều chỉnh. Cụ thể là Quy định về *Quy định đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về công tác tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy đã được điều chỉnh bổ sung năm 2019*. Trên cơ sở những quy định này, Nhà trường triển khai các hoạt động kiểm tra đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan [H7.07.19.01, H7.07.19.02].

Hiện nay, Nhà trường đánh giá kết quả học tập của SV bằng cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Tùy theo tính chất của học phần, điểm của học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa kì; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Trước năm 2019, trọng số điểm thi kết thúc học phần là 0,6 và điểm thi thành phần là 0,4. Đến năm 2019, Trường đã điều chỉnh trọng số điểm thi thành phần lên 0,5 để nâng cao hiệu quả của công tác đánh giá điểm thành phần [H7.07.19.03].

Trường đã thực hiện đa dạng hóa loại hình kiểm tra đánh giá. Các hình thức kiểm tra đánh giá bao gồm: thực hành, tự luận, trắc nghiệm khách quan, tiểu luận, đồ án môn học, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tế chuyên môn hoặc kết hợp các loại hình kiểm tra đánh giá [H7.07.19.04]. Loại hình kiểm tra được GV sử dụng chủ yếu là tự luận, các loại hình khác đều được sử dụng nhưng chiếm tỉ lệ không nhiều. Để đảm bảo tính chính xác, công bằng và minh bạch, Nhà trường đã quy định rõ ràng về quy trình ra đề thi, tổ chức thi cho các loại hình đào tạo. Đề thi được xây dựng trên cơ sở ma trận đã được các khoa xây dựng và phê duyệt. Việc xây dựng ma trận đảm bảo nội dung đề thi đúng trọng tâm, nằm trong khu vực của học phần và đáp ứng

chuẩn đầu ra, mục tiêu của học phần. Ma trận được xây dựng dựa trên nội dung chi tiết của học phần và mức độ năng lực nhận thức theo thang Bloom từ nhận thức bậc thấp đến nhận thức bậc cao. Các đề thi đều được làm theo mẫu quy định và được Trường bộ môn duyệt [H7.07.19.05]. Hoạt động khảo thí được Nhà trường tách ra khỏi đào tạo, các bài thi đều được cất phách trước khi chuyển GV chấm. SV được phúc khảo bài thi [H7.09.19.06]. Để đảm bảo tính khách quan, Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động tổ chức thi vào cuối mỗi học kì. Kết quả kiểm tra cho thấy việc tổ chức thi được thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo chính xác, khách quan [H7.07.19.07]. Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai xây dựng các ngân hàng câu hỏi thi, đặc biệt là ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm. Tuy nhiên, số lượng ngân hàng câu hỏi thi được đánh giá và chuẩn hóa theo quy định chưa nhiều.

Các quy định về đào tạo và kiểm tra đánh giá được Nhà trường phổ biến tới SV qua nhiều kênh khác nhau: thông qua các buổi học tập chính trị đầu khóa, đầu năm học; thông qua Cố vấn học tập. Trong buổi học đầu tiên của học phần, GV thông báo cho SV về cách thức kiểm tra đánh giá. Các quy định về đào tạo, kiểm tra đánh giá cũng được Nhà trường đưa lên website giúp SV dễ dàng tiếp cận [H7.07.19.08]. Nhờ vậy, SV nắm rõ được và thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường [H7.07.19.09].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy và SV sắp tốt nghiệp về khóa học, trong đó có hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả cho thấy đại đa số SV (trên 95%) hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá và cho rằng phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo công bằng, khách quan [H7.07.19.10].

Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin

Hoạt động đào tạo của Nhà trường thực hiện theo học chế tín chỉ. SV hệ đào tạo Đại học chính quy của Trường được công nhận đạt năng lực để có thể tốt nghiệp phải tích lũy đủ 135 tín chỉ, trong đó phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và đạt được chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và chứng chỉ Giáo dục Thể chất, Quốc phòng. CTĐT của Nhà trường được thiết kế để mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số chuẩn đầu ra của CTĐT. SV sau khi hoàn thành đủ các tín chỉ theo quy định sẽ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT [H7.07.19.11]. Đối với hệ VLVH, SV hoàn thành hết các học phần trong CTĐT phải tham gia làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp để được xét và công nhận tốt nghiệp [H7.07.19.12].

Đối với các ngành sư phạm, năng lực giảng dạy là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong CTĐT các ngành sư phạm của Trường, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỉ trọng trên 30% tổng số tín chỉ. Các học phần rèn luyện kỹ năng sư phạm sử dụng kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá, trong đó phương pháp thực hành luôn được sử dụng để xác định năng lực giảng dạy của SV [H7.07.19.13]. Ngoài việc đánh giá năng lực giảng dạy của SV bằng các học phần ở Trường; SV còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông thông qua hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm [H7.07.19.14].

Trường đã áp dụng mô hình thực tập vệ tinh dành cho SV năm thứ 03. Việc đánh giá năng lực sư phạm của SV qua thực tập mang tính toàn diện bao gồm đánh giá về năng lực giảng dạy, năng lực NCKH giáo dục, năng lực tìm hiểu đối tượng giáo dục, năng lực làm giáo viên chủ nhiệm và được đánh giá từ đầu học kì 6 của khóa học. Tuy nhiên, quá trình thực hiện mô hình này không tránh khỏi những bất cập, hạn chế: Chồng chéo thời gian học tập và thực tập, SV chưa tích lũy đủ kiến thức để trải nghiệm các hoạt động giảng dạy, cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập chưa có sự thống nhất cao trong tổ chức thực hiện [H7.07.19.15].

Nhà trường đã xây dựng Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ cho tất cả các ngành. Cụ thể là đối với SV hệ chính quy, SV đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ là SV có năng lực ngoại ngữ đạt từ bậc 3/6 (đối với tiếng Anh) và bậc 2/6 (đối với ngoại ngữ khác) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam được ban hành theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 24/01/2014. SV cũng được công nhận tương đương về chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong các trường hợp: SV nhập học có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia, quốc tế hợp lệ còn hiệu lực. Đối với năng lực tin học, SV tốt nghiệp cần đạt được *Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản* ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Các chuẩn đầu ra này cũng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn [H7.07.19.16].

Đối với hoạt động bồi dưỡng, Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực người học bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Người học tham gia khóa bồi dưỡng phải thực hiện các bài tập và trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên hệ thống dạy học trực tuyến và thi trực tiếp bằng hình thức trắc nghiệm. Điều này giúp đánh giá được năng lực của người học làm cơ sở để cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đối với việc hoàn thành khóa học [H7.07.19.17].

2. Điểm mạnh

- Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện liên tục; bằng nhiều hình thức đa dạng; khoa học và khách quan.

- Trường đã phân tích kết quả thi, làm căn cứ để đánh giá chất lượng đề thi của GV.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa xây dựng được nhiều ngân hàng đề thi được chuẩn hóa để phục vụ hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

- Mô hình thực tập vệ tinh bộc lộ những bất cập, hạn chế trong việc bố trí giữa thời gian học tập và thời gian đi thực tế tại trường phổ thông của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi được chuẩn hoá cho 10 học phần.	Phòng KT&ĐBCL, Các khoa	2019	2021
2		Tạm dừng tổ chức mô hình thực tập vệ tinh; thay vào đó, cải tiến mô hình thực tập truyền thống	Phòng ĐT, Các Khoa	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các loại hình kiểm tra đánh giá để đánh giá đúng năng lực của người học	Các khoa	2019	2021
4		Sử dụng phân tích câu hỏi thi để điều chỉnh, nâng cao chất lượng đề thi và hoàn thiện ngân hàng đề thi	Phòng ĐT, KT & ĐBCL, Các khoa	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 19	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.19.1				4			
Chỉ số 7.19.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa

1. Mô tả

Chỉ số 7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho người học có điều kiện thực hành, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể thao. Phong trào SV của Nhà trường luôn được đánh giá là đơn vị xuất sắc dẫn đầu của ĐHĐN và thành phố Đà Nẵng. SV của trường luôn đạt các thành tích cao trong các hội thi văn nghệ, TDTT do ĐHĐN và Thành phố Đà Nẵng tổ chức [H7.07.20.01].

SV được tạo điều kiện tham gia và tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng, tham gia công tác xã hội, tình nguyện. Điều này giúp cho SV trang bị thêm các kỹ năng mềm hữu ích cho công việc và đời sống sau khi tốt nghiệp [H7.07.20.02]. Người học khi tham gia hoạt động ngoại khóa được Nhà trường ghi nhận, khen thưởng và được ưu tiên cộng điểm khi xét học bổng [H7.07.20.02].

Các CLB, Đội, Nhóm trong SV được thành lập và hoạt động dưới sự quản lý hỗ trợ của HSV Trường. SV khi tham gia các hoạt động được HSV tư vấn và hỗ trợ kinh phí hoạt động. Những SV có thành tích tốt được Nhà trường, các tổ chức Đoàn thể cấp giấy chứng nhận và đề nghị khen thưởng [H7.07.20.03].

Trường luôn quan tâm và cải thiện các công trình phục vụ cho người học rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, TDTT. Số lượng và chất lượng các công trình luôn được nâng cao qua hằng năm, đến nay CSVC phục vụ cho các hoạt động phong trào đã khá đầy đủ và phong phú. Năm 2019, Trường đã hoàn thành xây dựng khu nhà sinh hoạt cộng đồng 02 tầng với diện tích sàn 1200 m² và 01 sân bóng rổ mới [H7.07.20.04]. Trong năm 2020, Trường dự kiến cải tạo sân bóng đá hiện tại thành sân cỏ nhân tạo nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu TDTT của SV. Tuy nhiên, CSVC dành cho hoạt động SV mới chỉ đáp ứng về số lượng, nhiều công trình cũ, xuống cấp cũng làm giảm chất lượng hoạt động rèn luyện của SV. Đối với hoạt động rèn luyện NVSP, Nhà trường tạo điều kiện cho SV năm cuối được sử dụng phòng học để tập giảng ngoài giờ lên lớp.

Hằng năm, Phòng CTSV, ĐTN và HSV đều tổ chức tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm, từ đó đề ra các giải pháp cải tiến hoạt động phong trào và rèn luyện nghiệp vụ cho SV [H7.07.20.05].

Chỉ số 7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường

Nhà trường đã tiến hành các thủ tục thành lập Hội Cựu SV cấp Trường, Khoa. Tuy nhiên, do vướng thủ tục hành chính nên việc thành lập bị gián đoạn [H7.07.20.06].

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của cựu SV đối với đơn vị, Nhà trường đã chỉ đạo các Khoa thành lập Ban liên lạc Cựu SV cấp Khoa, đang hoàn thành thủ tục thành lập Ban liên lạc Cựu SV cấp Trường. Năm 2019, Trường đã tổ chức ngày hội cựu SV ngành sư phạm với sự tham gia của hàng trăm cựu SV đến từ các khoa với mục đích thành lập Ban liên lạc chính thống, đồng thời góp ý cho hoạt động xây dựng CTĐT của các khoa. Nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho chương trình ngày hội của các khoa và chi phí đi lại cho cựu SV [H7.07.20.07].

Cựu SV và Ban liên lạc Cựu SV đã có nhiều đóng góp tích cực cho Nhà trường như đóng góp xây dựng quỹ học bổng ở các khoa, tham gia đóng góp ý kiến phát triển Nhà trường, được mời tham gia đóng góp ý kiến nhằm xây dựng và cải tiến CTĐT. Định kỳ hằng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến của cựu SV đã tốt nghiệp sau 06 tháng và 01 năm, trên cơ sở ý kiến của Cựu SV Nhà trường có những cải tiến phù hợp về chương trình cũng như CSVC nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xã hội [H7.07.20.08]. Hoạt động của Ban Liên lạc cựu SV các khoa ngày càng được quan tâm, đẩy mạnh.

2. Điểm mạnh

- SV được tạo điều kiện tham gia nhiều hoạt động phong trào đa dạng, rộng khắp.
- Phong trào SV của Trường luôn là lá cờ đầu của thành phố Đà Nẵng.
- Các hoạt động phong trào và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV đều được kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động của Ban Liên lạc Cựu SV chưa mạnh và đồng đều ở các khoa.
- Một số công trình phục vụ hoạt động ngoại khóa chưa đáp ứng tốt nhu cầu của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kiện toàn Ban liên lạc Cựu SV các Khoa, xây dựng cơ chế hoạt động cụ thể cho Ban liên lạc Cựu SV.	Phòng CTSV và các Khoa	2019	2020

2		Cải tạo sân bóng đá bằng cỏ nhân tạo	Phòng CSVC	2019	2020
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ các hoạt động phong trào và rèn luyện kỹ năng của SV bằng nhiều hình thức; trong đó chú trọng hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp.	ĐTN và Phòng CTSV	2019	2021
4		Bồi dưỡng, nâng cao năng lực của cán bộ đoàn, hội để có những phong trào SV sáng tạo, nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu.	Phòng CTSV và các Khoa	2019	2021
5		Thường xuyên xây dựng các giải pháp cải tiến hoạt động phong trào và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV	Phòng CTSV và các Khoa	2019	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 20	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 20.1				4			
Chỉ số 20.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.50						

KẾT LUẬN

Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư kí và các Nhóm Chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ. Quá trình TĐG của Nhà trường đã tập hợp được tất cả thành phần trong Trường cùng tham gia và đóng góp ý kiến từ cấp lãnh đạo, quản lí đến đội ngũ GV, viên chức. Quá trình TĐG được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lí Chương trình ETEP và chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới. Nhà trường TĐG các nội dung, hoạt động theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm với 07 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí. Mỗi tiêu chí đều được báo cáo thành 05 phần là *Mô tả, Điểm mạnh, Điểm tồn tại, Kế hoạch hành động và Mức độ TĐG*.

Thông qua quá trình TĐG, Nhà trường xác định được bức tranh toàn cảnh cũng như định vị được trên từng lĩnh vực:

Đối với Tầm nhìn chiến lược, quản lí và ĐBCL, Nhà trường đã xây dựng, rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn phù hợp và xây dựng. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch chiến lược, mô hình quản lí để thực hiện Sứ mạng và đạt được các mục tiêu trong Tầm nhìn đã dự báo.

Đối với CTĐT, chương trình bồi dưỡng; Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT, chương trình bồi dưỡng đáp ứng được chuẩn đầu ra, nhu cầu xã hội và gắn kết với chuẩn nghề nghiệp; đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được định kì rà soát, điều chỉnh thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường.

Đối với lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới, Trường đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện Chiến lược KHCN. Kết quả nghiên cứu của Nhà trường được áp dụng có hiệu quả cao; góp phần thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được công bố ở nhiều tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Đối với hoạt động đối ngoại, Trường có mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Trường đã phối hợp với các đối tác để tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho GV, cán bộ quản lí ở các trường phổ thông; phối hợp với các tổ chức và các trường Đại học trong nước và quốc tế để thực hiện nhiều đề tài NCKH có giá trị và đồng tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế được đánh giá cao. Nhà trường đã triển khai được nhiều các biên bản ghi nhớ trong thực tế.

Đối với lĩnh vực Môi trường sư phạm và các nguồn lực, Trường đảm bảo các điều kiện về cảnh quan môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với không gian sư

phạm. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đáp ứng hoạt động dạy và học một cách hiệu quả. Trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tăng nguồn thu về cho Trường như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường NCKH, CGCN; tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các dự án trong và ngoài nước. Các nguồn tài chính của trường được quản lý chặt chẽ và sử dụng hợp lý. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỉ lệ GV có trình độ Tiến sĩ tăng nhanh trong các năm gần đây.

Đối với lĩnh vực hỗ trợ giảng dạy và học tập, các hoạt động hỗ trợ được Nhà trường tiến hành mang lại hiệu quả cao. GV được khuyến khích và tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ dạy học và NCKH. Các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn được Nhà trường tiến hành hiện quả đã và đang nâng cao chất lượng đội ngũ GV. Trường đã có nhiều biện pháp cụ thể giúp người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách xã hội, thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ SV và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT trong SV.

Trên cơ sở những điểm mạnh và tồn tại, Trường ĐHSP - ĐHDN đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể thường niên để vừa phát huy điểm mạnh vừa khắc phục tồn tại; nhằm cụ thể hoá Sứ mạng, hiện thực hoá Tầm nhìn và đưa Nhà trường không ngừng phát triển, trở thành cơ sở giáo dục Đại học uy tín trong khu vực và trên thế giới, xứng tầm thực hiện sứ mệnh “phục vụ cộng đồng”.

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí/Chỉ số	TĐG
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	
<i>Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược</i>	
Chỉ số 1.1.1.	5
Chỉ số 1.1.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.50
<i>Tiêu chí 1.2. Quản lý</i>	
Chỉ số 1.2.1.	5
Chỉ số 1.2.2.	5
Chỉ số 1.2.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.67
<i>Tiêu chí 1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
Chỉ số 1.3.1.	4
Chỉ số 1.3.2.	4
Chỉ số 1.3.3.	5
Chỉ số 1.3.4.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.25
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.34
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	
<i>Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình</i>	
Chỉ số 2.4.1.	4
Chỉ số 2.4.2.	4
Chỉ số 2.4.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.33
<i>Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>	
Chỉ số 2.5.1.	4
Chỉ số 2.5.2.	5
Chỉ số 2.5.3.	4
Chỉ số 2.5.4.	4
Chỉ số 2.5.5.	4
Chỉ số 2.5.6.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.33
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.33
Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
<i>Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.6.1.	4
Chỉ số 3.6.2.	4
Chỉ số 3.6.3.	5
Chỉ số 3.6.4.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.25
<i>Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.7.1.	5
Chỉ số 3.7.2.	5
Chỉ số 3.7.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.57

Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.75
<i>Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương</i>	
Chỉ số 4.8.1.	4
Chỉ số 4.8.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.00
<i>Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế</i>	
Chỉ số 4.9.1.	4
Chỉ số 4.9.2.	4
Chỉ số 4.9.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác</i>	
Chỉ số 4.10.1.	4
Chỉ số 4.10.2.	4
Chỉ số 4.10.3.	4
Chỉ số 4.10.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông</i>	
Chỉ số 4.11.1.	4
Chỉ số 4.11.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	4.50
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.55
Tiêu chuẩn 5: Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
<i>Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm</i>	
Chỉ số 5.12.1.	4
Chỉ số 5.12.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, nguồn tài nguyên dạy và học</i>	
Chỉ số 5.13.1.	5
Chỉ số 5.13.2.	4
Chỉ số 5.13.3.	4
Chỉ số 5.13.4.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	4.50
<i>Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính</i>	
Chỉ số 5.14.1.	4
Chỉ số 5.14.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.00
<i>Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực</i>	
Chỉ số 5.15.1.	5
Chỉ số 5.15.2.	4
Chỉ số 5.15.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.33
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.27
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học	
<i>Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên</i>	
Chỉ số 6.16.1.	5
Chỉ số 6.16.2.	5
Chỉ số 6.16.3.	5
Chỉ số 6.16.4.	5

Chỉ số 6.16.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.80
Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên	
Chỉ số 6.17.1.	5
Chỉ số 6.17.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.50
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.71
Tiêu chuẩn 7: Hỗ trợ học tập	
Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	
Chỉ số 7.18.1.	5
Chỉ số 7.18.2.	5
Chỉ số 7.18.3.	4
Chỉ số 7.18.4.	4
Chỉ số 7.18.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.40
Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	
Chỉ số 7.19.1.	4
Chỉ số 7.19.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa	
Chỉ số 7.20.1.	4
Chỉ số 7.20.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.22
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD:	4.35

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. LƯU TRANG

PHỤ LỤC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 152/QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm,
Đại học Đà Nẵng theo Bộ chỉ số Phát triển các trường sư phạm TEIDI**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP, ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TC-CB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP số 105/QĐ-ETEP ngày 31 tháng 12 năm 2018 giữa Ban Quản lý Chương trình ETEP và Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 27/CV-ETEP ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc Chương trình ETEP về việc xây dựng kế hoạch tự đánh giá TEIDI năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng theo Bộ Chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI gồm các Ông bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá có nhiệm vụ tổ chức, triển khai tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI theo hướng dẫn của Ban Quản lý Chương trình ETEP.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, Tổ trưởng các Tổ trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ml*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu HCTH, KT&ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: 153/QĐ-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Thư ký, Nhóm chuyên trách Trường Đại học Sư phạm,
Đại học Đà Nẵng theo Bộ chỉ số Phát triển các trường sư phạm TEIDI

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP, ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TC-CB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP số 105/QĐ-ETEP ngày 31 tháng 12 năm 2018 giữa Ban Quản lý Chương trình ETEP và Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 27/CV-ETEP ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc Chương trình ETEP về việc xây dựng kế hoạch tự đánh giá TEIDI năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban thư ký, Nhóm chuyên trách Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng theo Bộ Chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI gồm các Ông bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai công việc tự đánh giá Trường Đại học Sư phạm và tìm kiếm minh chứng theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI theo hướng dẫn của Ban Quản lý Chương trình ETEP.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, Tổ trưởng các Tổ trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu HCTH, KT&ĐBCLGD.



PGS.TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI
HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG THEO BỘ CHỈ SỐ TEIDI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-ĐHSP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

- | | |
|---|---------------------|
| 1. PGS.TS. Lưu Trang, Hiệu trưởng | - Chủ tịch Hội đồng |
| 2. PGS.TS. Trần Xuân Bách, Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch TT |
| 3. PGS.TS. Lê Quang Sơn, Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch |
| 4. PGS.TS. Võ Văn Minh, Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch |
| 5. ThS. Trịnh Thế Anh, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD | - Ủy viên TT |
| 6. TS. Phan Đức Tuấn, Trưởng phòng Đào tạo | - Ủy viên |
| 7. TS. Phạm Quý Mười, Trưởng phòng KH&HTQT | - Ủy viên |
| 8. ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trưởng phòng TCHC | - Ủy viên |
| 9. ThS. Nguyễn Vinh San, Trưởng phòng CTSV | - Ủy viên |
| 10. ThS. Nguyễn Văn Khánh, Trưởng phòng CSVC | - Ủy viên |
| 11. CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh, Trưởng phòng KHTC | - Ủy viên |
| 12. TS. Lương Quốc Tuyển, Trưởng khoa Toán học | - Ủy viên |
| 13. TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh, Trưởng khoa Tin học | - Ủy viên |
| 14. PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu, Trưởng khoa Vật lý | - Ủy viên |
| 15. PGS.TS. Lê Tự Hải, Trưởng khoa Hóa học | - Ủy viên |
| 16. TS. Võ Châu Tuấn, Trưởng khoa Sinh – Môi trường | - Ủy viên |
| 17. TS. Nguyễn Duy Phương, Trưởng khoa Lịch sử | - Ủy viên |
| 18. TS. Bùi Bích Hạnh, Trưởng khoa Ngữ văn | - Ủy viên |
| 19. TS. Nguyễn Thị Trâm Anh, Trưởng khoa TLGD | - Ủy viên |
| 20. TS. Đinh Thị Phương, Phó TK phụ trách Khoa GDCT | - Ủy viên |
| 21. TS. Hoàng Nam Hải, Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học | - Ủy viên |
| 22. ThS. Tôn Nữ Diệu Hằng, Phó TK phụ trách Khoa GDMN | - Ủy viên |
| 23. ThS. Đinh Xuân Lâm, Tổ trưởng Tổ Thanh tra Pháp chế | - Ủy viên |
| 24. CN. Huỳnh Ngọc Minh Thi, Tổ trưởng Tổ Thư viện | - Ủy viên |
| 25. ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng, Phó phòng KT&ĐBCLGD | - UV, Thư ký |

Danh sách trên gồm có 25 người.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM,
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG THEO BỘ CHỈ SỐ TEIDI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 02 năm 2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. ThS. Trịnh Thế Anh | - Trưởng Ban |
| 2. ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng | - Phó Ban |
| 3. ThS. Trương Văn Thanh | - Thành viên |
| 4. CN. Đỗ Thế Cường | - Thành viên |
| 5. CN. Trương Minh Tú | - Thành viên |
| 6. CN. Lê Văn Bình | - Thành viên |
| 7. CN. Phan Trương Hoàng My | - Thành viên |
| 8. CN. Lê Trang Tin | - Thành viên |
| 9. CN. Trần Thị Minh Lựu | - Thành viên |
| 10. CN. Hoàng Mạnh Hùng | - Thành viên |
| 11. CN. Nguyễn Thị Lê Na | - Thành viên |
| 12. CN. Tống Thị Quý | - Thành viên |

Danh sách trên gồm có 12 người.



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN NHÓM CHUYÊN TRÁCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG THEO BỘ CHỈ SỐ TEIDI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-ĐHSP ngày 11 tháng 02 năm 2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

Nhóm 1

1. Phan Đức Tuấn	Nhóm trưởng
2. Lê Thanh Huy	Thành viên
3. Đàm Minh Anh	Thành viên
4. Phạm Bốn	Thành viên
5. Nguyễn Minh Phong	Thành viên
6. Tống Thị Quý	Thành viên
7. Đặng Văn Kiều	Thành viên
8. Huỳnh Minh Tuyên	Thành viên

Nhóm 2

1. Nguyễn Thị Minh Ngọc	Nhóm trưởng
2. Nguyễn Viết Hải Hiệp	Thành viên
3. Lê Văn Bình	Thành viên
4. Tân Ngọc Lan	Thành viên
5. Trương Phương Chi	Thành viên
6. Nguyễn Thị Tùng	Thành viên

Nhóm 3

1. Nguyễn Vinh San	Nhóm trưởng
2. Huỳnh Bọng	Thành viên
3. Nguyễn Phú Nghi	Thành viên
4. Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên
5. Lê Trang Tin	Thành viên
6. Phạm Thị Kim Chi	Thành viên

Nhóm 4

1. Phạm Quý Mười	Nhóm trưởng
2. Trần Thị Mai An	Thành viên
3. Phan Trương Hoàng My	Thành viên
4. Nguyễn Thị Thu An	Thành viên
5. Phạm Thị Thanh Mai	Thành viên

Nhóm 5

1. Nguyễn Thị Hồng Thanh	Nhóm trưởng
2. Nguyễn Thị Minh Lựu	Thành viên
3. Phạm Thị Giang Thanh	Thành viên
4. Thái Thị Ngọc Vỹ	Thành viên
5. Dương Thị Yến	Thành viên

Nhóm 6

1. Trịnh Thế Anh	Nhóm trưởng
2. Tôn Nữ Duy Hoàng	Thành viên
3. Trương Văn Thanh	Thành viên
4. Trương Minh Tú	Thành viên
5. Đỗ Thế Cường	Thành viên

